CHỦ ĐỀ: THẾ GIỚI KÌ ẢO – TRUYỆN TRUYỀN KÌ

I/ Khái niệm và một số đặc điểm truyện truyền kì

1/ Khái niệm truyện truyền kì:

Truyện truyền kì là thể loại văn xuôi tự sự, phát triển mạnh mẽ ở thời trung đại, dùng yếu tố kì ảo để làm phương thức nghệ thuật để phản ánh cuộc sống. Truyện truyền kì thuộc bộ phận văn học viết, tuy nhiên, trong quá trình sáng tạo, các tác giả cũng sử dụng nhiều yếu tố của văn học dân gian. Trong mỗi truyện truyền kì, yếu tố kì ảo và yếu tố hiện thực kết hợp, đan xen một cách linh hoạt. Qua những chi tiết kì ảo người đọc có thể nhận thấy những vấn đề cốt lõi của hiện thực cũng nh quan niệm và thái độ của tác giả.

2/ Đặc điểm của truyện truyền kì:

- Có yếu tố kì ảo và yếu tố hiện thực kết hợp đan xen

- Cốt truyện: Truyện truyền kì có khi mô phỏng cốt truyện dân gian hoặc dã sử lưu truyền rộng rãi trong nhân dân ; có khi mượn từ truyện truyền kì Trung Quốc. Cốt truyện của truyện truyền kì được tổ chức chủ yếu dựa trên chuỗi sự kiện sắp xếp sắp xếp theo trật tự tuyến tính ( trình tự thời gian trước sau), có quan hệ nhân quả.

- Nhân vật: Thế giới nhân vật trong truyện kì đa dạng, phong phú. Trong nỗi bật nhất là ba nhóm nhân vật: thần tiên, người trần và yêu quái. Nếu nhân vạt là con người họ thường có những nét đặc biệt nào đó, nếu nhân vật là thần tiên, thần linh, ma quỹ họ thường mang hình ảnh, tinh cách của con người.

- Không gian Trong truyện truyền kì có sự phan trộn giữa cõi trần, cõi tiên, cõi âm; các hình thức không gian này thường không tách biệt mà liên thông với nhau. Điều này làm nên đặc điểm riêng cho không gian truyện truyền kì - không gian giàu yếu tố kì ảo.

- Thời gian: có sự kết hợp chặt chẽ giữa thời gian thực và thời gian ảo. Thời gian thực có các điểm mốc, các niên đại xác định góp phần tạo nên giá trị thực của truyện truyền kì. Thời gian kì ảo thường được sử dụng khi nói về cõi tiên, cõi âm.

- Ngôn ngữ: Trong truyện truyền kì thường sử dụng nhiều điển tích, điển cố.

**MỘT SỐ VĂN BẢN ĐỌC – HIỂU THEO THỂ LOẠI TRUYỆN TRUYỀN KÌ**

**VĂN BẢN 2: TỪ THỨC LẤY VỢ TIÊN**

**( Nguyễn Dữ)**

*Theo truyền thuyết, Từ Thức quê ở ở Hòa Châu (nay thuộc tỉnh Thanh Hóa) sống dưới triều vua Trần Thuận Tông, niên hiệu Quang Thái (1388 – 1398). Ông xuất thân từ phụ ấm, tức nhờ ân đức của cha làm quan viên nên được bổ nhiệm làm tri huyện xứ Kinh Bắc (nay thuộc huyện Tiên Du, Bắc Ninh). Gần nhà ông có một ngôi chùa danh tiếng, trong chùa có trồng một cây mẫu đơn lớn, đến mùa nở hoa rất đẹp, nên ở người các nơi đến xem đông đúc nhộn nhịp, biến nơi đây thành hội xem hoa tưng bừng hàng năm.*

*Tháng 2/1336, trong đám đông khách thập phương viếng chùa có một cô con gái độ 16 tuổi, phấn son chỉ điểm phớt, nhưng dung mạo xinh đẹp rạng rỡ, đến hội xem hoa.Vì thấy hoa đẹp nên nảy ý muốn gần hơn để xem được rõ, cô gái với tay kéo cành xuống. Không may cành mẫu đơn rất giòn nên gãy đổ, những người coi hoa thấy vậy hốt hoảng giữ cô gái lại, trói vào gốc cây để chờ người mang tiền tới chuộc tội làm gãy mất hoa quý. Du khách viếng thăm, người qua kẻ lại xem hoa, không ai để ý đến cô gái, ngày sắp tàn mà vẫn chưa có ai đến nhận. Trong đám người xem hội có quan huyện Từ Thức, thấy trời đã tối mà không có ai đến nhận cô gái, trong khi cô cũng không kêu cứu, ông động lòng thương, nhưng thân quan huyện cũng không có tiền bạc mấy chi, ông bèn cởi chiếc áo khoác trắng làm bằng lông cừu giao cho tăng phòng để chuộc tội cho cô gái được thả ra. Cô gái được tha, cảm tạ ân nhân cứu mạng, nói lời từ biệt rồi sau đó rời đi mất hút.*

*Nghĩa cử của Từ Thức được người dân trong vùng khen ngợi, ông xứng là một viên quan nhân từ. Được lòng dân ắt phải vui mừng, nhưng lâu nay Từ Thức trong lòng không muốn làm quan, ông chỉ muốn ngao du sơn thủy, ngắm cảnh và làm thơ, việc hàng ngày thường bê trễ, bỏ mặc nên thường hay bị thượng quan quở trách.*

*Một lần nọ, một vị quan trên quen biết với gia đình mới gọi Từ Thức lên ôn tồn nhắc nhở:*

*“Thân phụ của thầy làm đến quan Đại Thần, mà thầy không làm nổi một chức tri huyện hay sao?”.*

*Ông không biết trả lời thế nào, ra về với lòng nặng trĩu, nghĩ:*

*“Ta không thể vì số lương năm đấu gạo đỏ mà buộc mình trong danh lợi, hay là từ quan, một mình một thuyền, nước biếc non xanh, chắc trời cao cũng sẽ không phụ ta đâu”.*

*Vài hôm sau, Từ Thức cởi trả ấn tín, cáo quan về quê. Vốn yêu cảnh hang động vùng Tống Sơn, ông khăn gói cùng một tiểu đồng lên đường. Tới nơi, ông dựng một căn nhà nhỏ làm nơi trú ẩn để tiện bề đi thăm non nước trong vùng. Từ đó, không nơi nào là không có dấu chân Từ Thức ghé qua. Phàm những nơi tú non kỳ núi như Chích Trợ, động Lục Vân, sông Lãi, cửa Nga (những thắng cảnh của Thanh Hóa), tất cả đều có thơ vịnh của Từ Thức để lại.*

*Một hôm, Từ Thức dậy sớm, trông ra hướng cửa biển Thần Phù (thuộc Nga Sơn, Thanh Hóa ngày nay), thấy dị tượng mây ngũ sắc ở đâu kéo đến, tụ lại kết nên hình đóa hoa sen trên biển, ông vội chèo thuyền ra xem cho rõ, đến nơi thì bỗng đâu xuất hiện núi lớn chắn lối đi. Ngạc nhiên, ông bảo với thuyền phu:*

*“Ta từng lênh đênh sông nước, thông hết thắng cảnh đông nam, không biết núi này từ đâu lại xuất hiện ngay trước mắt, phải chăng non tiên rụng xuống, vết thần hiển linh ra chăng? Sao trước không mà nay lại có?”.*

*Từ Thức bèn cho thuyền neo vào bờ, quan sát thì thấy vách đá cao sừng sững, không mọc cánh không cách chi lên thăm trên đó được. Cao hứng ông liền xuất thơ đề lên vách đá, với hai câu cuối có ý hỏi: xin ai đó hãy chỉ đường mở lối, cho khách vào viến cảnh chốn thần tiên.*

*“Thiên chương bích thụ quải triêu đôn,  
Hoa thảo nghênh nhân nhập động môn.  
Nhiễu giản dĩ vô tăng thái dược,  
Duyên lưu thặng hữu khách tầm nguyên,  
Lữ du tư vị cầm tam lộng,*

*Điếu đĩnh sinh nhai tửu nhất tôn.  
Nghĩ hướng Vũ Lăng ngư tử vấn,  
Tiền lai viễn cận chủng đào thôn“.*

***Diễn nghĩa:***

*“Triêu dương bóng rải khắp ngày xanh,  
Hoa cỏ cười tươi đón rước mình.  
Hái thuốc nào đâu sư kẽ suối,  
Tìm nguồn duy có khách bên ghềnh.  
Lang thang đất lạ đàn ba khúc,  
Nênh nổi thuyền câu rượu một bình.  
Bến Vũ (9) chàng ngư, tìm thử hỏi,  
Thôn Đào (9) chỉ hộ lối loanh quanh”.*

*Từ Thức bèn cho thuyền neo vào bờ, quan sát thì thấy vách đá cao sừng sững, không mọc cánh không cách chi lên thăm trên đó được. Đề thơ xong, ông đứng ngẫm nghĩ một hồi, bỗng đâu chợt vách núi nứt ra một cửa hang rộng độ một trượng (0,5 mét). Tò mò, ông vén áo chui vào bên trong, vừa đi được vài bước, thì cửa hang bất ngờ đóng sầm lại, bên trong tối đen như mực. Nghĩ chuyến này khó sống, bản năng sinh tồn cộng thêm kinh nghiệm ngao du đây đó, Từ Thức lấy tay sờ soạng lần theo lối rêu. Nếu tìm được đường rêu sẽ lần ra hướng có ánh sáng, ông lần theo một khe nhỏ quanh co như ruột dê. Đi hơn một dặm thấy đường càng rộng hơn, chỉ chốc sau đã lên đến đỉnh núi bên ngoài cảnh quang sáng sủa với nhiều lâu đài huy nga, mây xanh ráng đỏ bám lên các lan can, kỳ hoa dị thảo nở đầy lối đi.Từ Thức nghĩ nếu đây không phải chỗ đền đài thờ phụng, thì cũng thôn xóm của những bậc lánh đời, bỗng chợt thấy có hai người con gái áo xanh thì thầm: “Lang quân nhà ta đã đến, phu nhân chúng tôi sai mời chàng vào chơi“. Đoạn họ đi vào trong tòa nhà lộng lẫy, Từ Thức ngơ ngác chưa hiểu họ mời ai, cho đến khi lại thấy họ ra mời một lần nữa, ông mới yên tâm theo chân đi vào trong. Vòng quanh một bức tường gấm, tiến vào khung cửa son, bật đá, tòa cung điện giác bạc sừng sững, những cảnh vật trước kia chỉ biết qua sách vở nay chính mắt nhìn thấy, lòng không khỏi kinh ngạc, ông băng qua cổng đề: “Điện Quỳnh Hư” đi vào “Gác Dao Quang”. Tại  gác này, một đạo cô áo trắng ngồi trên sập thất bảo, trước sập có kê đôi kỷ nhỏ làm bằng gỗ đàn hương. Đạo cô mời Từ Thức ngồi và bảo:*

*“Tính hiếu kỳ của chàng đã thành chứng nghiệm. Sự vui sướng trong một chuyến đi chơi này, kể cũng đã thỏa nguyện chí bình sinh. Nhưng mối duyên gặp gỡ chàng có còn nhớ gì không?”.*

*Từ Thức mới thưa:*

*“Tôi là một kẻ dật sĩ ở Tống Sơn, một cánh buồm gió, một lá thuyền nan, phóng lãng giang hồ thích đâu đến đấy, nào có biết chốn này lại có tử phủ thành đô. Lần mò lên được đến đây, chẳng khác nào như mọc cánh mà bay lên đến cõi tiên, nhưng lòng trần mờ tối, chưa biết tương lai ra sao, cho nên không nhớ ra chuyện chi, dám xin cao nhân chỉ lối”.*

*Đạo cô cười nói:*

*“Chàng làm sao biết được, đây là núi Phù Lai, một động tiên thứ 6 trong 36 động, nổi trên mây, bồng bềnh ngoài biển cả, dưới chân không bám víu, như hai núi La Phù hợp tan theo sóng nước, tôi là địa tiên khu Nam nhạc, tên thường gọi Ngụy phu nhân. Vì thấy chàng là người đức cao nghĩa trọng sẵn lòng giúp người trong lúc nguy khốn, nên mới dám làm phiền mời chàng đến đây”.*

*Đoạn, bà sai đồng tử gọi một cô tiên ra, Từ Thức nhận ra ngay ra cô gái trước kia đã làm gãy nhành mẫu đơn trong chùa. Bà tiên trỏ bảo rằng:*

*“Đứa con tôi đây là Giáng Hương, ngày trước gặp nạn trong lúc đi xem hoa, may nhờ chàng giúp đỡ, ơn ấy không quên, nay muốn kết duyên để bao đền ơn trước”.*

*Trò chuyện xong, bèn ngay đêm hôm ấy, bà cho người đốt đèn mỡ phượng, trải đệm vàng rồng, làm lễ cho hai người giao bái kết vợ chồng. Ngay ngày hôm sau, quần tiên đến mừng, có vị cưỡi con ly từ phương Bắc xuống, vị đi rồng từ phía Nam lên, có người đi kiệu ngọc, vị cưỡi xe gió, tất cả đến họp mặt chung vui. Yến tiệc tổ chức tầng thượng gác Dao Quang, quần tiên vái chào nhau cùng ngồi bên trái, phía gia chủ ngồi bên phải. Ngồi đâu vào đấy, thì tiếng truyền hô Kim tiên ghé thăm (Tây Vương Mẫu), mọi người đều bước ra đón cúi lạy chào. Sau đó, nhạc được tấu lên, tiệc bày ra bằng mâm mã não, đĩa ngọc thạch, món ăn đều rất kỳ lạ, có thứ rượu kim tương, ngọc lễ, mùi hương đưa lên thơm nức, dưới trần không bao giờ có được của quý như vậy. Đoạn một vị vận áo đạo trắng quay sang nói với Từ Thức:*

*“Chúng tôi chơi ở nơi này mới 180 nghìn năm, mà đã ba lần chứng kiến biển Nam hóa đất liền, nay chàng từ xa đến đây, không vì tiên phàm cách trở, hương lửa ba sinh (ý nói cây hương vẫn còn cháy mà thấy người đã trải qua ba kiếp), tưởng cũng không phụ, đừng nên cho chuyện thần tiên là câu chuyện hoang đường”.*

*Lời được nói ra bởi vị này biết Từ Thức trước đây không mấy tin vào chuyện thần tiên. Buổi tiệc thêm nhộn nhịp với trẻ nhỏ ra vào, chia nhau từng lớp múa điệu Lăng Ba. Đoạn, Ngụy phu nhân mời tiệc, Giáng Hương châm rượu, một vị nói đùa rằng:*

*“Cô dâu hôm nay da hồng hào, không khô gầy như trước, người ta bảo ngọc nữ không chồng, hỏi có tin được không?”.*

*Quần tiên cười khi nghe câu đùa, duy có một vị áo xanh trông lo lắng, nói:*

*“Mối duyên của cô em đây, cũng thật tốt đẹp. Nhưng nghĩ cái giá băng ngọc ở trên trời, lại đi kết mối tóc tơ ở cõi thế, chẳng may tiếng đồn truyền ra, thiên hạ chê cười, quần tiên chúng ta cũng e không khỏi mang tiếng”.*

*Kim tiên nghe thế liền bảo:*

*“Ta ngự chốn lâu thành trên thiên thượng, hầu chầu cạnh đức Thượng đế, chốn mênh mang trần hải bên dưới, chưa từng đặt chân xuống, vậy mà thế gian nhiều chuyện nói gì là đã từng diện kiến ta vào đời Chu, đời Hán, ta mà còn bị thêu dệt như thế, huống chi các nàng đây? Hôm nay có mặt tân lang, chúng ta không nên phiếm bàn những chuyện khác làm rối dạ người ta”.*

*Ngụy phu nhân đáp:*

*“Tôi nghe tiên khó gặp chứ không khó tìm, đạo không tu mà tự đến, những gặp gỡ hiếm lạ, đời nào cũng có, bao chuyện cũ còn sờ sờ ra đấy, nếu chỉ thế này mà bị cười chê, thì đã có những người trước họ đỡ tiếng cho mình”.*

*Mọi người nghe thế cùng phá lên cười rất vui vẻ. Một chập thì đến lúc mặt trời gác núi, khách khứa đều lần lượt ra về. Từ Thức đến bên Giáng Hương đùa hỏi:*

*“Thì ra khắp cõi trời đều có chuyện phối ngẫu, thời có khác nhưng tình vẫn giống nhau, nghìn xưa như thế cả. Nay quần tiên ai về chỗ nấy, sống trong quạnh quẽ cô liêu, có phải họ không nẩy lòng sắc dục, hay cũng có nhưng phải gượng đè nén đi?”.*

*Nghe vậy, Giáng Hương đổi sắc mặt nói: “Những vị ấy đã thuộc về huyền nguyên, tính đã chân nhất, không cần gạn mà lòng tự trong, chẳng đi lấp mà đục vẫn lặng. Không như thiếp đây, bảy tình chưa sạch, trăm cảm dễ sinh, hình trong phủ tía mà tâm lụy duyên trần, thân ngự đền quỳnh mà lòng theo cõi dục, chàng đừng nhìn thiếp đây mà nghĩ quần tiên đều thế”.*

*Từ Thức nói, “Nếu thế thì em còn kém các tiên kia xa lắm”, cả hai vợ chồng cùng vỗ tay cười.…*

*Từ Thức bỏ nhà ra đi thấm thoắt đã một năm, ao sen đã thay màu biếc. Những đêm gió thổi, những sáng sương rơi, ánh trăng qua cửa sổ, tiếng thủy triều vẳng đầu giường, đối cảnh chạnh lòng dấy lên nỗi buồn bâng khuâng, quấy nhiễu khiến không sao ngủ được. Một hôm đứng trông ra biển, thấy chiếc tàu buôn rẽ sóng về Nam. Từ Thức trỏ bảo với Giáng Hương: “Nhà tôi đi về phía hướng đó, nhưng biển cả trời xa chẳng biết tận phương nào”.*

*Một lần rảnh rỗi Từ Thức lại thổ lộ:*

*“Tôi bước khách bơ vơ, lòng quê bịn rịn, lệ hoa thánh thót, lòng cỏ héo hon, dám xin nàng nể tình mà cho tạm về thăm nhà, chẳng hay ý nàng ra sao?”*

*Rồi lại trấn an Giáng Hương: “Tôi xin về để bạn bè gặp mặt và thu xếp việc nhà cho yên, rồi sẽ lại về đây cùng nàng sống già nơi chống làng mây bến nước”.*

*Giáng Hương nghe vậy khóc nói: “Thiếp chẳng dám vì tình phu phụ mà ngăn cản mối lòng quê của chàng. Song trần gian nhỏ hẹp, kiếp người ngắn ngủi, dù chàng có về nhưng chỉ e sân liễu vườn hoa, cảnh tượng không như ngày trước nữa”.*

*Nhưng rồi Từ Thức do còn mang cốt tục, lòng trần, nên Giáng Hương sau đó phải đi bẩm lại xin Ngụy phu nhân an bài cho, tiên bà thở dài nói: “Không ngờ chàng còn bị lòng trần tơ vò đến vậy”.*

*Bà bèn sai mang mang đến một cỗ xe cẩm vân để chàng Thức cưỡi về. Để tiễn đưa chàng, Giáng Hương viết một phong thư bằng vải lụa, dán kín lại rồi đưa cho chàng, dặn rằng đến nhà rồi hãy mở ra xem.*

*Từ Thức ngồi xe, trong chớp mắt đã đến quê cũ bỗng thấy cảnh vật, người phố nay khác xưa duy chỉ dãy núi gần nhà là còn có thể nhận ra. Ông đi tìm người quen, rồi đem tên tuổi danh tính của mình dò hỏi những người lớn tuổi trong làng. Không ai biết tên tuổi người này, duy chỉ một cụ già sau một hồi nghĩ ngợi xa xăm rồi nói:*

*“Hồi nhỏ nghe kể, cụ tổ bốn đời nhà tôi cũng có tên họ giống ông, nhưng 200 năm trước đã đi vào núi rồi lạc mất, nay đã là năm thứ 5 niên hiệu Diên Ninh đời vua Lê thứ ba rồi”.*

*Từ Thức nghe đến đây thì giật mình, lòng bùi ngùi, sau đó muốn tìm lại xe mây để về lại cõi tiên, thì cỗ xe đã hóa thành chim loan bay đi mất. Chợt nhớ đến phong thư vợ gửi mang theo, Từ mở ra đọc thấy có mấy câu:*

*“Kết lứa phượng trong mây,*

*Nay duyên xưa đã tận,*

*Non tiên trên biển lớn,*

*Khó có ngày trùng lai”,*

*Đọc xong mới biết, Giáng Hương đã nói trước với mình những lời từ biệt. Chàng bèn mặc áo lông cừu nhẹ, đội nón lá, đi vào vùng núi Hoành Sơn, rồi sau này không còn ai thấy nữa.*

**ĐỀ ĐỌC HIỂU SỐ 1**

**Đọc và trả lời câu hỏi bằng cách chọn một đáp án đúng nhất.**

**Câu 1.**Tác phẩm *Từ Thức gặp tiên* thuộc thể loại:

A. Truyện truyền kỳ

B. Truyện ngắn

C. Truyện vừa

D. Tiểu thuyết

**Câu 2.** Xác định nhân vật người kể chuyện trong bản kể trên?

A. Từ Thức

B. Giáng Hương

C. Từ Thức và Giáng Hương

D. Người kể chuyện giấu mặt

**Câu 3.**Nguyên nhân nào khiến Giáng Hương bị phạt?

A. Do Giáng Hương làm gãy cành hoa phượng.

B. Do Giáng Hương làm vỡ cốc lưu ly.

C. Do Giáng Hương làm gãy cành hoa mẫu đơn trong chùa.

D. Do Giáng Hương trêu ghẹo nhà sư trong chùa.

**Câu 4.**Điều gì khiến Giáng Hương được tha?

A. Do Từ Thức ra tay cứu giúp.

B. Do nhà chùa thấy không có ai đến nhận.

C. Do Giáng Hương xinh đẹp lại khéo mồm xin xỏ.

D. Do bụt hiện lên giúp đỡ.

**Câu 5.**Tại sao Từ Thức lại xin từ quan?

A. Vì xác Từ Thức không muốn bị bó mình trong vòng danh lợi.

B. Vì Từ Thức đam mê sắc đẹp của Giáng Hương nên từ quan để theo nàng.

C. Vì Từ Thức làm trái lệnh vua.

D. Vì Từ Thức muốn về quê dạy học và nuôi mẹ già.

**Câu 6.**Từ Thức gặp lại Giáng Hương ở núi nào?

A. Núi Phù Lai.

B. Núi Thái Sơn.

C. Núi Phù Đổng .

D. Núi Nghĩa Lĩnh.

**Câu 7.**Theo bản kể trên vì sao lại kết Duyên cùng Từ Thức?

A. Vì Giáng Hương muốn trả ơn Từ Thức.

B. Vì mê đắm vẻ đẹp của Từ Thức.

C. Vì Giáng Hương ngưỡng mộ tài năng của Từ Thức.

D. Vì mẹ Giáng Hương ép nàng phải lấy Từ Thức.

**Câu 8.** Câu văn sau có sử dụng biện pháp nghệ thuật tu từ nào?

*“Tôi bước khách bơ vơ, lòng quê bịn rịn, lệ hoa thánh thót, lòng cỏ héo hon, dám xin nàng nể tình mà cho tạm về thăm nhà, chẳng hay ý nàng ra sao?”*

A. So sánh.

B. Nhân hóa.

C. Ẩn dụ.

D. Ẩn dụ và liệt kê.

**Câu 9.**Từ “bơ vơ” trong câu văn *“Tôi bước khách bơ vơ, lòng quê bịn rịn, lệ hoa thánh thót, lòng cỏ héo hon, dám xin nàng nể tình mà cho tạm về thăm nhà, chẳng hay ý nàng ra sao?” có ngĩa là gì* ?

A. Một mình trơ trọi, lẻ loi, không người thân thích.

B. Không có người thân quen.

C. Bị bỏ rơi, không ai quan tâm.

D. Lạc lõng.

**Câu 10.** Tại sao Giáng Hương nghe chồng mình xin về quê cũ thì nàng lạikhóc và nói: *“Thiếp chẳng dám vì tình phu phụ mà ngăn cản mối lòng quê của chàng. Song trần gian nhỏ hẹp, kiếp người ngắn ngủi, dù chàng có về nhưng chỉ e sân liễu vườn hoa, cảnh tượng không như ngày trước nữa”.*?

A. Vì Giáng Hương biết một năm trên trời bằng trăm năm ở hạ giới.

B. Vì Giáng Hương biết chồng đi sẽ không thể quay trở lại.

C. Vì Giáng Hương biết mối duyên giữa nàng và Từ Thức đã tận.

D. Vì tất cả các lí do trên.

**Câu 11.** Trong truyện *Từ Thức gặp tiên*, Từ Thức đã đi đâu sau khi xem bức thư của Giáng Hương?

1. Chàng đi vào vùng núi Hoành Sơn.
2. Chàng đi vào vùng núi Hoa Quả Sơn.
3. Chàng đi vào vùng núi Thái Sơn.
4. Chàng đi đến nhà Trương Ba đánh cờ.

**Câu 12.** Qua truyện *Từ Thức gặp tiên*, tác giả muốn gửi gắm đến người đọc thông điệp gì?

A. Được sống là điều đáng quý, vì vậy chúng ta phải cố gắng sống bằng mọi giá.

B. Hạnh phúc không phải chỉ ở sự đầy đủ về vật chất, mà còn ở thứ khác quan trọng hơn là sự tự do.

C. Không ai có thể tắm hai lần trong một dòng sông. Cái gì đã đi qua không thể lấy lại được.

D. Đáp án B và C

**Trả lời câu hỏi/ thực hiện yêu cầu:**

**Câu 13.***Chi tiết sau khi được Từ Thức cứu, Giáng Hương lấy thân đền đáp cho thấy nàng là người như thế nào? Vì sao em lại suy nghĩ như vậy?*

**Câu 14.** *Theo em, việc Từ Thức không thể quay lại đoàn tụ với Giáng Hương ở đoạn cuối như thế có phù hợp không?* Vì sao?

**ĐỀ ĐỌC HIỂU SỐ 2**

**Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:**

  Trong năm Quang Thái đời nhà [*Trần*](https://vi.wikipedia.org/wiki/Tr%E1%BA%A7n), người ở Hóa Châu tên là Từ Thức, vì có phụ ấm được bổ làm tri huyện Tiên Du. Bên cạnh huyện có một tòa chùa danh tiếng, trong chùa trồng một cây mẫu đơn, đến kỳ [*hoa*](https://vi.wikipedia.org/wiki/Hoa_L%C6%B0) nở thì người các nơi đến xem đông rộn rịp, thành một đám hội xem hoa tưng bừng lắm. Tháng Hai năm Bính Tý (niên hiệu Quang Thái thứ chín (1396) đời nhà Trần), người ta thấy có cô con gái, tuổi độ mười sáu, phấn son điểm phớt, nhan sắc xinh đẹp tuyệt vời, đến hội ấy xem hoa. Cô gái vin một cành hoa, không may cành giòn mà gãy khấc, bị người coi hoa bắt giữ lại, ngày đã sắp tối vẫn không ai đến nhận. Từ Thức cũng có mặt ở đám hội, thấy vậy động lòng thương, nhân cởi tấm áo cừu gấm trắng, đưa vào tăng phòng để chuộc lỗi cho người con gái ấy. Mọi người đều khen quan huyện là một người hiền đức.

Song Từ Thức vốn tính hay rượu, thích đàn, ham thơ, mến cảnh, việc sổ sách bỏ ùn cả lại thường bị quan trên quở trách rằng:

      – Thân phụ thầy làm đến đại thần mà thầy không làm nổi một chức tri huyện hay sao!

     Từ than rằng:

      – Ta không thể vì số lương năm đấu gạo đỏ mà buộc mình trong áng lợi danh. Âu là một mái chèo về, nước biếc non xanh vốn chẳng phụ gì ta đâu vậy.

Bèn cởi trả ấn tín, bỏ quan mà về. Vốn yêu cảnh hang động ở huyện Tống Sơn, nhân làm nhà tại đấy để ở. Thường dùng một thằng nhỏ đem một bầu rượu, một cây đàn đi theo, mình thì mang mấy quyển thơ của Đào Uyên Minh, hễ gặp chỗ nào thích ý thì hí hửng ngả rượu ra uống. Phàm những nơi nước tú non kì như núi Chích Trợ, động Lục Vân, sông Lãi, cửa Nga, không đâu không từng có những thơ đề vịnh.

(Trích Chuyện Từ Thức lấy vợ tiên, [*Truyền kì mạn lục*](https://lediem.net/2024/04/13/doc-hieu-chuyen-tu-thuc-lay-vo-tien/), Nguyễn Dữ, NXB Hội Nhà văn, 2018, tr.112-113)

**Câu 1**. Thể loại của tác phẩm có chứa đoạn trích trên là gì? Vì sao em khẳng định như vậy?

**Câu 2**. Theo đoạn trích, chức quan của nhân vật Từ Thức là gì? Chàng có phải là một vị quan hết lòng vì dân không? Vì sao?

**Câu 3.** Trong đám hội xem hoa tưng bừng, tại sao cô gái bị người coi hoa bắt giữ lại?

**Câu 4**. Theo đoạn trích, nhân vật Từ Thức được giới thiệu là người có tính cách như thế nào?

**Câu 5.** Em có đồng tình với quan điểm, thái độ của Từ Thức khi trả ấn tín từ quan không? Lý giải điều đó bằng quan điểm của mình.

**GỢI Ý TRẢ LỜI c*huyện Từ Thức lấy vợ tiên ; đọc hiểu chuyện Từ Thức lấy***

**Câu 1.**Thể loại của đoạn trích trên là: Truyền kì. HS bám vào đặc trưng của truyện truyền kỳ để lý giải.

**Câu 2.** Chức quan của nhân vật Từ Thức là: Tri huyện. Chàng không phải là một vị quan hết lòng vì dân. Lý do: Từ Thức vốn tính hay rượu, thích đàn, ham thơ, mến cảnh, việc sổ sách bỏ ùn cả lại thường bị quan trên quở trách.:

**Câu 3.** Trong đám hội xem hoa tưng bừng cô gái bị người coi hoa bắt giữ lại vì: Cô gái vin một cành hoa, không may cành giòn mà gãy.

**Câu 4.** Theo đoạn trích, nhân vật Từ Thức được giới thiệu là người có tính cách: Tính hay rượu, thích đàn, ham thơ, mến cảnh.

**Câu 5.** Em có đồng tình với quan điểm, thái độ của Từ Thức khi trả ấn tín từ quan không? Lý giải điều đó bằng quan điểm của mình.

*HS trình bày theo cảm nhận của mình, có thể lựa chọn đồng tình hoặc không đồng tình và lý giải thuyết phục.*

**ĐỀ ĐỌC HIỂU SỐ 3**

**Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi.**

*Như Từ, Từ khi bỏ nhà đi thấm thoát đã được một năm, ao sen đã đổi thay mầu biếc. Những đêm gió thổi, những sáng sương sa, bóng trăng sáng dòm qua cửa sổ, tiếng thủy triều nghe vẳng đầu giường, đối cảnh chạnh lòng, một mối buồn bâng khuâng, quấy nhiễu khiến không sao ngủ được. Một hôm trông ra bể, thấy một chiếc tàu buôn đi về phương Nam. Từ trỏ bảo Giáng Hương rằng:*

*- Nhà tôi đi về phía kia kìa, song biển cả trời xa, chẳng biết là ở tận đâu.*

*Rồi nhân lúc rỗi, chàng nói với nàng rằng:*

*- Tôi bước khách bơ vơ, lòng quê bịn rịn, lệ hoa thánh thót, lòng cỏ héo hon dám xin thể tình mà cho được tạm về, chẳng hay ý nàng nghĩ thế nào?*

*Giáng Hương bùi ngùi không nỡ dứt. Từ lang nói:*

*- Tôi xin hẹn trong một thời kỳ bao nhiêu lâu, để về cho bạn bè gặp mặt và thu xếp việc nhà cho yên, sẽ lại đến đây để với nàng cùng già ở chốn làng mây bến nước.*

*Giáng Hương khóc mà nói:*

*- Thiếp chẳng dám vì tình phu phụ mà ngăn cản mối lòng quê hương của chàng. Song cõi trần nhỏ hẹp, kiếp trần ngắn ngủi, dù nay chàng về nhưng chỉ e liễu sân hoa vườn, không còn đâu cảnh tượng như ngày trước nữa.*

*Nàng nhân thưa với phu nhân, phu nhân nói:*

*- Không ngờ chàng lại mắc mớ vì mối lòng trần như vậy.*

*Nhân cho một cỗ xe cẩm vân để chàng cưỡi về. Nàng cũng đưa cho chàng một bức thư viết vào lụa mà nói:*

*- Ngày khác trông thấy vật này, xin đừng quên mối tình ngày cũ.*

*Rồi tràn nước mắt mà chia biệt.*

*Chàng đi chỉ thoắt chốc đã về đến nhà, thì thấy vật đổi sao dời, thành quách nhân gian, hết thảy đều không như trước nữa, duy có những cảnh núi khe là vẫn không thay đổi sắc biếc mầu xanh thủa nọ. Bèn đem tên họ mình hỏi thăm những người già cả thì thấy có người nói:*

*- Thuở bé tôi nghe nói ông cụ tam đại nhà tôi cũng cùng tên họ như ông, đi vào núi mất đến nay đã hơn 80 năm, nay đã là năm thứ 5 niên hiệu Diên Ninh là đời ông vua thứ ba của triều Lê rồi.*

*Chàng bấy giờ mới hậm hực bùi ngùi; muốn lại lên xe mây để đi, nhưng xe đã hóa làm một con chim loan mà bay mất. Mở thư ra đọc, thấy có câu: "Kết lứa phượng ở trong mây, duyên xưa đã hết, tìm non tiên ở trên bể dịp khác còn đâu!" mới biết là Giáng Hương đã nói trước với mình những lời ly biệt. Chàng bèn mặc áo cừu nhẹ, đội nón lá ngắn, vào núi Hoành Sơn, rồi sau không biết đi đâu mất.*

(Trích "Từ Thức", "[Truyền kỳ mạn lục](https://topbee.vn/blog/doc-hieu-van-ban-tu-thuc)", bản dịch của Trúc Khê - Ngô Văn Triện. NXB Trẻ & Hội Nghiên cứu giảng dạy văn học TP. HCM, in lại năm 1988)

**Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích***.*

A.**Tự sự**

B.Miêu tả

C. Biểu cảm

D. Nghị luận.

**Câu 2: Khi trở lại chốn cũ quê xưa, Từ Thức thấy những gì?**

A. **Khi trở lại chốn cũ quê xưa, Từ Thức thấy: vật đổi sao dời, thành quách nhân gian, hết thảy đều không như trước nữa, duy có những cảnh núi khe là vẫn không thay đổi sắc biếc mầu xanh thủa nọ.**

B. Khi trở lại chốn cũ quê xưa, Từ Thức thấy: vật đổi sao dời, thành quách nhân gian, hết thảy đều không như trước nữa.

C. Khi trở lại chốn cũ quê xưa, Từ Thức thấy: có những cảnh núi khe là vẫn không thay đổi sắc biếc mầu xanh thủa nọ.

D. Không thấy gì.

**Câu 3: Tại sao Từ Thức từ chối cuộc sống chốn tiên bồng?**

A. Không thích

B.Chán cuộc sống vợ chồng với Giáng Hương

C. **Vì ông vẫn còn nặng lòng với quê hương, với những người thân yêu ở trần gian**.

D. Vì ông nhớ mẹ.

**Câu 4: Tạo sao Từ Thức lại mặc áo cừu nhẹ, đội nón lá ngắn, vào núi Hoành Sơn, sau không biết đi đâu mất?**

A. Bởi vì giờ đây những điều quen thuộc với cuộc sống trước đây của chàng đã chẳng còn nữa.

B. Muốn tìm đường quay về cuộc sống vợ chồng với Giáng Hương.

C. Vì ông đã chán quê hương, với những người thân yêu ở trần gian.

D. **Vì giờ đây những điều quen thuộc với cuộc sống trước đây của chàng đã chẳng còn nữa và vì ông yêu tự do, yêu quê hương sâu sắc mà không màng đến danh lợi.**

**Câu 5: Chuyện về Từ Thức cho ta bài học gì?**

*Câu chuyện về chàng Từ Thức đã cho ta thấy được bài học về tình yêu quê hương, đất nước. Cho dù có đi xa tới đâu, có được thưởng thức những của quý, cảnh đẹp ở nhiều nơi khác thì quê hương vẫn sẽ là nơi ấn tượng nhất, nghĩa nhất đối với bản thân mỗi con người.*

**Câu 6: Viết đoạn văn ngắn (khoảng 3 - 5 câu) nêu suy nghĩ của anh (chị) về luận đề: quê hương trong tim mỗi người.**

*Quê hương là một phần không thể thiếu trong tiềm thức của mỗi người. Quê hương là nơi ta sinh ra, lớn lên, nơi lưu giữ những kỉ niệm đẹp đẽ của tuổi thơ. Quê hương chính là cái nôi nuôi dưỡng tâm hồn ta. Là nơi mà chúng ta tìm về để được che chở khỏi sự xô bồ, ồn ào của xã hội ngoài kia.*

**BÀI VIẾT THAM KHẢO ĐỂ HIỂU RÕ HƠN TRUYỆN TỪ THỨC GẶP TIÊN**

Trong truyện cổ, khi Từ Thức treo ấn từ quan để thỏa chí cùng non xanh nước biếc, gót chân lãng du đưa chàng đến địa phận Tống Sơn, nay thuộc huyện Nga Sơn, Thanh Hóa, ngỡ ngàng trước cảnh non xanh nước biếc khiến chàng phải thốt lên: “Ta đã đi khắp miền đông nam, biết rõ cả vùng này, nhưng chưa bao giờ nghe nói đến những núi non kỳ thú kia. Có lẽ đây là non Tiên đưa đến, hay núi Thần dời lại, không thì làm sao ta chẳng hề thấy bao giờ?” Bèn neo thuyền, lên núi đề bút làm thơ. Mải mê ngắm cảnh, chàng lạc vào một hang động, càng đi càng ngoắt ngoéo, “lần theo lớp rêu trên đá mà đi, một quãng đường hầm dần dần mở rộng. Ra khỏi bóng tối, mắt chàng chói ngợp vì ánh sáng rực rỡ, sửng sốt vì mây muôn màu sắc bao phủ các đền đài dát bằng châu ngọc giữa cảnh vườn đầy hoa quý lạ, hương thơm khác thường...”(2). Gặp chủ nhân của hang động, Từ Thức được biết: “Nơi này biển bao bọc chung quanh, lơ lửng không chạm đất, cũng như núi La Phù theo chiều gió mưa mà tan hợp, như núi Bồng Lai mọc trên ngọn sóng, là hang động thứ sáu trong ba mươi sáu hang động Phù Lai” (*Truyền kỳ mạn lục*). Nếu gạt đi lớp vỏ “truyền kỳ” người đọc sẽ thấy vị trí tự nhiên kỳ lạ của động Từ Thức. Dãy Tam Điệp như con rồng đá hùng vĩ kéo từ tây sang đông, đầu cất cao hướng ra biển Đông. Thời ấy, biển còn ăn sâu trong đất liền, cửa Thần Phù nổi tiếng linh thiêng, kỳ thoại: *“Lênh đênh qua cửa Thần Phù/ Khéo tu thì nổi, vụng tu thì chìm”*(ca dao). Nguyễn Trãi một lần dẫn quân đi thị sát vùng cửa biển, từng cảm thán trước “cửa khẩu Thần Phù”: *Sóng dậy sấm gầm nam lẫn bắc/ Núi liền giáo dựng trước cùng sau.*Trong tưởng tượng của người xưa, giữa chốn mây trời hùng vĩ đó, nếu gặp lúc bình minh thì nơi ấy chính là chốn Bồng Lai. Chàng Từ Thức đến đó như lạc vào cõi tiên. Dễ hiểu tại sao người xưa tưởng tượng nơi ấy là chốn quần tiên hội ngộ, là hang động thứ sáu trong ba mươi sáu hang động của Phù Lai. Động Từ Thức ngày nay vẫn còn dấu tích của nàng Giáng Hương, bàn cờ tiên, suối tiên, kho vàng, kho bạc, cổng trời v.v... Đến động Từ Thức, đứng trước cửa hang, phóng tầm mắt bao quát cả một vùng cảnh quan, du khách không khỏi chạnh lòng ngẫm về câu chuyện cổ, chính nơi này đây, chàng Từ Thức đã gặp tiên và câu chuyện tình trần tiên trộn lẫn vui buồn khắc khoải ấy vẫn là một bí ẩn trong tiềm thức muôn đời.

**Từ Thức gặp tiên - *truyện tình liêu trai, chiều sâu triết lý***

Chuyện kể rằng chàng Từ Thức một lần dừng chân ở động Bích Đào đã được dẫn lối vào một mê cung. Hóa ra đây là động tiên, chàng gặp lại thiếu nữ xinh đẹp đã được chàng giải cứu do nàng sơ ý làm gãy cành hoa nhà chùa. Chàng Từ Thức chuộc lỗi cho cô gái, hành động và cốt cách của chàng đã chinh phục trái tim người đẹp. Không ngờ cô gái lại là tiên nữ giáng trần, mối tình lương duyên trần - tiên đã khiến chàng Từ Thức có cơ may sống ở cõi tiên.

Song chỉ ít lâu ở tiên giới, chàng Từ Thức thấy nhớ nhà, nhớ quê, chàng ngỏ lời với tiên nữ Giáng Hương, vợ chàng, muốn được trở về hạ giới thăm nhà. Nhưng luật trời đã ban, chàng đã thuộc về cõi tiên, nếu trở về trần, chàng sẽ mất hết những gì đang có. Từ Thức đã chọn con đường trở về trần gian. Nhưng khi trở về trần gian thì mọi việc đã hoàn toàn đổi khác, hóa ra một năm trên thượng giới bằng cả trăm năm dưới trần. Chàng Từ Thức thanh xuân trên thượng giới nay trở về trần bỗng chốc biến thành một ông cụ lụ khụ râu tóc bạc phơ. Cha mẹ đã mất, cảnh cũ không còn, chẳng ai biết chàng, Từ Thức trở nên xa lạ ngay ở chính quê hương mình.

Trong kho tàng truyện cổ của Việt Nam, truyện *Từ Thức* có lẽ là truyện cổ duy nhất không có dị bản (không bị địa phương hóa không gian, không bị thay đổi tình tiết chính hoặc tên nhân vật). Đây phải chăng là điều “bất thường” đối với một tác phẩm dân gian. Lý giải điều này, theo chúng tôi, có lẽ chính bởi sắc thái duy lý đậm nét từ nội dung cho đến kết cấu. Duy lý không phải là đặc điểm thói quen của tâm lý người Việt. Người Việt thiên về duy cảm, truyện cổ của người Việt thường kết thúc có hậu để đáp ứng nhu cầu động viên, chia sẻ, hòa giải của một dân tộc vốn có tính cộng đồng rất cao. Tính duy lý của truyện Từ Thức là chiều sâu triết học dưới lớp vỏ ngữ nghĩa. Vì vậy, dù không có dị bản nhưng truyện cổ này vẫn được truyền tụng và phổ biến rộng rãi.

*Những triết lý thuần hậu và sâu sắc, in đậm dấu ấn tính cách và tâm hồn Việt:* chuyện chàng Từ Thức được sống ở cõi tiên, bên cạnh người tiên mà vẫn nhớ quê nhà, nhớ cõi trần đến mức khăng khăng dứt áo ra đi chứng tỏ sức mạnh của môi trường quen thuộc, môi trường ấy ta vẫn quen gọi là nơi chôn rau cắt rốn, là quê nhà. Trong tâm thức người Việt, môi trường cũng đã trở thành máu thịt, căn cốt góp phần hình thành nên tâm hồn và tính cách Việt. Chàng trai trong câu ca dao xưa: *Anh đi anh nhớ quê nhà/ Nhớ canh rau muống nhớ cà dầm tương.* Những thứ đằm sâu trong tâm trí chàng trai không phải là cái độc đáo, đặc biệt mà là cái rất đỗi quen thuộc, gần gũi. Từ Thức trong truyện cổ cũng vậy. Chàng là một tâm hồn thuần Việt. Cõi tiên chỉ hấp dẫn ban đầu, hạnh phúc bên cạnh người đẹp, cuộc sống vật chất đầy đủ mà không níu giữ được chân chàng trai. Bởi tất cả những thứ ấy vẫn ở bên ngoài chàng. Chàng là người của cõi trần nên không thể hòa nhập với cõi tiên xa lạ. Dường như chàng chỉ coi đó là một chốn ngao du. Phải chăng đây là lý do quan trọng nhất khiến chàng “nhớ nhà”, nhớ môi trường quen thuộc và muốn trở về trần. Triết lý và cũng là bài học thứ nhất cho những ai muốn tìm hạnh phúc nơi “xứ người”. Xứ sở mà chàng Từ Thức đã đặt chân tới thực sự đã là cõi tiên - miền cực lạc. Thế mà chàng vẫn không tìm thấy hạnh phúc đích thực, không tìm thấy sự yên ổn cho bến đậu hạnh phúc. Có phải vì môi trường tiên giới ấy không thuộc về chàng, chàng thấy lạc lõng, xa lạ và tiềm thức đã thôi thúc chàng trở về nguồn cội. Ở tình tiết này, có thể thấy một triết lý nữa về hạnh phúc. Với Từ Thức, hạnh phúc quả không phải chỉ ở sự đầy đủ về vật chất, mà còn ở thứ khác quan trọng hơn là sự tự do. Tự do, cho dù là tự do nơi trần thế vẫn ngàn lần quý hơn cuộc sống đầy đủ nơi tiên giới mà mất tự do. Không phải ngẫu nhiên khi phải đặt trước sự lựa chọn, Từ Thức đã quyết chọn con đường trở về trần.

Song, cái giá phải trả cũng không ít. Lần thứ hai, Từ Thức bị lạc lõng. Từ Thức đã “đánh mất mình” khi chối bỏ cuộc sống nơi trần thế để đến với cõi Tiên. Cõi Tiên là một thế giới hoàn toàn khác với thế giới cõi Trần. Người ta chỉ có thể thuộc một trong hai đối cực “Trần” hay “Tiên”. Khi anh đã chối bỏ bên này thì anh đã thuộc về phía bên kia. Từ Thức không được đón nhận ở thế giới cõi trần vì chàng đã từ bỏ nó để tìm đến một thế giới khác. Không ai có thể tắm hai lần trong một dòng sông. Cái gì đã đi qua không thể lấy lại, Từ Thức rơi vào bi kịch của một con người không biết bằng lòng với cuộc sống của mình đang có, không tự bằng lòng với chính mình. Phải chăng đây là căn bệnh của loài người. Một căn bệnh đã được đúc kết thành một mệnh đề khúc chiết: được voi đòi tiên, và kỳ diệu thay, trí tuệ dân gian đã xây dựng triết lý nhân sinh này thành một chuyện tình lãng mạn nhuốm màu bi thương. Câu ca dao dưới đây dường như đồng nghĩa với quan niệm ấy:

*Trách chàng Từ Thức vụng suy*

*Đã lên cõi Phật về chi cõi trần*

Song, dường như chưa hết ý nghĩa trong câu chuyện “chàng Từ Thức vụng suy” kia. Nhìn từ góc độ tổng thể, sẽ thấy một thông điệp khác. Truyện Từ Thức có kết cấu hai phần rất rõ: phần một gọi là phần “Từ Thức gặp tiên”, phần hai là “bi kịch Từ Thức”. Phần một tương ứng với ý nghĩa sẽ thể hiện ước mơ khát vọng về cuộc sống lý tưởng và phần hai tương ứng với ý nghĩa bi kịch thực tế. Như vậy bi kịch Từ Thức là bi kịch của lãng mạn cuộc sống, nó làm cho cuộc sống trở nên thi vị, hấp dẫn hơn, nó khiến người ta lạc quan hơn, vì vậy, nó không thể thiếu. Song nếu chỉ sống với cái phần lãng mạn, mà quay lưng với thực tại thì đến một lúc nào đó anh sẽ rơi vào khoảng không bế tắc, vào ngõ cụt của bi kịch nhận thức: ta là ai? Chàng Từ Thức gặp tiên là mơ ước lãng mạn. Đó là phần bay bổng của cuộc sống. (Tâm lý chung của người Việt hình như thích nửa đầu này của truyện, bằng chứng là phần này được truyền tụng nhiều hơn). Người ta còn ưu ái lấy phần nội dung này để đặt tên cho truyện: *Từ Thức gặp tiên,*hoặc *Từ Thức tiên hôn*. Song, như ta đã thấy, trí tuệ dân gian đã không dừng câu chuyện ở đấy mà tiếp tục xây dựng phần hai, phần “bi kịch Từ Thức” để hoàn chỉnh triết lý về xung đột mang tính muôn thuở này của loài người: để vượt lên những vất vả khó khăn của cuộc sống hàng ngày, người ta vẫn không thôi mơ ước, khát vọng. Song ước mơ, khát vọng nếu thoát ly hiện thực, không được xây dựng trên nền móng hiện thực và không bám rễ vào hiện thực sẽ sa vào bế tắc hư vô.

**VĂN BẢN 3: CHUYỆN NGƯỜI THIẾU PHỤ Ở KHOÁI CHÂU**

**( Nguyễn Dữ)**

*Từ Đạt ở Khoái Châu, (1) lên làm quan tại thành Đông Quan (2) thuê nhà ở cạnh cầu Đồng Xuân, láng giềng với nhà quan Thiêm thư là Phùng Lập Ngôn. Phùng giầu mà Từ nghèo; Phùng xa hoa mà Từ tiết kiệm; Phùng chuộng dễ dãi mà Từ thì giữ lễ. Lề thói hai nhà đại khái không giống nhau. Song cũng lấy nghĩa mà chơi bỡi đi lại với nhau rất thân, coi nhau như anh em vậy. Phùng có người con trai là Trọng Quỳ, Từ có người con gái là Nhị Khanh, gái sắc trai tài, tuổi cũng suýt soát. Hai người thường gặp nhau trong những bữa tiệc, mến vì tài, yêu vì sắc, cũng có ý muốn kết duyên Châu Trần. (3) Cha mẹ đôi bên cũng vui lòng ưng cho, nhân chọn ngày mối lái, định kỳ cưới hỏi.*

*Nhị Khanh tuy hãy còn nhỏ, nhưng sau khi về nhà họ Phùng, khéo biết cư xử với họ hàng, rất hòa mục và thờ chồng rất cung thuận, người ta đều khen là người nội trợ hiền.Trọng Quỳ lớn lên, dần sinh ra chơi bời lêu lổng; Nhị Khanh thường vẫn phải can ngăn. Chàng tuy không nghe nhưng cũng rất kính trọng. Năm chàng 20 tuổi, nhờ phụ ấm được bổ làm một chức ở phủ Kiến Hưng. Gặp khi vùng Nghệ An có giặc, triều đình xuống chiếu kén một viên quan giỏi bổ vào cai trị. Đình thần ghép Lập Ngôn tính hay nói thẳng, ý muốn làm hại, bèn hùa nhau tiến cử. Khi sắc đi phó nhậm, Phùng Lập Ngôn bảo Nhị Khanh rằng: – Đường sá xa xăm, ta không muốn đem đàn bà con gái đi theo, vậy con nên tạm ở quê nhà. Đợi khi sông bằng nước phẳng, vợ chồng con cái sẽ lại cùng nhau tương kiến. Trọng Quỳ thấy Nhị Khanh không đi, có ý quyến luyến không rứt. Nhị Khanh ngăn bảo rằng: – Nay nghiêm đường vì tính nói thẳng mà bị người ta ghen ghét, không để ở lại nơi khu yếu, bề ngoài vờ tiến cử đến chốn hùng phiên, bên trong thực dồn đuổi vào chỗ tử địa. Chả lẽ đành để cha ba đào muôn dặm, lam chướng nghìn trùng, hiểm nghèo giữa đám kình nghê, cách trở trong vùng lèo mán, sớm hôm săn sóc, không kẻ đỡ thay? Vậy chàng nên chịu khó đi theo. Thiếp dám đâu đem mối khuê tình để lỗi bề hiếu đạo. Mặc dầu cho phấn nhạt hương phai, hồng rơi tía rụng, xin chàng đừng bận lòng đến chốn hương khuê. Sinh không đừng được, mới bày một bữa tiệc từ biệt, rồi cùng Lập Ngôn đem người nhà đi vào phương nam. Không ngờ lòng giời khó hiểu, việc người khôn lường, cha mẹ Nhị Khanh nối nhau tạ thế. Nàng đưa tang về Khoái Châu, chôn cất cúng tế xong rồi, đến cùng ở chung với bà cô Lưu thị. Bấy giờ có quan tướng quân họ Bạch là cháu họ ngoại của bà Lưu thị muốn lấy Nhị Khanh làm vợ, đem tiền bạc đến khẩn cầu. Lưu thị bằng lòng, rồi nhân lúc vắng vẻ, bảo Nhị Khanh rằng: – Nhà nước từ ngày họ Nhuận Hồ tiếm vị, ngày tháng hoang chơi, triều chính đổ nát, họa loạn sẽ xảy ra chỉ trong sớm tối; mà Phùng lang từ ngày ra đi, thấm thoắt đã sáu năm nay, tin tức không thông, mất còn chẳng rõ. Lỡ ra gặp lúc rồng tranh hổ chọi, phải khi bướm dại ong cuồng, Tra Lợi mắc vào tay (4), áp Nha không sẵn mặt (5), chỉ e Chương Đài tơ liễu, (6) trôi bay đi đến tận phương nào. Chi bằng bạn lành kén lựa, duyên mới vương xe, lấp những lời giăng gió cợt trêu, nương dưới bóng tùng quân cao cả. Tội gì mà bơ vơ trơ trọi, sống cái đời sương phụ buồn tênh. Nhị Khanh nghe nói sợ hãi, mất ngủ quên ăn đến hàng tháng. Lưu thị tuy biết chí nàng không chuyển động, nhưng cố định lấy lễ nghi để cưỡng ép, hôn kỳ đã rắp sẵn sàng. Nhị Khanh một hôm bảo người bõ già rằng: – Chú là người đầy tớ cũ của nhà ta, há không nghĩ đến sự đền đáp ơn đức của người xưa ư? Bõ già nói: – Tùy ý mợ muốn sai bảo gì tôi xin hết lòng. Nhị Khanh nói: – Ta sở dĩ nhịn nhục mà sống là vì nghĩ Phùng lang hãy còn; nếu chàng không còn thì ta đã liều mình chứ quyết không mặc áo xiêm của chồng để đi làm đẹp với người khác. Chú có thể vì ta chịu khó lặn lội vào xứ Nghệ hỏi thăm tin tức cho ta không? Người bõ già vâng lời ra đi. Bấy giờ binh lửa rối ren, đường sá hiểm trở, hắn phải lận đận đến hàng tuần mới vào được đến Nghệ An. Hắn đi hỏi thăm, biết tin Phùng Lập Ngôn đã mất được mấy năm rồi, lại vì con trai hư, nên gia tư đã sạch sành sanh, đáng phàn nàn quá!*

*Người bõ già ghé thuyền lên bờ, vừa vào trong chợ liền gặp ngay Phùng Sinh. Sinh đưa về chỗ ở thì thấy một chiếc giường xiêu, bốn bề vách trống, trừ có mấy thứ như bàn cờ, hũ rượu, chim mồi, chó săn, không còn cái gì đáng giá. Sinh bảo người bõ già rằng: - Quan nhà không may, thất lộc đã bốn năm nay rồi. Ta vì binh qua nghẽn trở, muốn về không được. Tuy ở chốn quê người đất khách, nhưng hồn mộng không đêm nào không ở bên mình Nhị Khanh. Bèn chọn ngày lên đường về quê. Đến nhà, vợ chồng cũng trông nhau mà khóc. Đêm hôm ấy buồng loan chung gối, Sinh ngâm một bài thơ rằng: Ức tích bình sinh nhật, Tăng hài khế hợp nhân. Cảm quân tình thái hậu. Tiếu ngã mệnh chung truân. Biệt quệ phân huề tảo, Trường đình khuyến ẩm tần. Y y sầu lĩnh kiệu, Nhiễu nhiễu cách phong trần. Cộng ước nhân thiên lý, Tương vương nguyệt bán luân. Xâm tầm nhàn lục tải, Linh tạ trướng song thân. Phạ thụy Hoành sơn hiểu. Hành ca Diễn thủy tân. Đăng lâu Vương Xán lệ, Xách cú Đỗ Lăng cân. Trúc thạch nan y tục. Cầm tôn bất liệu bần. Tha hương lao ký mục, Cố quốc trọng thương thần. Phóng lãng phi ngô sự, Yêm lưu bệnh thử thân. Ninh tri Bồng Đảo khách, Dao dạt Cẩm Giang lân. Thái Thạch trùng di trạo, Hoàng Cô lưỡng vấn tân. Kỷ niên Vu Giáp mộng, Nhất đán Vũ Lăng xuân. Hồ điệp giao tình cựu, Uyên ương biến thái tân. Khinh huyên Đường Quắc quốc, Mỹ mạn Tống Đông lân. Lục ám oanh thanh sáp, Hồng hy yến tử sân. Hiệp du kim Đỗ Mục, Kỳ ngộ cổ Lưu Thần. Ngàm vịnh liêu tùy hứng, Phong lưu khẳng nhượng nhân. Hội ưng truyền thắng sự, Mệnh bút ký Chu Tần.*

*Dịch:  
Nhớ từ năm hãy ngây thơ  
Đôi ta sớm đã xe dây Tấn Tần  
Tình em thắm đượm vô ngần  
Số anh riêng lắm gian truân cũng kỳ.  
Chia tay một sớm ra đi,  
Trường đình chén rượu phân ly rước mời.  
Sầu treo đỉnh núi chơi vơi,  
Mịt mù gió bụi cách vời xa xăm.  
Bắc Nam nghìn dặm âm thầm,  
Trăng cài nửa mảnh đăm đăm bên trời.  
Sáu năm vùn vụt đưa thoi,  
Thông già huyên héo ngậm ngùi nhớ thương.  
Từng khi ngủ dưới Đèo Ngang,  
Từng khi bến Diễn (7) ngâm vang điệu sầu.  
Lệ tuôn, Vương Xán lên lầu, (8)  
Sầu ôm, Đỗ Phủ ngâm câu cảm hoài, (9)  
Rượu đàn trúc đá ham chơi,  
Càng nghèo càng cảm thấy đời bê tha.  
Mắt mòn trông ngóng quê nhà,  
Lòng đau nghĩ nỗi phương xa lạc loài.  
Người mà đến thế thì thôi,  
Đời phiên lãng chỉ là đời bỏ đi.  
Hay đâu tin đến bất kỳ, (10)  
Người tiên còn vẫn yêu vì chưa thôi.  
Bến tiên khách lại trùng lai,  
Mộng say Đỉnh Giáp, xuân tươi Nguồn Đào. (11)  
Uyên bơi bướm giỡn xôn xao,  
Vẻ nào chẳng đượm, nét vào chẳng ưa!  
Đầy vườn lục rậm hồng thưa,  
Con oanh cái én ơ hờ nhớ xuân.  
Duyên may Đỗ Mục, Lưu Thần,  
Thú Phong Lưu dễ nhượng phần cho ai.  
Việc nên truyền lại lâu dài,  
Bút hoa mượn thảo mấy lời vân vân.*

*Hai người vì xa cách nhau lâu, nên nay tình ái bội phần nồng đượm, sự vui sướng không còn phải nói. Song Sinh vì quen thân phóng lãng, thuộc tính chơi bời, về nhà ít lâu rồi nết cũ lại đâu đóng đấy, hằng ngày cùng người lái buôn là Đỗ Tam bê tha lêu lổng. Sinh thì thích Đỗ có tiền nhiều. Đỗ thì ham Sinh có vợ đẹp. Nhưng khi uống rượu với nhau rồi đánh bạc, Đỗ thường lấy lợi dử Sinh. Sinh đánh lần nào cũng được, thấy kiếm tiền dễ như thò tay vào túi mình lấy đồ vật vậy. Nhị Khanh vẫn răn bảo rằng: – Những người lái buôn phần nhiều là giảo quyệt, đừng nên chơi thân với họ; ban đầu tuy họ thả cho mình được, nhưng rồi họ sẽ vét hết của mình cho mà xem. Sinh không nghe. Một hôm Sinh cùng các bè bạn họp nhau đánh tứ sắc. Đỗ bỏ ra trăm vạn đồng tiền để đánh và đòi Sinh đánh bằng Nhị Khanh. Trọng Quỳ quen mui vẫn được luôn, chẳng suy nghĩ gì, liền bằng lòng cách ấy. Giấy giao kèo viết xong rồi vừa uống rượu vừa gieo quân. Trọng Quỳ gieo ba lần đều thua cả ba, sắc mặt tái mét; cử tọa cũng đều ngơ ngác buồn rầu hộ. Trọng Quỳ phải cho gọi Nhị Khanh đến, bảo rõ thực tình, đưa tờ giao kèo cho xem và yên ủi rằng: – Tôi vì nỗi nghèo nó bó buộc, để lụy đến nàng. Việc đã đến thế này, hối lại cũng không kịp nữa. Thôi thì bi hoan tán tụ cũng là việc thường của người ta. Nàng nên tạm về với người mới, khéo chiều chuộng hắn, rồi bất nhật tôi sẽ đem tiền đến chuộc. Nàng liệu cơ không thể thoát khỏi, giả vờ nói tử tế rằng: – Bỏ nghèo theo giầu, thiếp lẽ đâu từ chối. Số giời xếp đặt, há chẳng là tiền định hay sao! Nếu chồng mới không nỡ rẻ bỏ, còn đoái thu đến cái dong nhan tàn tạ này, thiếp xin sửa túi nâng khăn, hết lòng hầu hạ như đã đối với chàng xưa nay. Nhưng xin cho uống một chén rượu, mượn làm một chén tiễn biệt và cho về từ giã các con một chút. Đỗ cả mừng, rót đầy một chén xà cừ rượu đưa mời nàng uống. Uống xong, nàng về nhà ôm lấy hai con, vỗ vào lưng mà bảo rằng: – Cha con bạc tình, mẹ đau buồn lắm. Biệt ly là việc thường thiên hạ, một cái chết với mẹ có khó khăn gì. Nhưng mẹ chỉ nghĩ thương các con mà thôi. Nói xong, lấy đoạn dây tơ thắt cổ mà chết. Đỗ thấy mãi nàng không đến, lấy làm lạ, sai người đến giục, té ra nàng đã chết rồi. Trọng Quỳ hối hận vô cùng, sắm đồ liệm táng tử tế rồi làm một bài văn tế rằng:*

*Hỡi ơi nương tử!  
Khuê nghi đáng bậc,  
Hiền đức vẹn mười.  
Tinh thần nhã đạm,  
Dáng điệu xinh tươi.  
Khi về với ta,  
Vợ chồng thân thiết.  
Ai biết giữa đường,  
Phút nên ly biệt.  
Cha làm quan xa,  
Ta theo hầu hạ.  
Trải sáu năm dư,  
Bặt tin nhạn cá.  
Buồng xuân trướng lạnh.  
Hạc oán vượn sầu.  
Than ôi đường trước,  
Gieo neo đến đâu!  
Bên giời góc bể,  
Nệm khách lẻ loi.  
Tin nhà chợt đến,  
Ngựa về quất roi,  
Sắt cầm dìu dặt,  
Lại gắn keo loan.  
Vừa vui sum họp,  
Phút bỗng lìa tan.  
Ta sao bạc quá!  
Nàng đáng thương thay!  
Nói năng gì nữa,  
Đã đến nỗi này.  
Hoa bay trước viện,  
Quế rụng giữa trời.  
Phù dung ủ rũ,  
Dương liễu tả tơi.  
Phong cảnh còn đây,  
Người đã xa chơi.  
Lấy gì độ em?  
Một lễ lên chùa.  
Lấy gì khuây em?  
Duyên sau đền bù.  
Non mòn bể cạn,  
Mối hận khôn khuây.  
Hỡi ôi nương tử,  
Hâm hưởng lễ này. (13)*

*Trọng Quỳ đã góa vợ, rất ăn năn tội lỗi của mình, song sinh kế ngày một cùng quẫn, ăn bữa sớm lo bữa tối, phải đi vay quanh của mọi người làng xóm. Nhân nghĩ có một người bạn cũ, hiện làm quan ở Quy Hóa, (14) bèn tìm đến để mong nhờ vả. Dọc đường buồn ngủ, chàng nằm ghé xuống ngủ ở gốc cây bàng, bỗng nghe trên không có tiếng gọi rằng:“Có phải Phùng lang đấy không? Nếu còn nghĩ đến tình xưa thì ngày ấy tháng ấy xin đến chờ thiếp ở cửa đền Trưng Vương (15). Ân tình thiết tha, đừng coi là âm dương cách trở”. Sinh lấy làm lạ tiếng giống như tiếng Nhị Khanh, mở mắt ra nhìn thì chỉ thấy trên trời một đám mây đen bay về tây bắc. Sinh tuy rất lấy làm ngờ nhưng cũng muốn thử xem ra sao, bèn đúng hẹn đến trước đền ấy. Song đến nơi chỉ thấy bóng tà rọi cửa, rêu biếc đầy sân, năm ba tiếng quạ kêu ở trên cành cây xao xác. Sinh buồn rầu toan về thì mặt trời đã lặn, bèn ngả mình nằm ở một tấm ván nát trên một cái cầu. Khoảng cuối canh ba, bỗng nghe thấy tiếng khóc nức nở từ xa rồi gần; khi thấy tiếng khóc chỉ còn cách mình độ nửa trượng, nhìn kỹ thì người khóc chính là Nhị Khanh. Nàng bảo với Sinh rằng: – Đa tạ ơn chàng, từ xa lặn lội tới đây, biết lấy gì để tặng chàng được! Trọng Quỳ chỉ tự nhận tội lỗi của mình; nhân hỏi đầu đuôi, Nhị Khanh nói: – Thiếp sau khi mất đi, Thượng đế thương là oan uổng bèn ra ân chỉ, hiện thiếp được lệ thuộc vào tòa đền này, coi giữ về những sớ văn tấu đối, không lúc nào nhàn rỗi để thăm nhau được. Bữa nọ nhân đi làm mưa, chợt trông thấy chàng nên mới gọi; nếu không thì nghìn thu dằng dặc, chẳng biết đến bao giờ được gặp gỡ nhau. Trọng Quỳ nói: – Sao em đến chậm thế? Nhị Khanh nói: – Vừa rồi thiếp nhân theo xe mây, lên có việc ở nơi Đế sở. Vì cớ có chàng nên thiếp đã phải bẩm xin về trước đấy; thành ra cũng sai hẹn với chàng một chút.Bèn dắt tay nhau đi nằm, cùng nhau chuyện trò thủ thỉ. Khi nói đến việc hiện thời, Nhị Khanh chau mày: – Thiếp thường theo chầu tả hữu Đức Bà ở đây, được trộm nghe chư tiên nói chuyện với nhau, bảo Hồ triều sẽ hết vào năm Binh tuất, (16) binh cách nổi lớn, số người bị giết tróc đến chừng hơn 20 vạn, ấy là chưa kể số bị bắt cướp đi. Nếu không phải người giồng cây đức đã sâu thì chỉ e ngọc đá đều bị cháy cả. Bấy giờ có một vị chân nhân họ Lê, từ miền tây nam xuất hiện; chàng nên khuyên hai con bền chí đi theo vị ấy, thiếp dù chết cũng không nát. Trời gần sáng, Nhị Khanh vội dậy để cáo biệt, vừa đi vừa ngoảnh đầu nhìn lại, rồi thoắt chốc thì biến đi mất. Trọng Quỳ bèn không lấy ai nữa, chăm chỉ nuôi hai con cho nên người. Đến khi vua Lê Thái Tổ tuốt gươm đứng dậy ở Lam Sơn, hai người con trai đều đi theo, trải làm đến chức Nhập thị nội.*

*Đến nay ở Khoái Châu hiện còn con cháu.*

**Lời bình:**Than ôi, người con gái có ba đạo theo, theo chồng là một. Nàng Nhị Khanh chết, có quả là đã theo chồng không? Thưa rằng không. Đời xưa bảo theo, là theo chính nghĩa chứ không theo tà dục. Chết hợp với nghĩa, có hại gì cho cái đạo theo. Theo nghĩa tức là theo chồng đó. Có người vợ như thế mà để cho phải hàm oan. Trọng Quỳ thật là tuồng chó lợn. Muốn tề được nhà, phải trước tự sửa mình lấy chính, khiến cho không thẹn với vợ con, ấy là không thẹn với trời đất.

**Chú thích**:

* 1. Khoái Châu: tên huyện, nay thuộc tỉnh Hưng Yên.

(2) Đông Quan: tên gọi Thăng Long dưới thời thuộc Minh.

(3) Duyên Châu Trần: Trung Quốc thời cổ ở huyện Phong thuộc Từ Châu có thôn Châu Trần. Trong thôn chỉ có hai họ Châu Trần đời đời kết hôn với nhau, vì thế trong văn chương Châu Trần thành điển cố để nói về chuyện hôn nhân.

(4) Tra lợi: Hàn Hoành có tài thị phú, làm quan dưới thời vua Đức Tông nhà Đường. Thủa hàn vi có người hiệp sĩ là Lý Sinh đem vợ lẽ yêu và đẹp là Liễu Thị tặng cho, lại giúp cho một số tiền lớn. Sau gặp loạn vợ chồng mỗi người mỗi nơi, Liễu Thị giữ tiết với chồng cắt tóc đi tu ở chùa Pháp Linh. Khi hết loạn, Hoành thuê người đi tìm, có bài thơ rằng: “Chương đài liễu! Tích nhật thanh thanh Kim tại Phủ? Túng sử trường điền tự cựu thùy, Dã ưng phan thiết tha nhân thủ! Nghĩa là: Chương đài liễu xanh xanh ngày trước, Nay còn chăng tha thướt ỏe oai? Ví còn tha thướt cành dài, Bẻ vin chắc đã tay ai khỏi nào! Liễu được thơ cũng làm một bài đáp lại. Nhưng khi Hàn về thì Liễu đã bị tướng Phiên là Sa Tra Lợi bắt đi. Hiệp khách Hứa Tuấn thương Hoành đột nhập vào phủ tướng Phiên cướp được Liễu Thị đem về trả cho Hoành. Hai người lại được đoàn viên.

(5) Đời Đường, Lưu Vô Song là vợ chưa cưới của Vương Tiên Khách. Gặp loạn, nàng bị bắt vào cung. Tiên Khách nhờ được nghĩa sĩ Cổ áp Nha dùng kế đưa thuốc vào cho Vô Song. Uống xong nàng chết. áp Nha giả làm người thân xin chuộc xác nàng mang ra. Đến ngoài, thuốc nhạt, nàng tỉnh lại, vợ chồng đưa nhau đi trốn rồi ở với nhau đến già.

(6) Xem chú thích (4) cùng chuyện.

(7) Bến Diễn: có lẽ là một bến sông thuộc Nghệ An.

(8) Vương Xán: tên tự là Trọng Tuyên, người thời Tam quốc, chạy loạn Đổng Trác, nương náu tại nhà Lưu Biển chốn Kinh Châu; Xán thường lên lầu làm bài phú để tỏ nỗi nhớ nhà.

(9) Đỗ Phủ (712-770): hiệu là Thiếu Lăng, là một nhà thơ lớn đời Đường, có Đỗ Lăng tập.  
(10) Từ câu này đến cuối bài thơ dịch giả tóm tắt, cốt giữ ý và thần câu thơ, không dịch sát nguyên văn. Vì thấy tứ thơ vẫn được giữ đầy đủ nên chúng tôi không hiệu chỉnh.  
(11) Đỉnh giáp: Tức Vu Giáp, theo bài Cao đường phú của Tống Ngọc, giữa đầm Vân Mộng có quán Cao Đường. Tại đây Sở Hoài Vương ngủ ngày chiêm bao thấy thần nữ đến hầu chăn gối. Hỏi thì nàng nói là thần nữ núi Vu Sơn, sớm làm mây tối làm mưa ở chốn Dương Đài. Sau trong văn học, Vu Sơn, Vu Giáp, Cao Đường thường dùng làm điển để biểu đạt chuyện chăn gối ái ân trai gái.

Nguồn đào: Theo Đào hoa nguyên ký của Đào Tiền thì có người đánh cá ở Vũ Lăng theo suối lạc vào rừng đào. ở đấy chàng gặp một thôn xóm thanh bình, hỏi thì được biết họ là những người lánh nạn nhà Tần vào trú ngụ. Nguồn đào đây chỉ xóm tiên.  
(12) Đỗ Mục: xem chú thích (23), Câu chuyện ở đền Hạng Vương. Lưu Thần: Lưu Thần và Nguyễn Triệu người đời Hán, khoảng đầu công nguyên vào núi hái thuốc, lạc đến động tiên, được kết duyên cùng tiên nữ. Được nửa năm, hai người nhớ nhà đòi về. Nhưng đến nhà thì không còn ai quen biết, đã qua bảy đời từ khi hai chàng ra đi. Hai chàng buồn rầu muốn trở lại cõi tiên nhưng không tìm thấy lối cũ đâu nữa.

(13) Bài này lược phần phiên âm.

(14) Quy Hóa: nguyên chú “thuộc xứ Hưng Hóa”, nay thuộc tỉnh Phú Thọ.  
(15) Đền Trưng Vương: nguyên chú “tại xã Hát Giang, huyện Phú Lộc”, nay thuộc tỉnh Hà Tây.

(16) Bính tuất: Năm này ở đây là 1406.

**ĐỀ ĐỌC HIỂU SỐ 1**

**Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:**

*Từ Đạt ở Khoái Châu, lên làm quan tại thành Đông Quan thuê nhà ở cạnh cầu Đồng Xuân, láng giềng với nhà quan Thiêm thư là Phùng Lập Ngôn. Phùng giầu mà Từ nghèo; Phùng xa hoa mà Từ tiết kiệm; Phùng chuộng dễ dãi mà Từ thì giữ lễ. Lề thói hai nhà đại khái không giống nhau. Song cũng lấy nghĩa mà chơi bời đi lại với nhau rất thân, coi nhau như anh em vậy. Phùng có người con trai là Trọng Quỳ, Từ có người con gái là Nhị Khanh, gái sắc trai tài, tuổi cũng suýt soát. Hai người thường gặp nhau trong những bữa tiệc, mến vì tài, yêu vì sắc, cũng có ý muốn kết duyên Châu Trần. Cha mẹ đôi bên cũng vui lòng ưng cho, nhân chọn ngày mối lái, định kỳ cưới hỏi. Nhị Khanh tuy hãy còn nhỏ, nhưng sau khi về nhà họ Phùng, khéo biết cư xử với họ hàng, rất hòa mục và thờ chồng rất cung thuận, người ta đều khen là người nội trợ hiền. Trọng Quỳ lớn lên, dần sinh ra chơi bời lêu lổng; Nhị Khanh thường vẫn phải can ngăn. Chàng tuy không nghe nhưng cũng rất kính trọng. Năm chàng 20 tuổi, nhờ phụ ấm được bổ làm một chức ở phủ Kiến Hưng. Gặp khi vùng Nghệ An có giặc, triều đình xuống chiếu kén một viên quan giỏi bổ vào cai trị. Đình thần ghét Lập Ngôn tính hay nói thẳng, ý muốn làm hại, bèn hùa nhau tiến cử. Khi sắc đi phó nhậm, Phùng Lập Ngôn bảo Nhị Khanh rằng: - Đường sá xa xăm, ta không muốn đem đàn bà con gái đi theo, vậy con nên tạm ở quê nhà. Đợi khi sông bằng nước phẳng, vợ chồng con cái sẽ lại cùng nhau tương kiến.*

(Trích Chuyện người nghĩa phụ ở Khoái Châu, Truyền kì mạn lục, Nguyễn Dữ, NXB Hội Nhà văn, 2018, tr.14-15)

**Câu 1:** Chỉ ra phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích.

*Phương thức biểu đạt chính: Tự sự.*

**Câu 2:** Nhân vật Từ Đạt được nhắc tới trong đoạn trích là người như thế nào?

*Nhân vật Từ Đạt là người: nghèo, tiết kiệm, biết giữ lễ.*

**Câu 3:** Theo đoạn trích, Nhị Khanh có cách ứng xử như thế nào để được khen là người nội trợ hiền?

*Cách ứng xử của Nhị Khanh:*

*+ khéo biết cư xử với họ hàng*

*+ rất hòa mục*

*+ thờ chồng rất cung thuận*

**Câu 4:** Việc Nhị Khanh thường can ngăn Trọng Quỳ khi chàng chơi bời lêu lổng cho thấy nàng là người vợ như thế nào?

*Việc Nhị Khanh thường can ngăn Trọng Quỳ khi chàng chơi bời lêu lổng cho thấy nàng là người vợ:*

*+ có trách nhiệm với chồng*

*+ có ý thức xây dựng gia đình hạnh phúc.*

**Câu 5:** Cách giới thiệu nhân vật của truyện trong đoạn mở đầu có đặc điểm gì?

*Cách giới thiệu nhân vật của truyện trong đoạn mở đầu có đặc điểm: giới thiệu trực tiếp về nhân vật (Tên, quê quán, chức tước, nghề nghiệp, tính cách...)*

**Câu 6:** Qua nhân vật Nhị Khanh, anh/chị hãy nêu suy nghĩ của mình về vẻ đẹp của người phụ nữ Việt Nam.

*Suy nghĩ về vẻ đẹp của người phụ nữ Việt Nam:*

*+ Dịu dàng, nhân hậu.*

*+ Đảm đang, tháo vát.*

*+ Thương chồng, thương con, giàu đức hi sinh.*

*+ Luôn có ý thức xây dựng gia đình hạnh phúc…*

**ĐỀ ĐỌC HIỂU SỐ 2**

**Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi bên dưới**

*Từ Đạt ở Khoái Châu, (1) lên làm quan tại thành Đông Quan (2) thuê nhà ở cạnh cầu Đồng Xuân, láng giềng với nhà quan Thiêm thư là Phùng Lập Ngôn. Phùng giầu mà Từ nghèo; Phùng xa hoa mà Từ tiết kiệm; Phùng chuộng dễ dãi mà Từ thì giữ lễ. Lề thói hai nhà đại khái không giống nhau. Song cũng lấy nghĩa mà chơi bỡi đi lại với nhau rất thân, coi nhau như anh em vậy. Phùng có người con trai là Trọng Quỳ, Từ có người con gái là Nhị Khanh, gái sắc trai tài, tuổi cũng suýt soát. Hai người thường gặp nhau trong những bữa tiệc, mến vì tài, yêu vì sắc, cũng có ý muốn kết duyên Châu Trần. (3) Cha mẹ đôi bên cũng vui lòng ưng cho, nhân chọn ngày mối lái, định kỳ cưới hỏi.*

*Nhị Khanh tuy hãy còn nhỏ, nhưng sau khi về nhà họ Phùng, khéo biết cư xử với họ hàng, rất hòa mục và thờ chồng rất cung thuận, người ta đều khen là người nội trợ hiền.Trọng Quỳ lớn lên, dần sinh ra chơi bời lêu lổng; Nhị Khanh thường vẫn phải can ngăn.*

*Chàng tuy không nghe nhưng cũng rất kính trọng. Năm chàng 20 tuổi, nhờ phụ ấm được bổ làm một chức ở phủ Kiến Hưng. Gặp khi vùng Nghệ An có giặc, triều đình xuống chiếu kén một viên quan giỏi bổ vào cai trị. Đình thần ghép Lập Ngôn tính hay nói thẳng, ý muốn làm hại, bèn hùa nhau tiến cử.*

*Khi sắc đi phó nhậm, Phùng Lập Ngôn bảo Nhị Khanh rằng: – Đường sá xa xăm, ta không muốn đem đàn bà con gái đi theo, vậy con nên tạm ở quê nhà. Đợi khi sông bằng nước phẳng, vợ chồng con cái sẽ lại cùng nhau tương kiến. Trọng Quỳ thấy Nhị Khanh không đi, có ý quyến luyến không rứt. Nhị Khanh ngăn bảo rằng: – Nay nghiêm đường vì tính nói thẳng mà bị người ta ghen ghét, không để ở lại nơi khu yếu, bề ngoài vờ tiến cử đến chốn hùng phiên, bên trong thực dồn đuổi vào chỗ tử địa. Chả lẽ đành để cha ba đào muôn dặm, lam chướng nghìn trùng, hiểm nghèo giữa đám kình nghê, cách trở trong vùng lèo mán, sớm hôm săn sóc, không kẻ đỡ thay? Vậy chàng nên chịu khó đi theo. Thiếp dám đâu đem mối khuê tình để lỗi bề hiếu đạo. Mặc dầu cho phấn nhạt hương phai, hồng rơi tía rụng, xin chàng đừng bận lòng đến chốn hương khuê. Sinh không đừng được, mới bày một bữa tiệc từ biệt, rồi cùng Lập Ngôn đem người nhà đi vào phương nam. Không ngờ lòng giời khó hiểu, việc người khôn lường, cha mẹ Nhị Khanh nối nhau tạ thế. Nàng đưa tang về Khoái Châu, chôn cất cúng tế xong rồi, đến cùng ở chung với bà cô Lưu thị.*

**Câu 1:** **Nhân vật chính trong đoạn trích là ai?**

*Nhân vật chính trong đoạn trích là Nhị Khanh.*

**Câu 2:** **Đoạn trích sau sử dụng cách dẫn nào? Chỉ rõ dấu hiệu nhận biết**.

“Khi sắc đi phó nhậm, Phùng Lập Ngôn bảo Nhị Khanh rằng:

*Đường sá xa xăm, ta không muốn đem đàn bà con gái đi theo, vậy con nên tạm ở quê nhà.* *Đợi khi*

*sông bằng nước phẳng, vợ chồng con cái sẽ lại cùng nhau tương kiến.”*

Đoạn trích đã sử dụng cách dẫn trực tiếp. Dấu hiệu nhận biết là việc trích dẫn lời nói của Phùng Lập Ngôn bằng cách sử dụng dấu ngoặc kép và dấu hai chấm.

**Câu 3**: **Vì sao Nhị Khanh thường can ngăn Trọng Quỳ Khi chàng hay chơi bời lêu lổng?**

*Nhị Khanh thường can ngăn Trọng Quỳ khi chàng hay chơi bời lêu lổng vì cô biết rằng nếu Trọng Quỳ tiếp tục theo đuổi cuộc sống vui chơi, lêu lổng thì sẽ gặp khó khăn và nguy hiểm, và cô không*

*muốn chàng phải đối mặt với những khó khăn đó.*

**Câu 4:** **Em rút ra bài học gì qua lời khuyên chồng của Nhị Khanh ở cuối đoạn trích?**

*Bài học mà ta có thể rút ra từ lời khuyên chồng của Nhị Khanh ở cuối đoạn trích là sự quan tâm và lo lắng của một người vợ cho chồng. Cô không chỉ quan tâm đến việc chồng mình có thể gặp nguy hiểm trong cuộc sống, mà còn lo lắng cho danh dự và hiếu thảo của gia đình.*

**VĂN BẢN 4: HỒN TRƯƠNG BA DA HÀNG THỊT**

**( Nguyễn Dữ)**

*Ngày xưa, có một người tên là Trương Ba, còn trẻ tuổi nhưng đánh cờ tướng rất cao. Nước cờ của anh chàng không mấy ai trong thiên hạ địch nổi. Bao nhiêu giải cờ trong những hội hè mùa xuân đều về tay anh. Tiếng đồn vang khắp nước, sang đến tận Trung-quốc. Buổi ấy ở Trung-quốc có ông Kỵ Như cũng nổi tiếng cao cờ. Khi nghe tiếng Trương Ba, Kỵ Như liền xách khăn gói sang Nam tìm đến tận nhà tỉ thí. Hai người đọ tài nhau mấy ván liền không phân thua được. Nhưng đến ván thứ ba, Trương Ba dồn Kỵ Như vào thế bí. Thấy đối phương vò đầu suy nghĩ, Trương Ba kiêu hãnh bảo:*

*- Nước cờ này dù có Đế Thích xuống đây cũng đừng có hòng gỡ nổi.*

*Bấy giờ Đế Thích là thần cờ đang ngồi trên thiên đình, bỗng nghe câu nói hỗn xược của Trương Ba xúc phạm đến mình, liền cưỡi mây xuống trần định cho y biết tay. Trương Ba và Kỵ Như đang đánh, chợt có một ông cụ già đến ngồi cạnh bàn cờ. Ông cụ thủng thỉnh mách cho Kỵ Như mấy nước. Phút chốc bên Kỵ Như chuyển bại thành thắng. Trương Ba cau có, trong bụng tức giận ông già ở đâu đến làm cho mình lâm vào thế bí. Nhưng nhìn thấy ông cụ râu tóc trắng xóa, mặt mũi không có vẻ là người trần, chàng chợt hiểu, liền sụp xuống lạy mà rằng: - "Ngài hẳn là thần Đế Thích đây rồi, tôi người trần mắt thịt không biết, xin thứ lỗi". Đế Thích cười bảo: - "Ta nghe nhà ngươi tự phụ là cao cờ nên xuống xem cho biết". Trương Ba liền giữ Đế Thích lại mua rượu, giết gà khoản đãi rất chu tất. Đế Thích tuy mới gặp cũng rất yêu mến Trương Ba. Thấy anh chàng khẩn khoản muốn học nước cờ của mình, Đế Thích bảo: - "Ta thấy nhà ngươi có bụng chân thành. Vậy ta cho một nén hương này, mỗi lần cần đến ta thì thắp lên một cây, ta sẽ xuống". Nói đoạn, cưỡi mây bay về trời.*

*Từ đó, Trương Ba thỉnh thoảng lại dọn cỗ mời thần Đế Thích xuống chơi. Hai bên rất tương đắc. Nhưng một hôm Trương Ba bị cái chết mang đi một cách đột ngột. Sau khi chôn cất chồng, người vợ dọn dẹp nhà cửa. Thấy có nén nhang dắt ở mái nhà, chị ta vô tình lấy xuống đốt lên cắm trước bàn thờ chồng. Ở thiên đình, thần Đế Thích nhận được tin bằng mùi hương bèn xuống ngay. Thấy vắng mặt Trương Ba, Đế Thích ngạc nhiên:*

*- Trương Ba đâu?*

*Vợ Trương Ba sụt sùi:*

*- Nhà tôi chết đã gần một tháng nay rồi!*

*- Chết nỗi, sao lúc mới tắt nghỉ không gọi ta xuống liền, để đến bây giờ còn làm thế nào được nữa.*

*Suy nghĩ một chốc, Đế Thích lại hỏi thêm:*

*- Trong xóm hiện nay có ai mới chết không?*

*Vợ Trương Ba đáp:*

*- Có một người hàng thịt mới chết tối hôm qua. Thần Đế Thích bảo chị ta dẫn mình đến nhà người hàng thịt rồi bảo nhỏ với chị: - "Ta sẽ kiếm cách làm cho chồng nhà ngươi sống lại". Nói xong thần hóa phép rồi trở về trời.*

*Nói chuyện trong nhà người hàng thịt lúc đó, mọi người đang xúm quanh linh sàng khóc lóc kể lể thì tự nhiên thấy người chết ngồi nhỏm dậy. Hắn ta vất tất cả mọi đồ khâm liệm rồi chẳng nói chẳng rằng đi thẳng một mạch về nhà Trương Ba. Vợ Trương Ba thấy người hàng thịt biết là thần Đế Thích đã làm cho chồng mình sống lại, mừng rỡ đón vào. Giữa lúc đó thì vợ con người hàng thịt cũng chạy theo níu lấy chồng. Nhưng không những họ bị vợ Trương Ba giằng lại, mà ngay chính chồng họ cũng nhất định không chịu về. Đôi bên cãi cọ nhau cuối cùng biến thành một cuộc đấu khẩu rất kịch liệt. Xóm làng không biết phân xử ra sao, đành đem việc đó lên quan.*

*Quan cho đòi các nhà hàng xóm tới hỏi cung thì ai cũng bảo người sống lại đó là anh hàng thịt. Nhưng chỉ có vợ Trương Ba thì nhất định nhận là chồng mình. Quan hỏi: - "Chồng chị ngày thường làm nghề gì?". Đáp: - "Chồng tôi chỉ thạo đánh cờ mà thôi". Quan lại hỏi vợ người hàng thịt: - "Chồng chị ngày thường làm nghề gì?". Đáp: - "Chồng tôi chỉ thạo nghề mổ lợn".*

*Nghe đoạn, quan sai đem một con lợn vào công đường cho anh hàng thịt mổ, nhưng anh ta lúng túng không biết làm thế nào cả. Quan lại sai mấy người giỏi cờ vào tỷ thí với người hàng thịt thì không ngờ con người đó đi những nước cờ rất cao không ai địch nổi. Quan bèn phán cho về nhà Trương Ba.*

*Vì thế mới có câu Hồn Trương Ba, da hàng thịt[1].*

KHẢO DỊ

Một dị bản vốn gốc từ thần tích kể rằng: Trương Ba là nho sĩ người đời nhà Lý, ở làng Liên Hạ (Hải-dương). Trương Ba ở đây không đánh cờ với Kỵ Như mà thường đánh với Trang Ứng Long vốn là bạn cờ. Trong truyện cũng có việc quan thử thách để tìm ra chân lý. Người chết sống lại cũng không mổ được lợn, nhưng lại làm được thơ phú thao thao bất tuyệt, và khi người bạn cờ Trang Ứng Long cùng đánh một ván, thì ông này nhận ra ngay đó chỉ có thể là Trương Ba.

Đoạn kết truyện còn kể: vì thấy vợ người hàng thịt khóc lóc thảm thiết nên Trương Ba tái sinh đã bàn với vợ và khi được vợ ưng thuận, anh ta lấy luôn người đàn bà kia làm vợ lẽ[2].

Trung-quốc cũng có truyện Xác công tử, hồn ông sư:

Một ông sư ở chùa Vạn-phúc tu hành đắc đạo, tuổi hơn 80 mới chết. Hồn sư đi vơ vẩn gặp một công tử con nhà quan đi săn cùng 10 người hầu, bất thình lình ngã ngựa chết. Hồn sư nhập vào xác mới làm cho xác sống lại. Bọn người hầu tưởng chủ tỉnh lại, chạy tới chăm sóc, nhưng sư ta trừng mắt hỏi: - "Làm sao ta lại ở đây?". Người ta đưa về nhà công tử. Ai đến thăm cũng niệm: - "Nam mô a di đà phật, làm sao ta lại đến đây?". Người ta đưa cơm cho thì ăn, còn thịt thì không đụng đến. Đêm ngủ một mình, hễ thấy bóng đàn bà đến gần là chạy. Cả nhà ngạc nhiên tưởng công tử hóa điên.

Được ba ngày sau, sư ta đi bách bộ ra ngoài hỏi thăm chùa Vạn-phúc, tìm đến, nói mình vốn là hòa thượng ở chùa này. Các sư tiểu trong chùa cho là nói đùa, nhưng sư ta kể lại mọi việc đều phù hợp. Cuối cùng ở lại chùa tu hành như cũ[3].

[1] Theo Vũ Nguyên Hanh, sách đã dẫn. Ở Sử Nam chí dị thì chép: Hồn phách Trương Ba, xương da hàng thịt.

[2] Theo Sê-ông (Chéon). Sưu tập những bài mới.

[3] Theo Bồ Tùng Linh, Liêu trai chí dị.

**ĐỀ ĐỌC HIỂU SỐ 1**

**Đọc và trả lời câu hỏi bằng cách chọn một đáp án đúng nhất.**

**Câu 1.**Tác phẩm *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* thuộc thể loại:

A. Truyện truyền kỳ

B. Truyện ngắn

C. Truyện vừa

D. Tiểu thuyết

**Câu 2.** Xác định nhân vật người kể chuyện trong bản kể trên?

A. Đế Thích

B. Trương Ba

C. Hàng thịt

D. Người kể chuyện giấu mặt

**Câu 3.**Nguyên nhân nào khiến Trương Ba chết?

A. Do Trương Ba bị cái chết mang đi một cách đột ngột

B. Do sự tắc trách của Nam Tào khiến Trương Ba bị chết nhầm

C. Do sự tắc trách của Đế Thích khiến Trương Ba bị chết nhầm

D. Do sự tắc trách của Bắc Đẩu khiến Trương Ba bị chết nhầm

**Câu 4.**Điều gì khiến Trương Ba được sống lại?

A. Do ông ta sống tốt.

B. Do ông ta quen Đế Thích.

C. Do Diêm Vương thấy Trương Ba chưa đến số chết.

D. Do Đế Thích cho hồn Trương Ba nhập vào xác hàng thịt.

**Câu 5.**Tại sao Đế Thích lại để hồn Trương Ba nhập vào xác của hàng thịt?

A. Vì xác Trương Ba đã không còn.

B. Vì xác hàng thịt vừa chết còn nguyên vẹn.

C. Vì hồn Trương Ba nhập nhầm vào xác hàng thịt.

D. Do Đế Thích tắc trách khiến cho hồn Trương Ba nhập vào xác hàng thịt.

**Câu 6.**Vì muốn sao sau khi hàng thịt sống dậy lại chạy một mạch về nhà Trương Ba?

A. Do hồn Trương Ba ở nằm trong xác hàng thịt.

B. Do hàng thịt thích vợ Trương Ba.

C. Do Đế Thích bảo Hàng thịt sang nhà Trương Ba ở.

D. Vì cả 3 lí do trên.

**Câu 7.**Theo bản kể trên vì sao sau khi hàng thịt sống dậy tất cả phải đến nhờ quan phân xử?

A. Vì hàng thịt sau khi sống dậy nhất định về nhà Trương Ba ở.

B. Vì hàng thịt sau khi sống dậy liền về nhà Trương Ba chơi đánh cờ với Đế Thích.

C. Do Đế Thích bảo Hàng thịt sang nhà Trương Ba ở.

D. Vì hai bà vợ giằng co không ai nhường ai.

**Câu 8.** Quan đã làm thế nào để nhận ra đó là Trương Ba hay hàng thịt?

A. Cho hàng thịt đánh bạc.

B. Cho hàng thịt đánh cờ.

C. Cho hàng thịt mổ lợn.

D. Không làm gì cả.

**Câu 9.**Điều gì khiến mọi người đều khẳng định Trương Ba là hàng thịt?

A. Vì Trương Ba mang thể xác của hàng thịt.

B. Trương Ba biết mổ lợn.

C. Vì vợ hàng thịt nhận đúng chồng mình.

D. Cả ba đáp án trên đều sai.

**Câu 10.** Tại sao vợ Trương Ba lại một mực khẳng định hàng thịt là chồng mình?

A. Vì Trương Ba mang thể xác của hàng thịt.

B. Vì Trương Ba biết mổ lợn.

C. Vì vợ Trương Ba biết Đế Thích để hồn chồng mình nhập trong xác hàng thịt.

D. Vì Hàng thịt biết đánh cờ.

**Câu 11.** Trong truyện Hồn Trương Ba da hàng thịt, viên quan đã để hàng thịt đến nhà ai ở?

1. Đến nhà hàng thịt.
2. Không đến nhà ai ở cả.
3. Đến nhà Đế Thích ở.
4. Đến nhà Trương Ba.

**Câu 12.** Qua truyện Hồn Trương Ba, da hàng thịt, tác giả muốn gửi gắm đến người đọc thông điệp gì?

A. Được sống là điều đáng quý, vì vậy chúng ta phải cố gắng sống bằng mọi giá.

B. Cuộc sống chỉ thực sự có ý nghĩa khi con người được sống tự nhiên với sự hài hòa giữa thể xác và tâm hồn.

C. Con người phải luôn biết đấu tranh với những nghịch cảnh, với chính bản thân mình, chống lại sự dung tục, để hoàn thiện nhân cách và vươn tới những giá trị cao quý.

D. Đáp án B và C

**Trả lời câu hỏi/ thực hiện yêu cầu:**

**Câu 13.***Chi tiết sau khi Trương Ba chết, Đế Thích làm cho Trương Ba sống lại cho thấy Đế Thích là người như thế nào? Vì sao em lại suy nghĩ như vậy?*

**Câu 14.** *Theo em, việc quan để cho hàng thịt đến nhà Trương Ba ở đoạn cuối như thế có phù hợp không?* *Vì sao?*

**ĐỀ ĐỌC HIỂU SỐ 2**

**Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:**

*Ngày xưa, có một người tên là Trương Ba, người còn trẻ tuổi nhưng đánh cờ tướng rất cao. Nước cờ của anh chàng không mấy ai trong thiên hạ địch nổi. Bao nhiêu giải cờ trong những hội hè mùa xuân đều về tay anh. Tiếng đồn vang khắp nước, sang đến tận Trung Quốc. Buổi ấy, ở Trung Quốc có ông Kỵ Như cũng nổi tiếng cao cờ. Khi nghe tiếng Trương Ba, Kỵ Như liền xách khăn gói sang Nam tìm đến tận nhà tỉ thí. Hai người đọ tài nhau mấy ván liền không phân thua được. Nhưng đến ván thứ ba, Trương Ba dồn Kỵ Như vào thế bí. Thấy đối phương vò đầu suy nghĩ, Trương Ba kiêu hãnh bảo:*

*- Nước cờ này dù có Đế Thích xuống đây cũng đừng có hòng gỡ nổi.*

*Bấy giờ Đế Thích là thần cờ đang ngồi trên thiên đình, bỗng nghe câu nói hỗn xược của Trương Ba xúc phạm đến mình, liền cưỡi mây xuống trần định cho y biết tay. Trương Ba và Kỵ Như đang đánh, chợt có một ông cụ già đến ngồi cạnh bàn cờ. Ông cụ thủng thỉnh mách cho Kỵ Như mấy nước. Phút chốc bên Kỵ Như chuyển bại thành thắng. Trương Ba cau có, trong bụng tức giận ông già ở đâu đến làm cho mình lâm vào thế bí. Nhưng nhìn thấy ông cụ râu tóc trắng xoá, mặt mũi không có vẻ là người trần, chàng chợt hiểu, liền sụp xuống lạy mà rằng: “Ngài hẳn là thần Đế Thích đây rồi, tôi người trần mắt thịt không biết, xin thứ lỗi". Đế Thích cười bảo: “Ta nghe nhà ngươi tự phụ là cao cờ nên xuống xem cho biết". Trương Ba liền giữ Đế Thích lại mua rượu, giết gà khoản đãi rất chu tất. Đế Thích tuy mới gặp cũng rất yêu mến Trương Ba. Thấy anh chàng khẩn khoản muốn học nước cờ của mình, Đế Thích bảo: “Ta thấy nhà ngươi có bụng chân thành. Vậy ta cho một nắm hương này, mỗi lần cần đến ta thì thắp lên một cây, ta sẽ xuống”. Nói đoạn, cưỡi mây bay về trời.*

(Nguyễn Đổng Chi, *Hồn Trương Ba, da hàng thịt*)

**Câu 1:** **Những yếu tố nào giúp em biết đoạn trên đây được trích từ bản kể truyện truyền kỳ?**

*- Câu mở đầu nói về sự việc xảy ra vào thời quá khứ xa xưa, thời gian không xác định: Ngày xưa...*

*- Nhân vật được giới thiệu ngay ở câu đầu: Ngày xưa, có một người tên là Trương Ba, người còn trẻ tuổi nhưng đánh cờ tướng rất cao.*

*- Sự xuất hiện của những yếu tố có tính chất kì ảo (thần cờ Đế Thích trên thiên đình cưỡi mây xuống trần, Đế Thích cưỡi mây về trời).*

*- Có chi tiết gợi trí tò mò của người đọc, người nghe (lời dặn của Đế Thích khi từ biệt Trương Ba để về thiên đình).*

**Câu 2: Để đánh dấu lời của các nhân vật trong truyện, đoạn trích đã dùng hình thức trình bày nào?**

*Trong đoạn trích, người viết văn bản đã dùng hai hình thức trình bày để giúp người đọc nhận ra lời nhân vật:*

*- Hình thức thứ nhất: Sau lời dẫn của người kể chuyện, dùng dấu hai chấm, xuống dòng, gạch đầu dòng, ghi lời của nhân vật.*

*- Hình thức thứ hai: Sau lời dẫn của người kể chuyện, dùng dấu hai chấm, mở ngoặc kép, ghi lời của nhân vật.*

**Câu 3:** **Ở phần sau của truyện, Đế Thích và Trương Ba sẽ còn gặp nhau. Câu nào trong đoạn trích đã hé lộ điều đó?**

*Để nhận biết khả năng Trương Ba gặp lại Đế Thích ở phần sau của truyện, em cần chú ý chi tiết: Thấy anh chàng khẩn khoản muốn học nước cờ của mình, Đế Thích bảo: “Ta thấy nhờ ngươi có bụng chân thành. Vậy ta cho một nắm hương này, mỗi lần cần đến ta thì tháp lên một cây, ta sẽ xuống". Trong truyện cổ tích, những vật lạ như nắm hương của Đế Thích bao giờ cũng phát huy tác dụng. Và quả đúng như thế. Nếu em đọc hết truyện sẽ biết rằng: Sau này, Trương Ba chết đột ngột, bà vợ dọn dẹp nhà cửa, thấy nắm hương mà Trương Ba đã cất, thắp lên trước bàn thờ của chồng, Đế Thích liền bay từ trời xuống hỏi có chuyện gì.*

**Câu 4: Phân tích tính chất kì ảo của một nhân vật trong đoạn trích.**

*Trong đoạn trích, tính chất kì ảo được thế hiện ở nhân vật Đế Thích. Đây là nhân vật thần linh (gọi là thần cờ), ngự trên thiên đình, có khả năng nghe được tiếng nói của con người ở hạ giới, có thể cưỡi mây xuống trần, thoắt ẩn thoắt hiện, có loại hương đặc biệt (tặng Trương Ba một nắm, hễ muốn gặp Đế Thích thì thắp lên một cây). Những chi tiết lạ lùng, huyền ảo này hoàn toàn không có thực trong đời sống. Đó là kết quả sự thêu dệt bằng trí tưởng tượng phong phú của dân gian mà thôi.*

**Câu 5: Nếu phải kể lại đoạn trên bằng lời của một trong các nhân vật đã xuất hiện, em sẽ chọn kể theo lời nhân vật nào? Vì sao?**

*Trong đoạn trích có ba nhân vật: Trương Ba, Kỵ Như và Đế Thích. Trong đó, Kỵ Như và Đế Thích xuất hiện sau, không biết được tường tận về Trương Ba. Do đó, chọn Trương Ba làm nhân vật kế chuyện là phù hợp nhất.*

**Câu 6: Dựa vào các câu “Buổi ấy, ở Trung Quốc có ông Kỵ Như cũng nổi tiếng cao cờ. Khi nghe tiếng Trương Ba, Kỵ Như liền xách khăn gói sang Nam tìm đến tận nhà tỉ thí”, em hãy đoán nghĩa của từ tỉ thí.**

*Từ tỉ thí nếu đứng riêng, có thể em chưa hiểu nghĩa của nó. Nhưng dựa vào các câu “Buổi ấy, ở Trung Quốc có ông Kỵ Như cũng nổi tiếng cao cờ. Khi nghe tiếng Trương Ba, Kỵ Như liền xách khăn gói sang Nam tìm đến tận nhà tỉ thí” ta có cơ sở để đoán tỉ thí là đấu với nhau (ở đây là đánh cờ) để phân định người thắng người thua.*

**Câu 7: Trong câu “Hai người đọ tài nhau mấy ván liên không phân thua được”, em hãy tìm từ khác thay cho từ thua được mà vẫn giữ nguyên nghĩa của câu.**

*Trong câu "Hai người đọ tài nhau mấy ván liền không phân thua được”, từ thua được có thể thay bằng thắng bại hoặc hơn thua. Thay từ như thế, nghĩa của câu vẫn không thay đổi.*

**VĂN BẢN 5: PHẠM TỬ HƯ LÊN CHƠI THIÊN TÀO**

**( Nguyễn Dữ)**

*Phạm Tử Hư quê ở Cẩm-giàng, là một người tuấn-sảng hào-mại, không ưa kiểm thúc. Theo học nhà xử-sĩ Dương Trạm, Trạm thường răn Tử-Hư về cái tính hay kiêu-căng. Từ đấy chàng cố sức sửa đổi, trở nên người có đức tính tốt.*

*Khi Dương Trạm chết, các học-trò đều tan đi cả, duy Tử-Hư làm lều ở mả để chầu-chực, sau ba năm rồi mới trở về. Năm 40 tuổi, Tử-Hư đi thi vẫn chưa đỗ; đời Trần, sang du học ở kinh, ngụ ở trong một nhà dân bên bờ hồ Tây.*

*Một buổi sáng, Tử-Hư ở nhà trọ đi ra, trong áng sương mù thấy có một đám những tàn vàng kiệu ngọc bay lên trên không; kế lại có một cỗ xe nạm hạt châu, kẻ theo hầu cũng rất chững-chạc. Tử-Hư khẽ dòm trộm xem thì người ngồi trong xe, chính thầy học mình là Dương Trạm. Chàng toan đến gần sụp lạy nhưng Trạm xua tay nói:*

*— Giữa đường không phải chỗ nói chuyện; tối mai nên đến đền Trấn-võ ở cửa Bắc, thầy trò ta sẽ hàn-huyên một hôm.*

*Tử-Hư bèn sắm sẵn rượu và thức nhắm, đúng hẹn mà đến. Thầy trò gặp nhau vui-vẻ lắm, chàng nhân hỏi rằng:*

*— Thầy mới từ trần chưa bao lâu, thoắt đã trở nên hiển-hách khác hẳn ngày trước, xin thầy cho biết rõ duyên do để con được vui mừng.*

*Dương Trạm nói:*

*— Ta thủa sống không có một điều thiện nào đáng khen, chỉ có hay giữ điều tín thực đối với thầy bạn; quý trọng những tờ giấy có chữ, hễ thấy rơi vãi liền nhặt mà đốt đi. Đức Đế-quân đây ngài khen là có bụng tốt, tâu xin cho làm chức trực lại ở cửa Tử đồng. Hôm qua ta hầu linh giá ngài lên chầu Thiên cung, tình cờ lại gặp nhà ngươi, đó cũng là vì thầy trò mình có cái mối duyên.*

*Tử Hư nói:*

*— Thầy được lĩnh chức trọng quyền cao như vậy, chẳng hay sự sống chết thọ yểu của con, thầy có được rõ không?*

*— Việc đó không phải thuộc về chức vụ của ta.*

*— Vậy thế thầy giữ về việc gì?*

*— Ta trông coi về việc văn chương thi cử, khoa danh cao thấp của những học trò trong thiên hạ.*

*Tử Hư mừng mà rằng:*

*— Nếu thế thì tiền trình của con cùng đạt thế nào chắc thầy biết rõ?*

*— Cứ như văn chương tài nghệ của anh, đương đời này không ai bì kịp, huống anh lại còn có tính trung hậu, nết thành thực. Chỉ phải cái hồi còn niên thiếu, anh thường lấy văn tài mà kiêu ngạo với người khác, cho nên trời mới bắt đỗ muộn để phải chùn nhụt cài nết ngông ngáo đi. Nếu không thì cướp thẻ trước của Mông Chính*[*[1]*](https://vi.wikisource.org/wiki/Truy%E1%BB%81n_k%E1%BB%B3_m%E1%BA%A1n_l%E1%BB%A5c/10#cite_note-1)*nhặt hạt cải của Hạ hầu*[*[2]*](https://vi.wikisource.org/wiki/Truy%E1%BB%81n_k%E1%BB%B3_m%E1%BA%A1n_l%E1%BB%A5c/10#cite_note-2)*, phỏng anh còn khó khăn gì nữa. Cho nên xưa nay người ta bàn về kẻ sĩ, tất trước hết xét đến đức hạnh là vì thế. Ngày nay những người mặc áo nhà nho, đeo dải nhà nho thì lại khác hẳn. Họ thường đổi họ để đi học, thay tên để ra thi; hễ trượt đỗ thì đổ lỗi mờ quáng cho quan chấm trường, hơi thành danh thì hợm mình tài giỏi hơn cả tiền bối, chí khí ngông ngáo tính tình tráo trở, thấy thầy nghèo thì lảng tránh, gặp bạn nghèo thì làm ngơ, không biết rằng ngày thường dắt dẫn rèn cặp, phần nhiều là cái công đức cũa thầy bạn. Vả như ta ngày xưa, dạy có đến mấy nghìn học trò, giao du ở kinh đô rất nhiều bè bạn, thế mà sau ta mất, nghe có người đai vàng mũ bạc, có người quan cả ngôi cao, nhưng không hề một ai tìm đến thăm viếng mồ ta mà tưới lên một vài chén rượu. Nhân thế ta vẫn để ý đến anh lắm.*

*Tử Hư nhân đem những người làm quan bấy giờ, nhất nhất hỏi về từng người một:*

*— Thưa thầy, ông mỗ ở ngôi trọng thần mà tham lam không chán, ông mỗ làm chức sư tư mà mô phạm không đủ, ông mỗ coi lễ mà lễ nhiều thiếu thốn, ông mỗ chăn dân mà dân bị tai hại, ông mỗ chấm văn mà lấy đỗ thiên vị, ông mỗ trị ngục mà buộc tội oan uổng; lại còn những người lúc thường bàn nói thì môi mép bẻo lẻo, đến lúc trù tính, quyết định kế lớn của quốc gia thì mờ mịt như ngồi trong đám mây mù, thậm đến không noi theo danh, không xét theo thực, không trung với đấng quân thượng, lớn thì làm việc bán nước của Lưu Dự*[*[3]*](https://vi.wikisource.org/wiki/Truy%E1%BB%81n_k%E1%BB%B3_m%E1%BA%A1n_l%E1%BB%A5c/10#cite_note-3)*nhỏ thì làm việc dối vua của Diên Linh*[*[4]*](https://vi.wikisource.org/wiki/Truy%E1%BB%81n_k%E1%BB%B3_m%E1%BA%A1n_l%E1%BB%A5c/10#cite_note-4)*. Bọn ấy sau khi chết, có phải luận tội gì không, hay là cứ được hưởng tôn vinh mãi thế?*

*Trạm cười mà rằng:*

*— Trồng dưa được dưa, trồng đậu được đậu. Lưới trời thênh-thang, thưa nhưng chẳng lọt. Chỉ có rằng thời-gian chưa đến mà thôi. Nay ta bảo rõ anh nghe: trong khoảng trời đất báo-ứng luân-hồi, chỉ có hai loài thiện ác. Người chăm làm thiện, tuy hãy còn sống, tên đã ghi ở Đế-đình; người hay làm ác, không đợi đến chết, án đã thành ở Địa-phủ. Cho nên Nhan Hồi lúc sống ở trong ngõ hẻm mà chết làm chức Tu-văn*[*[5]*](https://vi.wikisource.org/wiki/Truy%E1%BB%81n_k%E1%BB%B3_m%E1%BA%A1n_l%E1%BB%A5c/10#cite_note-5)*, Vương Bàng ngày thường có nết kiêu-ngoan mà chết phải máu rây mặt đất*[*[6]*](https://vi.wikisource.org/wiki/Truy%E1%BB%81n_k%E1%BB%B3_m%E1%BA%A1n_l%E1%BB%A5c/10#cite_note-6)*. Không phải như người ở cõi đời, có thể mượn thế mà được làm quan, có thể nhờ tiền mà được khỏi vạ, hình-phạt thì quá lạm, tước thưởng thì thiên tư, cúi đầu khom cật, dù hèn-hạ cũng cất nhắc lên, đứa hoạt thằng gian, nhờ đút-lót mà được thoát khỏi. Anh nên cố-gắng, đừng gieo cái nghiệp-báo ở kiếp sau này.*

*Tử-Hư nói:*

*— Cái cửa họa phúc đã được nghe đại-khái. Nhưng nay những người học-trò thường đến đền Đế-quân làm lễ cầu mộng, xin ngài báo ứng cho biết những sự nghiệp về sau. Việc đó có quả thực không?*

*Trạm cười mà rằng:*

*— Đấng Đế-quân ngài nuốt nhả nguyên khí, chu-du tám phương, ngày xét giấy tờ, đêm chầu Thượng-đế, còn lúc nào rỗi để làm cái việc vụn-vặt ấy. Song những người một lòng chay sạch thành kính, thì trong lúc bập-bừng, tựa như có thấy. Người đời không hiểu bèn cho là sự thực, thật đáng buồn cười.*

*— Thưa thầy, nếu thế thì chuyện phóng bảng cửa trời, cũng là câu chuyện truyền ngoa chăng?*

*— Không, việc đó thì có thật đấy.*

*Trạm bèn giơ ra một cuộn giấy phong dán rất kỹ, bảo Tử-Hư rằng:*

*— Đây là bảng xuân sang năm đây. Ta vâng mệnh Đế-quân, đi tra xét kỹ-lưỡng để giao lên cửa trời biên vào cho đủ. Vì có anh đến chơi đây nên ta chưa đi được.*

*Dương Trạm lại kể cho Tử-Hư nghe những thú vui ở trên Thiên-tào, hơn ở cõi trần nhiều lắm, và bảo nhà ngươi nên cố-gắng sửa mình chuốt nết, tự-nhiên có ngày được lên ở trên ấy; như ta đây, cũng là một cái duyên may-mắn khác thường. Tử-Hư nói:*

*— Mình trần vóc tục, còn biết do lối nào mà noi lên được! Chỉ mong theo đòi xe gió, được tạm lên chơi xem một chuyến, chẳng hay thầy có thể giúp cho được không?*

*— Sự đó cũng không khó. Để ta bẩm với đức Đế-quân, đem tên họ anh điền vào.*

*Bèn lấy bút son viết vào cuối giấy hơn mười chữ, rồi bảo cất bỏ tiệc rượu. Tử-Hư được theo thầy lên ngồi ở một bên xe, rồi cỗ xe thẳng đường bay lên. Lên đến trên trời, Tử-Hư thấy một khu có những bức tường bạc bao quanh, cái cửa lớn khảm trai lộng-lẫy, hai bên có những tòa lầu châu điện ngọc, vằng-vặc sáng như ban ngày, sông Ngân bến Sao, ôm-ấp lấy đằng sau đằng trước, gió thơm phưng-phức, đượm ngát quanh hiên, hơi lạnh thấu da, ánh sáng chói mắt, trông xuống cõi trần, thấy mọi cảnh-vật đều bé nhỏ tủn-mủn.*

*Dương Trạm nói:*

*— Anh có biết đây là đâu không? Tức là kinh Bạch-ngọc ở trên trời mà người đời vẫn thường nói đó. Ở chính giữa kia có một đám mây hồng che phủ, tức là cung Tử-vi của đức Thượng-đế ngài ngự. Anh nên đứng chờ ta ở ngoài cửa thành để ta vào tâu xin cho anh.*

*Nói rồi Dương Trạm cầm cuộn giấy đi vào, sau một lúc lâu mới ra. Chợt nghe ở trên thành có tiếng hô vang, nói người đỗ đầu bảng sang năm, đã kén được viên trạng-nguyên họ Phạm rồi.*

*Dương Trạm bèn dẫn Tử-Hư đi chơi thăm khắp cả các tòa. Trước hết đến một tòa có cái biển đề ngoài là « Cửa Tích-Đức » trong có chừng hơn nghìn người mũ hoa dải huệ, kẻ ngồi người đứng. Tử-Hư hỏi thì Dương Trạm nói:*

*— Đó là những vị tiên thuở sống có lòng yêu thương mọi người, tuy không phải dốc hết tiền của để làm việc bố-thí, nhưng biết tùy thời mà chu-cấp, đã không keo bẩn, lại không hợm-hĩnh. Thương-đế khen là có nhân, liệt vào thanh-phẩm nên họ được ở đây.*

*Lại đi qua một tòa sở có cái biển đề ở ngoài là « Cửa Thuận-Hạnh », trong có độ hơn nghìn người, áo mây lọng mưa, kẻ hát người múa. Tử-Hư lại hỏi, Dương Trạm nói:*

*— Đó là những vị tiên thuở sống hiếu-thuận, hoặc trong lưu-ly biết bao-bọc lấy nhau, hoặc đem đất cát mà san-xẻ cho nhau, mấy đời ở chung, không nỡ chia rẽ. Thượng-đế khen là có lòng, cho vào cung mây nên họ được ở đây.*

*Lại đến một tòa sở có cái biển đề là « Cửa Nho Thần » người ở đấy đều áo dài đai rộng, cũng có tới số một nghìn, trong có hai người mặc áo lụa, đội mũ sa. Dương Trạm trỏ bảo Tử-Hư rằng:*

*— Ấy là ông Tô Hiến-Thành triều Lý và ông Chu văn-An triều Trần đó. Ngoài ra thì là những danh thần đời Hán đời Đường, không sung vào quan-vị hay chức-chưởng gì cả, chỉ ngày sóc ngày vọng thì vào tham-yết Đế-quân, như những viên tản quan đời nay thỉnh-thoảng vào chầu vua mà thôi. Cứ cách năm trăm năm lại cho giáng sinh, cao thì làm đến khanh-tướng, thấp cũng làm được sĩ-phu, hiệu-doãn. Ngoài ra còn đến hơn trăm tòa sở nữa, nhưng trời gần sáng không đi xem khắp được, vội cưỡi gió mà bay xuống trần. Xuống đến cửa bắc, thấy trăm quan đã lục-tục vào triều chầu vua.*

*Tử-Hư từ biệt thầy trở về; sang năm đi thi quả đỗ tấn-sĩ. Phàm những việc cát hung họa phúc nhà Tử-Hư, thường được thầy về báo cho biết.*

***Lời bình***

*Than ôi, những chuyện huyền-hoặc Tề-Hài, những lời ngụ-ngôn Trang-Chu, người quân-tử vốn chẳng nên ham-chuộng. Nhưng nếu là chuyện quan-hệ đến luân-thường, là lời ký-ngụ ý khuyên-giới, thì chép ra và truyền lại, có hại gì đâu.*

*Nay như câu chuyện Tử-Hư, có thể để khuyên cho những người ăn-ở trung-hậu với thầy, lại có thể làm răn cho những người ăn ở bạc bẽo với thầy, có quan hệ đến luân thường của người ta lớn lắm. Đến như việc lên chơi Thiên tào, có hay không có, hà tất phải gạn gùng đến nơi đến chốn làm gì!*

**ĐỀ ĐỌC HIỂU SỐ 1**

**Đọc đoạn trích sau và thực hiện theo yêu cầu:**

*“Phạm Tử Hư quê ở Cẩm Giàng, là một người tuấn sảng hào mại không ưa kiềm thúc. Theo học nhà xử sĩ Dương Trạm, Trạm thường răn Tử Hư về cái tính hay kiêu căng. Từ đấy chàng cố sức sửa đổi, trở nên người có đức tính tốt. Khi Dương Trạm chết, các học trò đều tản đi cả, duy Tử Hư làm lều ở mả để chầu chực, sau ba năm rồi mới trở về. Năm 40 tuổi, Tử Hư đi thi vẫn chưa đỗ; đời Trần, sang du học ở kinh, ngụ ở trong một nhà dân bên bờ hồ Tây.*

*Một buổi sáng, ở nhà trọ đi ra, trong áng sương mù thấy có một đám những tán vàng kiệu ngọc bay lên trên không; kế lại có một cỗ xe nạm hạt châu, kẻ theo hầu cũng rất chững chạc. Tử Hư khẽ dòm trộm xem thì người ngồi trong xe, chính thầy học mình là Dương Trạm. Chàng toan đến gần sụp lạy nhưng Trạm xua tay nói:*

*– Giữa đường không phải chỗ nói chuyện, tối mai nên đến đền Trấn Vũ cửa Bắc, thầy trò ta sẽ hàn huyên.  Tử Hư bèn sắm rượu và thức nhắm, đúng hẹn mà đến. Thầy trò gặp nhau vui vẻ lắm, chàng nhân hỏi rằng:*

*– Thầy mới từ trần chưa bao lâu, thoắt đã trở nên hiển hách khác hẳn ngày trước, xin thầy cho biết rõ duyên do để con được vui mừng. Dương Trạm nói:*

*– Ta thuở sống không có một điều thiện nào đáng khen, chỉ có hay giữ điều tín thực đối với thầy bạn, quý trọng những tờ giấy có chữ, hễ thấy rơi vãi liền nhặt mà đốt đi. Đức Đế quân đây ngài khen là có bụng tốt tâu xin cho làm chức trực lại ở cửa Tử đồng. Hôm qua ta hầu lính giá ngài lên chầu Thiên cung, tình cờ lại gặp nhà ngươi, đó cũng là vì thầy trò mình có cái mối duyên…”*

*(Trích* Chuyện Phạm Tử Hử lên chơi Thiên Tào*, Truyền kì mạn lục, Nguyễn Dữ,*

*NXB Trẻ,2016,Tr.142)*

**Lựa chọn một đáp án đúng nhất:**

**Câu 1. Xác định thể loại của đoạn trích trên**

A.Truyện ngắn

B.Tiểu thuyết

C.Truyền kì

D.Thơ văn xuôi

**Câu 2. Theo đoạn trích, tính cách nào của Tử Hư được Dương Trạm răn đe và sửa đổi?**

A.Không ưa kiềm thúc

B.Kiêu căng

C.Nóng nảy

D.Ngang bướng

**Câu 3. Xác định các nhân vật người kể chuyện trong đoạn trích trên.**

A.Phạm Tử Hư, Dương Trạm

B.Nguyễn Dữ, Dương Trạm

C.Người kể chuyện, Dương Trạm

D.Phạm Tử Hư, Dương Trạm, Nguyễn Dữ

**Câu 4. Điều gì khiến Dương Trạm được Đức Đế quân khen là có bụng tốt và  tâu xin cho làm chức trực lại ở cửa Tử đồng?**

A.Tôn sư trọng đạo, uống nước nhớ nguồn.

B.Toan chạy đến gần sụp lạy khi thấy Đức Đế.

C.Giữ điều tín thực với thầy bạn, quý trọng những tờ giấy có chữ.

D.Giữ điều tín thực với thầy bạn, quý trọng những tờ giấy có chữ, hễ thấy rơi vãi liền nhặt mà đốt đi.

**Câu 5. Từ Hán Việt “kiềm thúc” được hiểu nghĩa như thế nào?**

A. Tiết kiệm

B. Kiềm chế bó buộc trong hoạt động.

C. Hối thúc, thúc giục.

D. Kiềm chế cảm xúc cá nhân

**Câu 6: Hiệu quả nghệ thuật của chi tiết kì ảo được sử dụng trong đoạn trích?**

A. Ca ngợi phẩm chất cao quý của Tử Hư.

B. Tạo ra sự sinh động, tạo hứng thú tăng tính hấp dẫn cho người đọc.

C. Muốn bất tử hóa nhân vật Dương trạm vì đã có những phẩm chất tốt.

D. Cả B và C.

**Câu 7. Ý nào khái quát nội dung chính của đoạn trích**?

A. Ca ngợi phẩm chất tốt đẹp của Dương Trạm và tình nghĩa thầy trò cao quý.

B. Ca ngợi phẩm chất tốt đẹp của Tử Hư và tình nghĩa thầy trò cao quý.

C. Phê phán những học trò không biết tôn sư trọng đạo.

D. Nhắn nhủ mỗi cá nhân cần phải có đức tính tôn sư trọng đạo.

**Trả lời câu hỏi/ thực hiện yêu cầu:**

**Câu 8.***Chi tiết khi Dương Trạm chết, các học trò đều tản đi cả, duy Tử Hư làm lều ở mả để chầu chực, sau ba năm rồi mới trở về cho thấy Phạm Tử Hư là người như thế nào?*

**Câu 9.** *Theo anh/chị tinh thần tôn sư trọng đạo được biểu hiện như thế nào?*

**Câu 10.** *Từ những hành động và tình cảm của Tử Hư dành cho người thầy của mình, em có suy nghĩ gì về truyền thống tôn sư trọng đạo của nhân dân ta?*

**GỢI Ý ĐÁP ÁN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CÂU** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** |
| **ĐÁP ÁN** | **C** | **B** | **A** | **D** | **B** | **D** | **A** |

**Câu 8.** Chi tiết khi Dương Trạm chết, các học trò đều tản đi cả, duy Tử Hư làm lều ở mả để chầu chực, sau ba năm rồi mới trở về cho thấy Phạm Tử Hư là người sống có tình, có nghĩa, biết tôn sư trọng đạo.

**Câu 9.** Tinh thần tôn sư trọng đạo được biểu hiện:

– Tôn trọng, lễ phép, chăm học.

– Luôn nghĩ về công lao thầy cô, mong muốn được đền đáp.

– Người đi học cần rèn trước hết là đạo đức.

**Câu 10.** Truyền thống tôn sư trọng đạo là truyền thống tốt đẹp từ xưa đến nay của nhân dân ta. Truyền thống nhằm để tôn vinh, kính trọng và sự biết ơn của mỗi cá nhân đối với người thầy của mình.

**ĐỀ ĐỌC HIỂU SỐ 2**

# **Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:**

*Một buổi sáng, Tử-Hư ở nhà trọ đi ra, trong áng sương mù thấy có một đám những tàn vàng kiệu ngọc bay lên trên không; kế lại có một cỗ xe nạm hạt châu, kẻ theo hầu cũng rất chững-chạc. Tử-Hư khẽ dòm trộm xem thì người ngồi trong xe, chính thầy học mình là Dương Trạm. Chàng toan đến gần sụp lạy nhưng Trạm xua tay nói:*

*— Giữa đường không phải chỗ nói chuyện; tối mai nên đến đền Trấn-võ ở cửa Bắc, thầy trò ta sẽ hàn-huyên một hôm.*

*Tử-Hư bèn sắm sẵn rượu và thức nhắm, đúng hẹn mà đến. Thầy trò gặp nhau vui-vẻ lắm, chàng nhân hỏi rằng:*

*— Thầy mới từ trần chưa bao lâu, thoắt đã trở nên hiển-hách khác hẳn ngày trước, xin thầy cho biết rõ duyên do để con được vui mừng.*

*Dương Trạm nói:*

*— Ta thủa sống không có một điều thiện nào đáng khen, chỉ có hay giữ điều tín thực đối với thầy bạn; quý trọng những tờ giấy có chữ, hễ thấy rơi vãi liền nhặt mà đốt đi. Đức Đế-quân đây ngài khen là có bụng tốt, tâu xin cho làm chức trực lại ở cửa Tử đồng. Hôm qua ta hầu linh giá ngài lên chầu Thiên cung, tình cờ lại gặp nhà ngươi, đó cũng là vì thầy trò mình có cái mối duyên.*

*Tử Hư nói:*

*— Thầy được lĩnh chức trọng quyền cao như vậy, chẳng hay sự sống chết thọ yểu của con, thầy có được rõ không?*

*— Việc đó không phải thuộc về chức vụ của ta.*

*— Vậy thế thầy giữ về việc gì?*

*— Ta trông coi về việc văn chương thi cử, khoa danh cao thấp của những học trò trong thiên hạ.*

*Tử Hư mừng mà rằng:*

*— Nếu thế thì tiền trình của con cùng đạt thế nào chắc thầy biết rõ?*

*— Cứ như văn chương tài nghệ của anh, đương đời này không ai bì kịp, huống anh lại còn có tính trung hậu, nết thành thực. Chỉ phải cái hồi còn niên thiếu, anh thường lấy văn tài mà kiêu ngạo với người khác, cho nên trời mới bắt đỗ muộn để phải chùn nhụt cài nết ngông ngáo đi. Nếu không thì cướp thẻ trước của Mông Chính*[*[1]*](https://vi.wikisource.org/wiki/Truy%E1%BB%81n_k%E1%BB%B3_m%E1%BA%A1n_l%E1%BB%A5c/10#cite_note-1)*nhặt hạt cải của Hạ hầu*[*[2]*](https://vi.wikisource.org/wiki/Truy%E1%BB%81n_k%E1%BB%B3_m%E1%BA%A1n_l%E1%BB%A5c/10#cite_note-2)*, phỏng anh còn khó khăn gì nữa. Cho nên xưa nay người ta bàn về kẻ sĩ, tất trước hết xét đến đức hạnh là vì thế. Ngày nay những người mặc áo nhà nho, đeo dải nhà nho thì lại khác hẳn. Họ thường đổi họ để đi học, thay tên để ra thi; hễ trượt đỗ thì đổ lỗi mờ quáng cho quan chấm trường, hơi thành danh thì hợm mình tài giỏi hơn cả tiền bối, chí khí ngông ngáo tính tình tráo trở, thấy thầy nghèo thì lảng tránh, gặp bạn nghèo thì làm ngơ, không biết rằng ngày thường dắt dẫn rèn cặp, phần nhiều là cái công đức cũa thầy bạn. Vả như ta ngày xưa, dạy có đến mấy nghìn học trò, giao du ở kinh đô rất nhiều bè bạn, thế mà sau ta mất, nghe có người đai vàng mũ bạc, có người quan cả ngôi cao, nhưng không hề một ai tìm đến thăm viếng mồ ta mà tưới lên một vài chén rượu. Nhân thế ta vẫn để ý đến anh lắm.*

*Tử Hư nhân đem những người làm quan bấy giờ, nhất nhất hỏi về từng người một:*

*— Thưa thầy, ông mỗ ở ngôi trọng thần mà tham lam không chán, ông mỗ làm chức sư tư mà mô phạm không đủ, ông mỗ coi lễ mà lễ nhiều thiếu thốn, ông mỗ chăn dân mà dân bị tai hại, ông mỗ chấm văn mà lấy đỗ thiên vị, ông mỗ trị ngục mà buộc tội oan uổng; lại còn những người lúc thường bàn nói thì môi mép bẻo lẻo, đến lúc trù tính, quyết định kế lớn của quốc gia thì mờ mịt như ngồi trong đám mây mù, thậm đến không noi theo danh, không xét theo thực, không trung với đấng quân thượng, lớn thì làm việc bán nước của Lưu Dự*[*[3]*](https://vi.wikisource.org/wiki/Truy%E1%BB%81n_k%E1%BB%B3_m%E1%BA%A1n_l%E1%BB%A5c/10#cite_note-3)*nhỏ thì làm việc dối vua của Diên Linh*[*[4]*](https://vi.wikisource.org/wiki/Truy%E1%BB%81n_k%E1%BB%B3_m%E1%BA%A1n_l%E1%BB%A5c/10#cite_note-4)*. Bọn ấy sau khi chết, có phải luận tội gì không, hay là cứ được hưởng tôn vinh mãi thế?*

*Trạm cười mà rằng:*

*— Trồng dưa được dưa, trồng đậu được đậu. Lưới trời thênh-thang, thưa nhưng chẳng lọt. Chỉ có rằng thời-gian chưa đến mà thôi. Nay ta bảo rõ anh nghe: trong khoảng trời đất báo-ứng luân-hồi, chỉ có hai loài thiện ác. Người chăm làm thiện, tuy hãy còn sống, tên đã ghi ở Đế-đình; người hay làm ác, không đợi đến chết, án đã thành ở Địa-phủ. Cho nên Nhan Hồi lúc sống ở trong ngõ hẻm mà chết làm chức Tu-văn*[*[5]*](https://vi.wikisource.org/wiki/Truy%E1%BB%81n_k%E1%BB%B3_m%E1%BA%A1n_l%E1%BB%A5c/10#cite_note-5)*, Vương Bàng ngày thường có nết kiêu-ngoan mà chết phải máu rây mặt đất*[*[6]*](https://vi.wikisource.org/wiki/Truy%E1%BB%81n_k%E1%BB%B3_m%E1%BA%A1n_l%E1%BB%A5c/10#cite_note-6)*. Không phải như người ở cõi đời, có thể mượn thế mà được làm quan, có thể nhờ tiền mà được khỏi vạ, hình-phạt thì quá lạm, tước thưởng thì thiên tư, cúi đầu khom cật, dù hèn-hạ cũng cất nhắc lên, đứa hoạt thằng gian, nhờ đút-lót mà được thoát khỏi. Anh nên cố-gắng, đừng gieo cái nghiệp-báo ở kiếp sau này.*

# **Trả lời câu hỏi:**

# **Câu 1**. Chỉ ra ngôi kể được sử dụng trong đoạn trích.

# *Ngôi thứ 3*

# **Câu 2.** Đoạn trích kể về cuộc đối thoại giữa những nhân vật nào?

# *Tử Hư và thầy học là Dương Trạm.* **Câu 3**. Trong đoạn trích, sau khi mất, thầy của Tử Hư đã được ban cho chức quan gì?

# *Chức trực lại ở cửa Tử Đồng.* **Câu 4**. Việc Tử Hư canh mộ thầy ba năm rồi mới trở về thể hiện Tử Hư là người như thế nào?

# *Rất tôn trọng và quý mến thầy.*

# **Câu 5**. Tại sao Tử Hư mãi vẫn không thi đỗ được?

# *Do tính tình kiêu căng.*

# **Câu 6.** Điều gì khiến Dương Trạm quý trọng Tử Hư?

# *Do Tử Hư trung hậu, hiếu nghĩa với thầy.*

# **Câu 7**. Việc thầy của Tử Hư sau khi mất được làm chức trực lại ở cửa Tử đồng cho ta thấy gì về nhân cách của ông?

*Việc thầy của Tử Hư sau khi mất được làm chức trực lại ở cửa Tử đồng cho ta thấy: Ông là người tốt, chính trực, tốt bụng nên mới được làm chức trực lại ở cửa Tử Đồng*

# **Câu 8.**Em có cảm nhận như thế nào về tình nghĩa thầy trò giữa Tử Hư và Dương Trạm trong đoạn trích?

*Tình nghĩa thầy trò giữa Tử Hư và Dương Trạm là tình nghĩa gắn bó, kính trọng thầy của mình và yêu thương người học trò.*

**Câu 9:** Chỉ ra và nêu tác dụng của yếu tố hoang đường, kì ảo trong đoạn trích trên.

*- Làm câu chuyện trở nên hấp dẫn, sinh động hơn; tạo hứng thú cho người đọc người nghe.*

*- Khắc họa, làm nổi bật đặc điểm tính cách của nhân vật trong truyện.*

# **Câu 10**. Nếu em là Tử Hư, em có canh mộ ba năm sau khi thầy mất như Tử Hư không? Vì sao?

**Câu \*. Chỉ ra và nêu tác dụng của các yếu tố kì ảo trong cả truyện Phạm Tử Hư lên chơi thiên tào?**

**Gợi ý:**

Trong chuyện "Phạm Tử Hư lên chơi thiên tào", có một số yếu tố kì ảo được thể hiện như sau:

1. Thiên tào: Thiên tào là một loại cây cổ thụ, có khả năng biến hình và di chuyển. Nó có thể biến thành một con tào thụy, một con tào phượng, một con tào quân tử và một con tào đại vương. Điều này tạo ra một không gian kì ảo và mở ra cơ hội cho nhân vật chính khám phá thế giới thần tiên.

2. Nhân vật phụ: Trong câu chuyện, có những nhân vật phụ như Tôn Ngộ Không, Đường Tam Tạng và Sa Tăng. Họ là những nhân vật huyền thoại trong truyền thuyết Tây Du Ký. Sự xuất hiện của họ trong câu chuyện tạo ra một không gian kì ảo và mang lại những tình huống hài hước và phi thực tế.

3. Sự biến đổi: Trong câu chuyện, nhân vật chính Phạm Tử Hư có khả năng biến hình thành nhiều hình dạng khác nhau. Anh ta có thể biến thành một con tào thụy, một con tào phượng và một con tào quân tử. Sự biến đổi này tạo ra một không gian kì ảo và mang lại những tình huống hài hước và bất ngờ.

4. Cảnh sắc thiên nhiên: Trong câu chuyện, mô tả về cảnh sắc thiên nhiên cũng mang tính kì ảo. Ví dụ, cây tào thụy có thể biến thành một con tào phượng và bay lượn trên trời. Điều này tạo ra một không gian kì ảo và mang lại những trải nghiệm thú vị cho nhân vật chính và độc giả. Tổng quan, yếu tố kì ảo trong chuyện "Phạm Tử Hư lên chơi thiên tào" được thể hiện qua sự xuất hiện của những nhân vật huyền thoại, sự biến đổi của nhân vật chính và mô tả về cảnh sắc thiên nhiên.

**I. ĐỌC – HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc đoạn trích:**

"Phạm Tử Hư quê ở Cẩm Giàng, là một người tuấn sảng hào mại không ưa kiềm thúc. Theo học nhà xử sĩ Dương Trạm, Trạm thường răn Tử Hư về cái tính hay kiêu căng. Từ đấy chàng cố sức sửa đổi, trở nên người có đức tính tốt. Khi Dương Trạm chết, các học trò đều tản đi cả, duy Tử Hư làm lều ở mả để chầu chực, sau ba năm rồi mới trở về. Năm 40 tuổi, Tử Hư đi thi vẫn chưa đỗ; đời Trần, sang du học ở kinh, ngụ ở trong một nhà dân bên bờ hồ Tây.

Một buổi sáng, ở nhà trọ đi ra, trong áng sương mù thấy có một đám những tán vàng kiệu ngọc bay lên trên không; kế lại có một cỗ xe nạm hạt châu, kẻ theo hầu cũng rất chững chạc. Tử Hư khẽ dòm trộm xem thì người ngồi trong xe, chính thầy học mình là Dương Trạm. Chàng toan đến gần sụp lạy nhưng Trạm xua tay nói:

- Giữa đường không phải chỗ nói chuyện, tối mai nên đến đền Trấn Vũ cửa Bắc, thầy trò ta sẽ hàn huyên. Tử Hư bèn sắm rượu và thức nhắm, đúng hẹn mà đến. Thầy trò gặp nhau vui vẻ lắm, chàng nhân hỏi rằng:

- Thầy mới từ trần chưa bao lâu, thoắt đã trở nên hiển hách khác hẳn ngày trước, xin thầy cho biết rõ duyên do để con được vui mừng. Dương Trạm nói:

- Ta thuở sống không có một điều thiện nào đáng khen, chỉ có hay giữ điều tín thực đối với thầy bạn, quý trọng những tờ giấy có chữ, hễ thấy rơi vãi liền nhặt mà đốt đi. Đức Đế quân đây ngài khen là có bụng tốt tâu xin cho làm chức trực lại ở cửa Tử đồng. Hôm qua ta hầu lính giá ngài lên chầu Thiên cung, tình cờ lại gặp nhà ngươi, đó cũng là vì thầy trò mình có cái mối duyên…"

(Trích chuyện *Phạm Tử Hử lên chơi Thiên Tào, Truyền kì mạn lục*, Nguyễn Dữ, NXB Trẻ, 2016, Tr.142)

**Trả lời câu hỏi/ thực hiện yêu cầu:**

**Câu 1**. Xác định thể loại của đoạn trích trên

**Câu 2**. Theo đoạn trích, tính cách nào của Tử Hư được Dương Trạm răn đe và sửa đổi?

**Câu 3**. Xác định các nhân vật giao tiếp trong đoạn trích trên

**Câu 4**. Điều gì khiến Dương Trạm được Đức Đế quân khen là có bụng tốt và tâu xin cho làm chức trực lại ở cửa Tử đồng?

**Câu 5**. Từ Hán Việt "**kiềm thúc"** được hiểu nghĩa như thế nào?

**Câu 6:** Hiệu quả nghệ thuật của chi tiết kì ảo được sử dụng trong đoạn trích?

**Câu 7.** Ý nào khái quát nội dung chính của đoạn trích?

**Câu 8.** Chi tiết *khi Dương Trạm chết, các học trò đều tản đi cả, duy Tử Hư làm lều ở mả để chầu chực, sau ba năm rồi mới trở về* cho thấy Phạm Tử Hư là người như thế nào?

**Câu 9.** Theo anh/chị tinh thần tôn sư trọng đạo được biểu hiện như thế nào?

**Câu 10.** Từ những hành động và tình cảm của Tử Hư dành cho người thầy của mình, anh /chị có suy nghĩ gì về truyền thống tôn sư trọng đạo của nhân dân ta?

**ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** |
|  | **1** | Truyền kì |
| **2** | Kiêu căng |
| **3** | Phạm Tử Hư, Dương Trạm |
| **4** | Giữ điều tín thực với thầy bạn, quý trọng những tờ giấy có chữ, hễ thấy rơi vãi liền nhặt mà đốt đi**.** |
| **5** | Kiềm chế bó buộc trong hoạt động. |
| **6** | Ca ngợi phẩm chất cao quý của Tử Hư.  Tạo ra sự sinh động, tạo hứng thú tăng tính hấp dẫn cho người đọc.  Muốn bất tử hóa nhân vật Dương Trạm vì đã có những phẩm chất tốt. |
| **7** | Ca ngợi phẩm chất tốt đẹp của Dương Trạm và tình nghĩa thầy trò cao quý. |
| **8** | Là người sống có tình, có nghĩa, biết tôn sư trọng đạo. |
| **9** | Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau, miễn là tỏ ra hiểu vấn đề: Những biểu hiện của tinh thần tôn sư trọng đạo:  - Tôn trọng, lễ phép, chăm học.  - Luôn nghĩ về công lao thầy cô, mong muốn được đền đáp.  - Người đi học cần rèn trước hết là đạo đức… |
| **10** | Truyền thống tôn sư trọng đạo là truyền thống tốt đẹp từ xưa đến nay của nhân dân ta. Truyền thống nhằm để tôn vinh, kính trọng và sự biết ơn của mỗi cá nhân đối với người thầy của mình. |

**ĐỀ 2:**

**I. ĐỌC – HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:**

*Như Từ, từ khi bỏ nhà đi thấm thoát đã được một năm, ao sen đã đổi thay mầu biếc. Những đêm gió thổi, những sáng sương sa, bóng trăng sáng dòm qua cửa sổ, tiếng thủy triều nghe vẳng đầu giường, đối cảnh chạnh lòng, một mối buồn bâng khuâng, quấy nhiễu khiến không sao ngủ được. Một hôm trông ra bể, thấy một chiếc tàu buôn đi về phương Nam. Từ trỏ bảo Giáng Hương rằng:*

*- Nhà tôi đi về phía kia kìa, song biển cả trời xa, chẳng biết là ở tận đâu.*

*Rồi nhân lúc rỗi, chàng nói với nàng rằng:*

*- Tôi bước khách bơ vơ, lòng quê bịn rịn, lệ hoa thánh thót, lòng cỏ héo hon, dám xin thể tình mà cho được tạm về, chẳng hay ý nàng nghĩ thế nào?*

*Giáng Hương bùi ngùi không nỡ dứt. Từ lang nói:*

*- Tôi xin hẹn trong một thời kỳ bao nhiêu lâu, để về cho bạn bè gặp mặt và thu xếp việc nhà cho yên, sẽ lại đến đây để với nàng cùng già ở chốn làng mây bến nước.*

*Giáng Hương khóc mà nói:*

*- Thiếp chẳng dám vì tình phu phụ mà ngăn cản mối lòng quê hương của chàng. Song cõi trần nhỏ hẹp, kiếp trần ngắn ngủi, dù nay chàng về nhưng chỉ e liễu sân hoa vườn, không còn đâu cảnh tượng như ngày trước nữa.*

*Nàng nhân thưa với phu nhân, phu nhân nói:*

*- Không ngờ chàng lại mắc mớ vì mối lòng trần như vậy.*

*Nhân cho một cỗ xe cẩm vân để chàng cưỡi về. Nàng cũng đưa cho chàng một bức thư viết vào lụa mà nói:*

*- Ngày khác trông thấy vật này, xin đừng quên mối tình ngày cũ.*

*Rồi tràn nước mắt mà chia biệt.*

*Chàng đi chỉ thoắt chốc đã về đến nhà, thì thấy vật đổi sao dời, thành quách nhân gian, hết thảy đều không như trước nữa, duy có những cảnh núi khe là vẫn không thay đổi sắc biếc mầu xanh thủa nọ. Bèn đem tên họ mình hỏi thăm những người già cả thì thấy có người nói:*

*- Thuở bé tôi nghe nói ông cụ tam đại nhà tôi cũng cùng tên họ như ông, đi vào núi mất đến nay đã hơn 80 năm, nay đã là năm thứ 5 niên hiệu Diên Ninh là đời ông vua thứ ba của triều Lê rồi.*

*Chàng bấy giờ mới hậm hực bùi ngùi; muốn lại lên xe mây để đi, nhưng xe đã hóa làm một con chim loan mà bay mất. Mở thư ra đọc, thấy có câu: "Kết lứa phượng ở trong mây, duyên xưa đã hết, tìm non tiên ở trên bể dịp khác còn đâu!" mới biết là Giáng Hương đã nói trước với mình những lời ly biệt. Chàng bèn mặc áo cừu nhẹ, đội nón lá ngắn, vào núi Hoành Sơn, rồi sau không biết đi đâu mất.*

(Trích ***Từ Thức***, *Truyền kỳ mạn lục*, bản dịch của [Trúc Khê](https://vi.wikipedia.org/wiki/Tr%C3%BAc_Kh%C3%AA_(nh%C3%A0_v%C4%83n)) - Ngô Văn Triện. NXb Trẻ & Hội Nghiên cứu giảng dạy văn học TP. HCM, in lại năm 1988)

**Trả lời câu hỏi/ thực hiện các yêu cầu:**

**Câu 1.** Văn bản trên xuất xứ từ đâu?

**Câu 2.**Đặc điểm nổi bật của truyền kì?

**Câu 3.** Truyền kì mạn lục ra đời vào thế kỉ nào?

**Câu 4.** Lí giải sự lựa chọn của Từ Thức: Chàng bèn mặc áo cừu nhẹ, đội nón lá ngắn, vào núi Hoành Sơn, rồi sau không biết đi đâu mất.

**Câu 5.** Văn bản trên thuộc kiểu văn bản nào?

**Câu 6.** Tên tác phẩm Truyền kì mạn lục của Nguyễn Dữ có nghĩa là gì?

**Câu 7**. Khi trở lại chốn cũ quê xưa Từ Thức thấy những gì?

**Câu 8**. Tại sao Từ Thức từ chối cuộc sống chốn tiên bồng?

**Câu 9.** Chuyện về Từ Thức cho chúng ta bài học gì?

**ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** |
|  | 1 | Truyền kỳ mạn lục |
|  | 2 | Sự kết hợp giữa yếu tố kì lạ và yếu tố thực**.** |
|  | 3 | Thế kỉ XVI |
|  | 4 | Chàng trở nên lạc lõng bơ vơ: chàng không còn thuộc về chốn thần tiên cũng không còn hợp với cõi nhân gian. Chính vì vậy ra đi là cách tốt nhất cho chàn |
|  | 5 | Văn bản văn học |
|  | 6 | Tập sách ghi chép tản mạn những điều kì lạ và được lưu truyền |
|  | 7 | - Chàng đi chỉ thoắt chốc đã về đến nhà, thì thấy vật đổi sao dời, thành quách nhân gian, hết thảy đều không như trước nữa, duy có những cảnh núi khe là vẫn không thay đổi sắc biếc mầu xanh thủa nọ.  - Không còn ai nhớ chàng, tên chàng chỉ còn trong kí ức xa xôi của người già |
|  | 8 | Từ khi bỏ nhà đi thấm thoát đã được một năm, ao sen đã đổi thay mầu biếc. Những đêm gió thổi, những sáng sương sa, bóng trăng sáng dòm qua cửa sổ, tiếng thủy triều nghe vẳng đầu giường, đối cảnh chạnh lòng, một mối buồn bâng khuâng, quấy nhiễu khiến không sao ngủ được. -> Nhớ quê hương tha thiết, Từ Thức không thể ở lại chốn tiên bồng. |
|  | 9 | - Chúng ta là con người trần thế dù có được sống nơi tiên cảnh cũng không thoát được nỗi nhớ quê hương  - Cuộc đời con người chúng ta không tồn tại vĩnh viễn mà chỉ là khoảng thời gian hữu hạn, chúng ta cũng không được hưởng đặc ân vô biên từ tạo hóa  - Chúng ta không thể tham lam, không thể có tất cả, khi ta không chấp nhận bằng lòng ta sẽ mất hết |

**Đọc văn bản:**

*“Như Từ, từ khi bỏ nhà đi thấm thoát đã được một năm, ao sen đã đổi thay mầu biếc. Những đêm gió thổi, những sáng sương sa, bóng trăng sáng dòm qua cửa sổ, tiếng thủy triều nghe vẳng đầu giường, đối cảnh chạnh lòng, một mối buồn bâng khuâng, quấy nhiễu khiến không sao ngủ được. Một hôm trông ra bể, thấy một chiếc tàu buôn đi về phương Nam. Từ trỏ bảo Giáng Hương rằng:*

*- Nhà tôi đi về phía kia kìa, song biển cả trời xa, chẳng biết là ở tận đâu.*

*Rồi nhân lúc rỗi, chàng nói với nàng rằng:*

*- Tôi bước khách bơ vơ, lòng quê bịn rịn, lệ hoa thánh thót, lòng cỏ héo hon, dám xin thể tình mà cho được tạm về, chẳng hay ý nàng nghĩ thế nào?*

*Giáng Hương bùi ngùi không nỡ dứt. Từ lang nói:*

*- Tôi xin hẹn trong một thời kỳ bao nhiêu lâu, để về cho bạn bè gặp mặt và thu xếp việc nhà cho yên, sẽ lại đến đây để với nàng cùng già ở chốn làng mây bến nước.*

*Giáng Hương khóc mà nói:*

*- Thiếp chẳng dám vì tình phu phụ mà ngăn cản mối lòng quê hương của chàng. Song cõi trần nhỏ hẹp, kiếp trần ngắn ngủi, dù nay chàng về nhưng chỉ e liễu sân hoa vườn, không còn đâu cảnh tượng như ngày trước nữa.*

*Nàng nhân thưa với phu nhân, phu nhân nói:*

*- Không ngờ chàng lại mắc mớ vì mối lòng trần như vậy.*

*Nhân cho một cỗ xe cẩm vân để chàng cưỡi về. Nàng cũng đưa cho chàng một bức thư viết vào lụa mà nói:*

*- Ngày khác trông thấy vật này, xin đừng quên mối tình ngày cũ.*

*Rồi tràn nước mắt mà chia biệt.*

*Chàng đi chỉ thoắt chốc đã về đến nhà, thì thấy vật đổi sao dời, thành quách nhân gian, hết thảy đều không như trước nữa, duy có những cảnh núi khe là vẫn không thay đổi sắc biếc mầu xanh thủa nọ. Bèn đem tên họ mình hỏi thăm những người già cả thì thấy có người nói:*

*- Thuở bé tôi nghe nói ông cụ tam đại nhà tôi cũng cùng tên họ như ông, đi vào núi mất đến nay đã hơn 80 năm, nay đã là năm thứ 5 niên hiệu Diên Ninh là đời ông vua thứ ba của triều Lê rồi.*

*Chàng bấy giờ mới hậm hực bùi ngùi; muốn lại lên xe mây để đi, nhưng xe đã hóa làm một con chim loan mà bay mất. Mở thư ra đọc, thấy có câu: "Kết lứa phượng ở trong mây, duyên xưa đã hết, tìm non tiên ở trên bể dịp khác còn đâu!" mới biết là Giáng Hương đã nói trước với mình những lời ly biệt. Chàng bèn mặc áo cừu nhẹ, đội nón lá ngắn, vào núi Hoành Sơn, rồi sau không biết đi đâu mất.*

*(Trích* ***Từ Thức****, Truyền kỳ mạn lục, bản dịch của*[*Trúc Khê*](https://vi.wikipedia.org/wiki/Tr%C3%BAc_Kh%C3%AA_(nh%C3%A0_v%C4%83n)) *- Ngô Văn Triện. NXb Trẻ & Hội Nghiên cứu giảng dạy văn học TP. HCM, in lại năm 1988)*

**Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.

**Câu 2**. Những nhân vật chính có trong đoạn trích

**Câu 3:** Thời gian của truyện?

**Câu 4**. Tại sao Từ Thức từ chối cuộc sống chốn tiên bồng?

**Câu 5.** Khi trở lại chốn cũ quê xưa, điều gì khiến Từ Thức cảm thấy hậm hực bùi ngùi:

**Câu 6.** Tại sao quê hương của Từ Thức lại thay đổi, hết thảy đều không còn như trước?

**Câu 7.** Sự kiện nào quan trọng nhất trong đoạn trích đã làm thay đổi diễn biến của cốt truyện

**Câu 8.** Lí giải sự lựa chọn của Từ Thức: *Chàng bèn mặc áo cừu nhẹ, đội nón lá ngắn, vào núi Hoành Sơn, rồi sau không biết đi đâu mất.*

**Câu 9.** Chuyện về Từ Thức cho chúng ta bài học gì?

**Câu 10**. Suy nghĩ của anh chị về vai trò của quê hương đối với mỗi con người.

**ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** |
|  | **1** | Tự sự |
| **2** | Từ Thức, Giáng Hương |
| **3** | Thời gian giữa cõi tiên và cõi trần có sự cách biệt |
| **4** | Vì nỗi nhớ quê hương tha thiết không nguôi |
| **5** | *Vật đổi sao dời, thành quách nhân gian, hết thảy đều không như trước nữa,*  *Không còn ai nhớ chàng, tên chàng chỉ còn trong kí ức xa xôi của người già* |
| **6** | Vì một năm ở cõi tiên bằng trăm năm ở hạ giới |
| **7** | Từ Thức trở về hạ giới |
| **8** | Chàng trở nên lạc lõng bơ vơ: chàng không còn thuộc về chốn thần tiên cũng không còn hợp với cõi nhân gian. Chính vì vậy ra đi là cách tốt nhất cho chàng |
| **9** | * Chúng ta là con người trần thế dù có được sống nơi tiên cảnh cũng không thoát được nỗi nhớ quê hương * Cuộc đời con người chúng ta không tồn tại vĩnh viễn mà chỉ là khoảng thời gian hữu hạn, chúng ta cũng không được hưởng đặc ân vô biên từ tạo hóa * Chúng ta không thể tham lam, không thể có tất cả, khi ta không chấp nhận bằng lòng ta sẽ mất hết. |
| **10** | Quê hương trong tim mỗi người  + Tình yêu quê hương: Tình cảm thiêng liêng gắn bó với nơi chôn rau cắt rốn.  + Quê hương là nơi chôn rau cắt rốn, là cả tuổi thơ của mỗi con người, là nơi con người ta trưởng thành  + Tình cảm đối với gia đình, với mọi người xung quanh, với hàng xóm láng giềng. Dù đi đâu xa vẫn luôn nhớ về quê hương, luôn có tinh thần phấn đấu phát triển quê hương mình, những người con xa quê trở về đều mong muốn đóng góp công sức phát triển quê hương |

**Đọc văn bản:**

*“Như Từ, từ khi bỏ nhà đi thấm thoát đã được một năm, ao sen đã đổi thay mầu biếc. Những đêm gió thổi, những sáng sương sa, bóng trăng sáng dòm qua cửa sổ, tiếng thủy triều nghe vẳng đầu giường, đối cảnh chạnh lòng, một mối buồn bâng khuâng, quấy nhiễu khiến không sao ngủ được. Một hôm trông ra bể, thấy một chiếc tàu buôn đi về phương Nam. Từ trỏ bảo Giáng Hương rằng:*

*- Nhà tôi đi về phía kia kìa, song biển cả trời xa, chẳng biết là ở tận đâu.*

*Rồi nhân lúc rỗi, chàng nói với nàng rằng:*

*- Tôi bước khách bơ vơ, lòng quê bịn rịn, lệ hoa thánh thót, lòng cỏ héo hon, dám xin thể tình mà cho được tạm về, chẳng hay ý nàng nghĩ thế nào?*

*Giáng Hương bùi ngùi không nỡ dứt. Từ lang nói:*

*- Tôi xin hẹn trong một thời kỳ bao nhiêu lâu, để về cho bạn bè gặp mặt và thu xếp việc nhà cho yên, sẽ lại đến đây để với nàng cùng già ở chốn làng mây bến nước.*

*Giáng Hương khóc mà nói:*

*- Thiếp chẳng dám vì tình phu phụ mà ngăn cản mối lòng quê hương của chàng. Song cõi trần nhỏ hẹp, kiếp trần ngắn ngủi, dù nay chàng về nhưng chỉ e liễu sân hoa vườn, không còn đâu cảnh tượng như ngày trước nữa.*

*Nàng nhân thưa với phu nhân, phu nhân nói:*

*- Không ngờ chàng lại mắc mớ vì mối lòng trần như vậy.*

*Nhân cho một cỗ xe cẩm vân để chàng cưỡi về. Nàng cũng đưa cho chàng một bức thư viết vào lụa mà nói:*

*- Ngày khác trông thấy vật này, xin đừng quên mối tình ngày cũ.*

*Rồi tràn nước mắt mà chia biệt.*

*Chàng đi chỉ thoắt chốc đã về đến nhà, thì thấy vật đổi sao dời, thành quách nhân gian, hết thảy đều không như trước nữa, duy có những cảnh núi khe là vẫn không thay đổi sắc biếc mầu xanh thủa nọ. Bèn đem tên họ mình hỏi thăm những người già cả thì thấy có người nói:*

*- Thuở bé tôi nghe nói ông cụ tam đại nhà tôi cũng cùng tên họ như ông, đi vào núi mất đến nay đã hơn 80 năm, nay đã là năm thứ 5 niên hiệu Diên Ninh là đời ông vua thứ ba của triều Lê rồi.*

*Chàng bấy giờ mới hậm hực bùi ngùi; muốn lại lên xe mây để đi, nhưng xe đã hóa làm một con chim loan mà bay mất. Mở thư ra đọc, thấy có câu: "Kết lứa phượng ở trong mây, duyên xưa đã hết, tìm non tiên ở trên bể dịp khác còn đâu!" mới biết là Giáng Hương đã nói trước với mình những lời ly biệt. Chàng bèn mặc áo cừu nhẹ, đội nón lá ngắn, vào núi Hoành Sơn, rồi sau không biết đi đâu mất.*

*(Trích* ***Từ Thức****, Truyền kỳ mạn lục, bản dịch của*[*Trúc Khê*](https://vi.wikipedia.org/wiki/Tr%C3%BAc_Kh%C3%AA_(nh%C3%A0_v%C4%83n)) *- Ngô Văn Triện. NXb Trẻ & Hội Nghiên cứu giảng dạy văn học TP. HCM, in lại năm 1988)*

**Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.

**Câu 2**. Những nhân vật chính có trong đoạn trích

**Câu 3:** Thời gian của truyện?

**Câu 4**. Tại sao Từ Thức từ chối cuộc sống chốn tiên bồng?

**Câu 5.** Khi trở lại chốn cũ quê xưa, điều gì khiến Từ Thức cảm thấy hậm hực bùi ngùi:

**Câu 6.** Tại sao quê hương của Từ Thức lại thay đổi, hết thảy đều không còn như trước?

**Câu 7.** Sự kiện nào quan trọng nhất trong đoạn trích đã làm thay đổi diễn biến của cốt truyện

**Câu 8.** Lí giải sự lựa chọn của Từ Thức: *Chàng bèn mặc áo cừu nhẹ, đội nón lá ngắn, vào núi Hoành Sơn, rồi sau không biết đi đâu mất.*

**Câu 9.** Chuyện về Từ Thức cho chúng ta bài học gì?

**Câu 10**. Suy nghĩ của anh chị về vai trò của quê hương đối với mỗi con người.

**ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** |
|  | **1** | Tự sự |
| **2** | Từ Thức, Giáng Hương |
| **3** | Thời gian giữa cõi tiên và cõi trần có sự cách biệt |
| **4** | Vì nỗi nhớ quê hương tha thiết không nguôi |
| **5** | *Vật đổi sao dời, thành quách nhân gian, hết thảy đều không như trước nữa,*  *Không còn ai nhớ chàng, tên chàng chỉ còn trong kí ức xa xôi của người già* |
| **6** | Vì một năm ở cõi tiên bằng trăm năm ở hạ giới |
| **7** | Từ Thức trở về hạ giới |
| **8** | Chàng trở nên lạc lõng bơ vơ: chàng không còn thuộc về chốn thần tiên cũng không còn hợp với cõi nhân gian. Chính vì vậy ra đi là cách tốt nhất cho chàng |
| **9** | * Chúng ta là con người trần thế dù có được sống nơi tiên cảnh cũng không thoát được nỗi nhớ quê hương * Cuộc đời con người chúng ta không tồn tại vĩnh viễn mà chỉ là khoảng thời gian hữu hạn, chúng ta cũng không được hưởng đặc ân vô biên từ tạo hóa * Chúng ta không thể tham lam, không thể có tất cả, khi ta không chấp nhận bằng lòng ta sẽ mất hết. |
| **10** | Quê hương trong tim mỗi người  + Tình yêu quê hương: Tình cảm thiêng liêng gắn bó với nơi chôn rau cắt rốn.  + Quê hương là nơi chôn rau cắt rốn, là cả tuổi thơ của mỗi con người, là nơi con người ta trưởng thành  + Tình cảm đối với gia đình, với mọi người xung quanh, với hàng xóm láng giềng. Dù đi đâu xa vẫn luôn nhớ về quê hương, luôn có tinh thần phấn đấu phát triển quê hương mình, những người con xa quê trở về đều mong muốn đóng góp công sức phát triển quê hương |

**ĐỀ 3:**

**I. ĐỌC – HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:**

*Trong năm Quang Thái đời nhà Trần, người ở Hóa Châu tên là Từ Thức, vì có phụ ấm được bổ làm tri huyện Tiên Du. Bên cạnh huyện có một tòa chùa danh tiếng, trong chùa trồng một cây mẫu đơn, đến kỳ hoa nở thì người các nơi đến xem đông rộn rịp, thành một đám hội xem hoa tưng bừng lắm. Tháng Hai năm Bính Tý (niên hiệu Quang Thái thứ chín (1396) đời nhà Trần), người ta thấy có cô con gái, tuổi độ mười sáu, phấn son điểm phớt, nhan sắc xinh đẹp tuyệt vời, đến hội ấy xem hoa. Cô gái vin một cành hoa, không may cành giòn mà gãy khấc, bị người coi hoa bắt giữ lại, ngày đã sắp tối vẫn không ai đến nhận. Từ Thức cũng có mặt ở đám hội, thấy vậy động lòng thương, nhân cởi tấm áo cừu gấm trắng, đưa vào tăng phòng để chuộc lỗi cho người con gái ấy. Mọi người đều khen quan huyện là một người hiền đức.*

*Song Từ Thức vốn tính hay rượu, thích đàn, ham thơ, mến cảnh, việc sổ sách bỏ ùn cả lại thường bị quan trên quở trách rằng:*

*- Thân phụ thầy làm đến đại thần mà thầy không làm nổi một chức tri huyện hay sao!*

*Từ than rằng:*

*- Ta không thể vì số lương năm đấu gạo đỏ mà buộc mình trong áng lợi danh. Âu là một mái chèo về, nước biếc non xanh vốn chẳng phụ gì ta đâu vậy.*

*Bèn cởi trả ấn tín, bỏ quan mà về. Vốn yêu cảnh hang động ở huyện Tống Sơn, nhân làm nhà tại đấy để ở. Thường dùng một thằng nhỏ đem một bầu rượu, một cây đàn đi theo, mình thì mang mấy quyển thơ của Đào Uyên Minh, hễ gặp chỗ nào thích ý thì hí hửng ngả rượu ra uống. Phàm những nơi nước tú non kì như núi Chích Trợ, động Lục Vân, sông Lãi, cửa Nga, không đâu không từng có những thơ đề vịnh.*

(Trích *Chuyện Từ Thức lấy vợ tiên*, *Truyền kì mạn lục*, Nguyễn Dữ,

NXB Hội Nhà văn, 2018, tr.112-113)

**Trả lời câu hỏi/ thực hiện yêu cầu:**

**Câu 1**. Xác định thể loại của đoạn trích trên ?

**Câu 2**. Theo đoạn trích, chức quan của nhân vật Từ Thức là gì ?

**Câu 3.** Trong đám hội xem hoa tưng bừng tại sao cô gái bị người coi hoa bắt giữ lại?

**Câu 4**. Theo đoạn trích, nhân vật Từ Thức được giới thiệu là người có tính cách như thế nào ?

**Câu 5.** Hành động nào khiến Từ Thức được mọi người khen là người hiền đức?

**Câu 6.** Tại sao quan trên lại hay quở trách Từ Thức?

**Câu 7.** Câu nói “*Ta không thể vì số lương năm đấu gạo đỏ mà buộc mình trong áng lợi danh” cho thấy Từ Thức là người có tính cách như thế nào?*

**Câu 8**. Anh/Chị hiểu gì về tâm hồn nhân vật Từ Thức qua chi tiết chàng đề thơ vịnh cảnh ở nhiều nơi?

**Câu 9.** Việc trả ấn tín, từ quan cho thấy thái độ của Từ Thức với danh lợi như thế nào?

**Câu 10.** Em có đồng tình với quan điểm, thái độ của Từ Thức khi trả ấn tín từ quan không? Lý giải điều đó bằng quan điểm của mình.

**ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** |
|  | **1** | Truyền kì |
| **2** | Tri huyện |
| **3** | Cô gái vin một cành hoa, không may cành giòn mà gãy khấc |
| **4** | Tính hay rượu, thích đàn, ham thơ, mến cảnh |
| **5** | Dùng áo cừu gấm trắng của mình chuộc lỗi cho người con gái |
| **6** | Tính của chàng hay rượu, thích đàn, ham thơ, mến cảnh, việc sổ sách bỏ ùn cả lại |
| **7** | Thích ngao du sơn thuỷ |
| **8** | Đó là tâm hồn lãng mạn, bay bổng; say mê vẻ đẹp thiên nhiên; ham thích tiêu dao, du ngoạn. |
| **9** | Việc trả ấn tín, từ quan cho thấy thái độ của Từ Thức với danh lợi như thế nào?  -Coi thường danh lợi  -Không muốn công danh bó buộc |
| **10** | Em có đồng tình với quan điểm, thái độ của Từ Thức khi trả ấn tín từ quan không? Lý giải điều đó bằng quan điểm của mình.  HS trình bày theo cảm nhận của mình, có thể lựa chọn đồng tình hoặc không đồng tình và lý giải thuyết phục |
|  |  | **VIẾT** |

**ĐỀ 1**

**Đọc văn bản sau:**

(**Tóm tắt phần đầu**: Nguyễn sinh người Thanh Trì, diện mạo đẹp đẽ, tư chất thông minh, giọng hát ngọt ngào. Chàng sớm mồ cô cha, nhà nghèo nên học hành dang dở, chàng làm nghề chèo đò. Vì say đắm giọng hát và vẻ ưa nhìn của chàng nên cô con gái một nhà giàu họ Trần đã đem lòng yêu mến, sai người hầu đem khăn tay đến tặng, dặn chàng nhờ người mối manh đến hỏi. Nguyễn sinh nhờ mẹ bảo người mối manh đến nhà nàng nhưng bố nàng chê chàng nghèo nên không nhận lời, còn dùng lời lẽ không hay để mắng bà mối. Chàng phẫn chí bỏ đi xa để lập nghiệp; cô gái biết chuyện âm thầm đau khổ chẳng thể giãi bày cùng ai, dần sinh bệnh, hơn một năm sau thì nàng qua đời.)

*Trước khi nhắm mắt, nàng dặn cha:*

- *Trong ngực con chắc có một vật lạ. Sau khi con nhắm mắt, xin cha cho hỏa táng để xem vật đó là vật gì?*

*Ông làm theo lời con. Khi lửa thiêu đã lụi, ông thấy trong nắm xương tàn, sót lại một vật, to bằng cái đấu, sắc đỏ như son, không phải ngọc cũng chẳng phải đá, nó trong như gương, búa đập không vỡ. Nhìn kĩ thì thấy trong khối ấy có hình một con đò, trên đò một chàng trai trẻ tuổi đang ngả đầu tựa mái chèo nằm hát. Nhớ lại việc nhân duyên trước kia của con, ông chợt hiểu ra vì chàng lái đò mà con gái ông chết, hối thì không kịp nữa. Ông bèn đóng một chiếc hộp con, cất khối đỏ ấy vào trong, đặt lên giường của con gái.*

*Nguyễn sinh bỏ nhà lên Cao Bằng làm khách của trấn tướng. Chàng vì hát hay nên được trấn tướng yêu quý. Hơn một năm sau, chàng dần dần có của nả, rồi lại mấy năm nữa tích cóp lại được hơn hai trăm lạng vàng. Chàng nghĩ: “Số vàng này đủ để chi dùng cho việc cưới xin”. Xong, chàng sửa soạn hành trang trở về. Đến nhà, chàng hỏi thăm ngay cô gái nọ. Được nghe tất cả đầu đuôi về nàng, chàng vô cùng đau đớn, vội sắm sửa lễ vật đến điếu nàng. Khi chàng làm lễ xong, bố cô có mời chàng ở lại dùng cơm. Chàng xin ông cho xem vật đã được cất giấu trong hộp con. Ông mở hộp lấy ra đưa chàng. Chàng nâng niu cầm lấy, lòng vô cùng xúc động, hai dòng lệ trào ra nhỏ xuống khối đá đỏ. Bỗng khối đá tan ra thành nước, giọt giọt đều biến thành máu tươi, chảy đầm đìa vào tay áo chàng. Chàng cảm kích mối tình của nàng, thề không lấy ai nữa.*

(Trích *Chuyện tình ở Thanh Trì, Lan Trì kiến văn lục,* Vũ Trinh, in trong cuốn *Văn xuôi tự sự Việt Nam thời trung đại,* tập 1, Nguyễn Đăng Na giới thiệu và tuyển soạn,

NXB Giáo dục, 1997, tr 424-426)

**Thực hiện các yêu cầu:**

**Câu 1**. Thể loại của văn bản có chứa đoạn trích trên?

**Câu 2**. Nêu chủ đề của văn bản.

**Câu 3**. Chàng trai xem chiếc hộp con chứa khối đỏ trong hoàn cảnh nào?

**Câu 4**. Nêu cảm nhận của em về chi tiết “*Chàng nâng niu cầm lấy, lòng vô cùng xúc động, hai dòng lệ trào ra nhỏ xuống khối đá đỏ. Bỗng khối đá tan ra thành nước, giọt giọt đều biến thành máu tươi, chảy đầm đìa vào tay áo chàng.”*

**Câu 5**. Từ câu chuyện tình ở Thanh Trì, em có suy nghĩ gì về khát vọng tình yêu thời phong kiến?

.

**GỢI Ý ĐÁP ÁN**

**Câu 1:** Truyện truyền kỳ.

**Câu 2:** Chủ đề của truyện: Qua câu chuyện tình yêu bi kịch của chàng trai và cô gái ở Thanh Trì, tác giả Vũ Trinh muốn thể hiện khát vọng tình yêu tự do của lứa đôi thời phong kiến và phê phán sự ngăn cản của gia đình đại diện cho sự phân biệt giàu nghèo trong xã hội xưa.

**Câu 3**: Chàng trai xem chiếc hộp con chứa khối đỏ trong hoàn cảnh: Sau vài năm chàng trai đi xa, nay có đủ vàng về lo chuyện cưới xin, đến nhà cô gái mới hay cô đã chết vì nỗi oan tình. Chàng đến viếng nàng và được bố cô đem cho xem chiếc hộp con chứa khối đỏ mà thể xác con gái sau khi chết đã để lại.

**Câu 4**: Trình bày cảm nhận của em về chi tiết “*Chàng nâng niu cầm lấy, lòng vô cùng xúc động, hai dòng lệ trào ra nhỏ xuống khối đá đỏ. Bỗng khối đá tan ra thành nước, giọt giọt đều biến thành máu tươi, chảy đầm đìa vào tay áo chàng.”*

* + Chi tiết kì ảo, gây ấn tượng sâu sắc cho người đọc.
  + Chi tiết cho thấy nỗi đau đớn của chàng trai trước sự ra đi của cô gái. Giọt nước mắt của chàng trai là giọt nước mắt của sự thấu hiểu, của yêu thương và đau xót vô hạn khi người mình yêu vĩnh viễn ra đi.
  + Khối đỏ kia tan ra thành nước, giọt giọt đều biến thành máu tươi, chảy đầm đìa vào tay áo chàng đem đến liên tưởng cho người đọc về sự hóa giải oan tình, để người ra đi được thanh thản.

**Câu 5**: **Từ câu chuyện tình ở Thanh Trì, em có suy nghĩ về khát vọng tình yêu thời phong kiến:**

- Câu chuyện tình ở Thành Trì là mối tình giữa chàng trai nghèo làm nghề chèo đò với cô gái con nhà giàu. Cô gái chủ động mong muốn kết duyên với chàng trai, chàng trai cũng mong kết duyên cùng nàng, điều đó thể hiện khát vọng tình yêu tự do vượt lên trên những hà khắc của lễ giáo phong kiến, định kiến phân biệt giàu nghèo trong xã hội. Kết thúc của mối tình là kết thúc bi kịch.

- Suy nghĩ về khát vọng tình yêu trong xã hội phong kiến:

+ Khát vọng tình yêu là khát vọng chính đáng của con người ở mọi thời. Những đôi lứa sống trong xã hội phong kiến mong muốn tình yêu tự do, muốn vượt lên khỏi những ràng buộc của lễ giáo phong kiến như “cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy”, “môn đăng hộ đối”,...

+ Tình yêu của nhiều cặp đôi vấp phải những sự ngăn cản, cấm đoán đến từ gia đình, xã hội.

+ Dù cho bị ngăn cản, nhưng những đôi lứa vẫn dành tình yêu trọn vẹn cho nhau, cái chết cũng không thể chia lìa tình yêu của họ.

...

**ĐỀ 2**

**Đọc văn bản sau:**

"Phạm Tử Hư quê ở Cẩm Giàng, là một người tuấn sảng hào mại không ưa kiềm thúc. Theo học nhà xử sĩ Dương Trạm, Trạm thường răn Tử Hư về cái tính hay kiêu căng. Từ đấy chàng cố sức sửa đổi, trở nên người có đức tính tốt. Khi Dương Trạm chết, các học trò đều tản đi cả, duy Tử Hư làm lều ở mả để chầu chực, sau ba năm rồi mới trở về. Năm 40 tuổi, Tử Hư đi thi vẫn chưa đỗ; đời Trần, sang du học ở kinh, ngụ ở trong một nhà dân bên bờ hồ Tây.

Một buổi sáng, ở nhà trọ đi ra, trong áng sương mù thấy có một đám những tán vàng kiệu ngọc bay lên trên không; kế lại có một cỗ xe nạm hạt châu, kẻ theo hầu cũng rất chững chạc. Tử Hư khẽ dòm trộm xem thì người ngồi trong xe, chính thầy học mình là Dương Trạm. Chàng toan đến gần sụp lạy nhưng Trạm xua tay nói: - Giữa đường không phải chỗ nói chuyện, tối mai nên đến đền Trấn Vũ cửa Bắc, thầy trò ta sẽ hàn huyên. Tử Hư bèn sắm rượu và thức nhắm, đúng hẹn mà đến. Thầy trò gặp nhau vui vẻ lắm, chàng nhân hỏi rằng:

* Thầy mới từ trần chưa bao lâu, thoắt đã trở nên hiển hách khác hẳn ngày trước, xin thầy cho biết rõ duyên do để con được vui mừng. Dương Trạm nói:
* Ta thuở sống không có một điều thiện nào đáng khen, chỉ có hay giữ điều tín thực đối với thầy bạn, quý trọng những tờ giấy có chữ, hễ thấy rơi vãi liền nhặt mà đốt đi. Đức Đế quân đây ngài khen là có bụng tốt tâu xin cho làm chức trực lại ở cửa Tử đồng. Hôm qua ta hầu lính giá ngài lên chầu Thiên cung, tình cờ lại gặp nhà ngươi, đó cũng là vì thầy trò mình có cái mối duyên…"

(Trích chuyện *Phạm Tử Hử lên chơi Thiên Tào, Truyền kì mạn lục*, Nguyễn Dữ, NXB Trẻ, 2016, Tr.142)

**Trả lời câu hỏi/ thực hiện yêu cầu:**

**Câu 1**. Xác định thể loại của đoạn trích trên

**Câu 2**. Điều gì khiến Dương Trạm được Đức Đế quân khen là có bụng tốt và tâu xin cho làm chức trực lại ở cửa Tử đồng?

**Câu 3**. Từ Hán Việt "**kiềm thúc"** được hiểu nghĩa như thế nào?

**Câu 4:** Hiệu quả nghệ thuật của chi tiết kì ảo được sử dụng trong đoạn trích?

**Câu 5.** Từ những hành động và tình cảm của Tử Hư dành cho người thầy của mình, em có suy nghĩ gì về truyền thống tôn sư trọng đạo của nhân dân ta?

**GỢI Ý ĐÁP ÁN**

**Câu 1**. Thể loại của đoạn trích trên: Truyền kì.

**Câu 2**. Điều khiến Dương Trạm được Đức Đế quân khen là có bụng tốt và tâu xin cho làm chức trực lại ở cửa Tử đồng là: Giữ điều tín thực với thầy bạn, quý trọng những tờ giấy có chữ, hễ thấy rơi vãi liền nhặt mà đốt đi

**Câu 3**. Từ Hán Việt "**kiềm thúc"** được hiểu là: Kiềm chế bó buộc trong hoạt động.

**Câu 4:** Hiệu quả nghệ thuật của chi tiết kì ảo được sử dụng trong đoạn trích:

**-** Ca ngợi phẩm chất cao quý của Tử Hư.

- Tạo ra sự sinh động, tạo hứng thú tăng tính hấp dẫn cho người đọc.

- Muốn bất tử hóa nhân vật Dương trạm vì đã có những phẩm chất tố.

**Câu 5.** Từ những hành động và tình cảm của Tử Hư dành cho người thầy của mình, em có suy nghĩ về truyền thống tôn sư trọng đạo của nhân dân ta như sau: Truyền thống tôn sư trọng đạo là truyền thống tốt đẹp từ xưa đến nay của nhân dân ta. Truyền thống nhằm để tôn vinh, kính trọng và sự biết ơn của mỗi cá nhân đối với người thầy của mình.

Những biểu hiện của người học khi phát huy truyền thống tôn sư trọng đạo trong thực tế:

* + - Tôn trọng, lễ phép với các thầy cô giáo, chăm chỉ học tập rèn đức luyện tài.
    - Luôn nghĩ về công lao thầy cô, mong muốn được đền đáp. …

**ĐỀ 3**

**Đọc văn bản sau:**

**(Tóm tắt phần đầu:** TừNhị Khanh vốn con nhà nghèo, kết duyên cùng Phùng Trọng Quỳ, con quan Thiêm thư giàu có.Nhị Khanh tuy hãy còn nhỏ, nhưng sau khi về nhà họ Phùng biết cư xử rất khéo, được mọi người ta khen là người nội trợ hiền. Trọng Quỳ lớn lên, dần sinh ra chơi bời lêu lổng; Nhị Khanh thường vẫn phải can ngăn. Trọng Quỳ cùng cha vào vùng đất Nghệ An cai trị 6 năm trời không tin tức gì, Nhị Khanh ở nhà thủ tiết chờ chồng, “*quyết không mặc áo xiêm của chồng để đi làm đẹp với người khác*”. Sau Nhị Khanh nhờ người bõ già lặn lội vào tận Nghệ An hỏi thăm tin tức mới hay cha chồngđã mất được mấy năm rồi, vì Trọng Quỳ ham chơi nên gia sản sạch sành sanh. Trọng Quỳ về đến nhà, vợ chồng mừng rỡ, cùng trông nhau mà khóc.)

*Song Phùng sinh vì quen thân phóng lãng, thuộc tính chơi bời, về nhà ít lâu rồi nết cũ lại đâu đóng đấy, hằng ngày cùng người lái buôn là Đỗ Tam bê tha lêu lổng. Sinh thì thích Đỗ có tiền nhiều. Đỗ thì ham sinh có vợ đẹp. Những khi uống rượu với nhau rồi đánh bạc, Đỗ thường lấy lợi nhử sinh. Sinh đánh lần nào cũng được, thấy kiếm tiền dễ như thò tay vào túi mình lấy đồ vật vậy. Nhị Khanh vẫn răn bảo rằng:*

*- Những người lái buôn phần nhiều là giảo quyệt, đừng nên chơi thân với họ; ban đầu tuy họ thả cho mình được, nhưng rồi họ sẽ vét hết của mình cho mà xem.*

*Sinh không nghe. Một hôm sinh cùng các bè bạn họp nhau đánh tứ sắc. Đỗ bỏ ra trăm vạn đồng tiền để đánh và đòi sinh đánh bằng Nhị Khanh. Trọng Quỳ quen mui vẫn được luôn, chẳng suy nghĩ gì, liền bằng lòng cách ấy. Giấy giao kèo viết xong rồi vừa uống rượu vừa gieo quân. Trọng Quỳ gieo ba lần đều thua cả ba, sắc mặt tái mét; cử tọa cũng đều ngơ ngác buồn rầu hộ.*

*Trọng Quỳ phải cho gọi Nhị Khanh đến, bảo rõ thực tình, đưa tờ giao kèo cho xem và yên ủi rằng:*

*- Tôi vì nỗi nghèo nó bó buộc, để lụy đến nàng. Việc đã đến thế này, hối lại cũng không kịp nữa. Thôi thì bi hoan tán tụ cũng là việc thường của người ta. Nàng nên tạm về với người mới, khéo chiều chuộng hắn, rồi bất nhật tôi sẽ đem tiền đến chuộc.*

*Nàng liệu cơ không thể thoát khỏi, giả vờ nói tử tế rằng:*

*- Bỏ nghèo theo giàu, thiếp lẽ đâu từ chối. Số giời xếp đặt, há chẳng là tiền định hay sao! Nếu chồng mới không nỡ rẻ bỏ, còn đoái thu đến cái dung nhan tàn tạ này, thiếp xin sửa túi nâng khăn, hết lòng hầu hạ như đã đối với chàng xưa nay. Nhưng xin cho uống một chén rượu, mượn làm một chén tiễn biệt và cho về từ giã các con một chút.*

*Đỗ cả mừng, rót đầy một chén rượu xà cừ đưa mời nàng uống. Uống xong, nàng về nhà ôm lấy hai con, vỗ vào lưng mà bảo rằng:*

*- Cha con bạc tình, mẹ đau buồn lắm. Biệt ly là việc thường thiên hạ, một cái chết với mẹ có khó khăn gì. Nhưng mẹ chỉ nghĩ thương các con mà thôi.*

*Nói xong, lấy đoạn dây tơ thắt cổ mà chết.*

*Trọng Quỳ hối hận vô cùng, sắm đồ liệm táng tử tế rồi làm một bài văn tế vợ.*

(**Lược dẫn:**Sau khi vợ chết, Trọng Quỳ hối hận vô cùng. Nhị Khanh sau khi chết được Thượng đế thương là oan uổng nên cho coi giữ sổ sách ở tòa đền Trưng Vương. Một hôm đi đường xa, Trọng Quỳ ngủ dưới gốc cây thì được Nhị Khanh báo mộng, hẹn gặp ở đền Trưng Vương. Trọng Quỳ đúng hẹn đến trước đền, đợi từ chiều tà đến nửa đêm thì Nhị Khanh xuất hiện).

*Nhị Khanh nói:*

*- Vừa rồi thiếp nhân theo xe mây, lên có việc ở nơi Đế sở. Vì cớ có chàng nên thiếp đã phải bẩm xin về trước đấy; thành ra cũng sai hẹn với chàng một chút.*

*Bèn dắt tay nhau đi nằm, cùng nhau chuyện trò thủ thỉ. Khi nói đến việc hiện thời, Nhị Khanh chau mày:*

*- Thiếp thường theo chầu tả hữu Đức Bà ở đây, được trộm nghe chư tiên nói chuyện với nhau, bảo Hồ triều sẽ hết vào năm Bính Tuất, binh cách nổi lớn, số người bị giết chóc đến chừng hơn 20 vạn, ấy là chưa kể số bị bắt cướp đi. Nếu không phải người trồng cây đức đã sâu thì chỉ e ngọc đá đều bị cháy cả. Bấy giờ có một vị chân nhân họ Lê, từ miền tây nam xuất hiện; chàng nên khuyên hai con bền chí đi theo vị ấy, thiếp dù chết cũng không nát.*

*Trời gần sáng, Nhị Khanh vội dậy để cáo biệt, vừa đi vừa ngoảnh đầu nhìn lại, rồi thoắt chốc thì biến đi mất.*

*Trọng Quỳ bèn không lấy ai nữa, chăm chỉ nuôi hai con cho nên người. Đến khi vua Lê Thái Tổ tuốt gươm đứng dậy ở Lam Sơn, hai người con trai đều đi theo, trải làm đến chức Nhập thị nội. Đến nay ở Khoái Châu hiện còn con cháu.*

(Trích ***Người nghĩa phụ Khoái Châu***, *Truyền kì mạn lục*, Nguyễn Dữ, in trong cuốn *Văn xuôi tự sự Việt Nam thời trung đại,* tập 1, Nguyễn Đăng Na giới thiệu và tuyển soạn, NXB Giáo dục, 1997, tr 242 – 250)

**Trả lời câu hỏi/ thực hiện yêu cầu:**

**Câu 1**. Đoạn trích được kể theo ngôi kể nào?

**Câu 2**.Lí do nào khiến Nhị Khanh tìm đến cái chết?

**Câu 3**. Từ Hán Việt nào có yếu tố đồng âm khác nghĩa với yếu tố in đậm trong câu sau: “*Trọng Quỳ phải cho gọi Nhị Khanh đến, bảo rõ thực tình, đưa tờ giao kèo cho xem và* ***yên ủi*** *rằng...”*

**Câu 4.** Chỉ ra và nêu tác dụng của yếu tố kì ảo trong văn bản trên.

**Câu 5.** Từ số phận của nàng Nhị Khanh trong đoạn trích, em có suy nghĩ gì về nguyên nhân gây ra những bất hạnh cho người phụ nữ trong xã hội phong kiến xưa?

**GỢI Ý ĐÁP ÁN**

**Câu 1**. Đoạn trích được kể theo ngôi kể thứ 3.

**Câu 2**.Lí do khiến Nhị Khanh tìm đến cái chết:

- Đau buồn khi Trọng Quỳ bạc tình.

- Thủy chung trong tình cảm vợ chồng với Trọng Quỳ .

- Quyết không mặc áo xiêm của chồng để đi làm đẹp với người khác.

**Câu 3**. Từ Hán Việt có yếu tố đồng âm khác nghĩa với yếu tố in đậm trong câu sau: “*Trọng Quỳ phải cho gọi Nhị Khanh đến, bảo rõ thực tình, đưa tờ giao kèo cho xem và* ***yên ủi*** *rằng...” là:* Yên ba.

**Câu 4.** Chỉ ra và nêu tác dụng của yếu tố kì ảo trong văn bản trên.

- Yếu tố kì ảo trong đoạn trích:

+ Nhị Khanh sau khi chết, được Thượng đế cho coi giữ sổ sách ở tòa đền Trưng Vương.

+ Nhị Khanh báo mộng để hẹn gặp Trọng Quỳ

+ Cuộc gặp giữa Nhị Khanh và Trọng Quỳ

+ Câu chuyện của chư tiên mà Nhị Khanh nghe được, dự báo Hồ triều sẽ hết vào năm Bính Tuất, binh cách nổi lớn, có một vị chân nhân họ Lê, từ miền tây nam xuất hiện, đó chính là Lê Thái Tổ.

- Tác dụng của yếu tố kì ảo:

+ Làm câu chuyện thêm lôi cuốn, hấp dẫn người đọc.

+ Thể hiện thái độ, tình cảm của tác giả phê phán triều Hồ và ủng hộ vua Lê Thái Tổ.

**Câu 5.** Từ số phận của nàng Nhị Khanh trong đoạn trích, em có suy nghĩ về nguyên nhân gây ra những bất hạnh cho người phụ nữ trong xã hội phong kiến xưa:

- Số phận của nàng Nhị Khanh: Cuộc đời của nàng là hiện thân của bi kịch với số phận bất hạnh. Dù có nhân phẩm cao đẹp thì Nhị Khanh vẫn phải chịu chung kết cục như nhiều người phụ nữ khác trong “Truyền kì mạn lục”. Bao năm thủ tiết chờ chồng những mong được đền đáp tấm chân tình, nhưng chồng nàng vì ham vui cờ bạc đến khánh kiệt gia sản, phải đem vợ ra đánh bạc với Đỗ Tam, đem nghĩa vợ chồng ra làm trò cá cược trên canh bạc. Khi thua bạc, Trọng Quỳ đành gán nợ vợ.

- Suy nghĩ về nguyên nhân gây ra bất hạnh của người phụ nữ trong xã hội phong kiến:

+ Do cuộc hôn nhân không bình đẳng, không môn đăng hộ đối.

+ Do mặt tiêu cực của lễ giáo phong kiến:

++ Quan niệm trọng nam khinh nữ, ở đó vị trí của người phụ nữ bị hạ thấp, vị trí của người đàn ông được đề cao quá mức. Tiếng nói của người phụ nữ không mấy giá trị, ít được chấp nhận. (Giá như Trọng Quỳ nghe lời khuyên của Nhị Khanh thì Nhị Khanh đâu phải chịu cái chết thảm thương, oan khuất!)

++ Người phụ nữ trong xã hội phong kiến còn bị ràng buộc bởi lễ giáo “tam tòng, tứ đức” hà khắc, không có quyền tự quyết định cuộc đời mình.

+ Do xã hội đồng tiền coi tiền bạc, của cải hơn tình nghĩa. Đồng tiền có sức mạnh phá hủy nhân cách ghê gớm, phá hủy cả đạo lí vợ chồng.

...

**ĐỀ 4**

**Đọc văn bản sau:**

(**Tóm tắt phần đầu**: Từ Thức làm quan Tri huyện Tiên Du, nhân một buổi xem hội hoa mẫu đơn mà cứu giúp một người con gái đẹp. Vì tính ham thơ mến cảnh nên chàng đã từ quan mà chọn sống chốn nước biếc non xanh. Một hôm Từ Thức mải vãn cảnh mà lạc vào động tiên, gặp lại người con gái mà chàng đã cứu hôm đi hội, mới biết hóa ra cô gái đó chính là nàng tiên Giáng Hương, con của bà tiên cai quản vùng núi Phù Lai, động tiên thứ 6 trong 36 động tiên bồng bềnh ngoài biển cả. Để báo đáp ơn cứu mạng trước kia, phu nhân đã tác hợp cho Từ Thức và Giáng Hương nên duyên vợ chồng trong sự chúc phúc của quần tiên.)

*Nhưng từ khi chàng bỏ nhà đi thấm thoát đã được một năm, ao sen đã đổi thay mầu biếc. Những đêm sương sa gió thổi, bóng trăng sáng nhòm qua cửa sổ, tiếng thủy triều nghe vẳng đầu giường, đối cảnh chạnh lòng, một mối buồn bâng khuâng, quấy nhiễu khiến không sao ngủ được. Một hôm trông ra bể, thấy một chiếc tàu buôn đi về phương nam, Từ trỏ bảo Giáng Hương rằng:*

*- Nhà tôi đi về phía kia kìa, song biển cả trời xa, chẳng biết là ở tận đâu.*

*Rồi nhân lúc rỗi, chàng nói với nàng rằng:*

*- Tôi bước khách bơ vơ, lòng quê bịn rịn, lệ hoa thánh thót, lòng cỏ héo hon, dám xin thể tình mà cho được tạm về, chẳng hay ý nàng nghĩ thế nào?*

*Giáng Hương bùi ngùi không nỡ dứt. Từ lang nói:*

*- Tôi xin hẹn trong một thời kỳ bao nhiêu lâu, để về cho bạn bè gặp mặt và thu xếp việc nhà cho yên, sẽ lại đến đây để với nàng cùng già ở chỗ làng mây bến nước.*

*Giáng Hương khóc mà nói:*

*- Thiếp chẳng dám vì tình phu phụ mà ngăn cản mối lòng quê hương của chàng. Song cõi trần nhỏ hẹp, kiếp trần ngắn ngủi, dù nay chàng về, nhưng chỉ e liễu sân hoa vườn, không còn đâu cảnh tượng như ngày trước nữa.*

*Nàng nhân thưa với phu nhân, phu nhân nói:*

*- Không ngờ chàng lại thắc mắc vì mối lòng trần như vậy.*

*Nhân cho một cỗ xe cẩm vân để chàng cưỡi về. Nàng cũng đưa cho chàng một bức thư viết vào lụa mà nói:*

*- Ngày khác trông thấy vật này, xin đừng quên mối tình cũ kĩ..*

*Rồi trào nước mắt mà chia biệt.*

*Chàng đi chỉ thoắt chốc đã về đến nhà, thì thấy vật đổi sao dời, thành quách nhân gian, hết thảy đều không như trước nữa, duy có những cảnh núi khe là vẫn không thay đổi sắc biếc màu xanh thủa nọ. Bèn đem tên họ mình hỏi thăm những người già cả thì thấy có người nói:*

*- Thuở bé tôi nghe nói ông cụ tam đại nhà tôi cũng cùng tên họ như ông, đi vào núi mất đến nay đã hơn 80 năm, nay đã là năm thứ 5 niên hiệu Diên Ninh là đời ông vua thứ ba của triều Lê rồi.*

*Chàng bấy giờ mới buồn bực bùi ngùi; muốn lại lên xe mây để đi, nhưng xe đã hóa làm một con chim loan mà bay mất. Mở thư ra đọc, thấy có câu: "Kết lứa phượng ở trong mây, duyên xưa đã hết, tìm non tiên ở trên biển, dịp khác còn đâu!" mới biết là Giáng Hương đã nói trước với mình những lời ly biệt. Chàng bèn mặc áo cừu nhẹ, đội nón lá ngắn, vào núi Hoành Sơn, rồi sau không biết đi đâu mất.*

(Trích ***Từ Thức lấy vợ tiên****,* *Truyền kì mạn lục*, Nguyễn Dữ, in trong cuốn *Văn xuôi tự sự Việt Nam thời trung đại,* tập 1, Nguyễn Đăng Na giới thiệu và tuyển soạn, NXB Giáo dục, 1997, tr 259 - 260)

**Thực hiện các yêu cầu sau:**

**Câu 1**. Chỉ ra đặc điểm không gian và thời gian nghệ thuật trong đoạn trích trên.

**Câu 2**. Theo đoạn trích, khi trở lại chốn cũ quê xưa, Từ Thức thấy những cảnh tượng gì?

**Câu 3**. Chỉ ra và nêu tác dụng của yếu tố kì ảo trong đoạn trích.

**Câu 4**. Em hãy lí giải sự lựa chọn của Từ Thức ở cuối đoạn trích: *Chàng bèn mặc áo cừu nhẹ, đội nón lá ngắn, vào núi Hoành Sơn, rồi sau không biết đi đâu mất.*

**Câu 5**. Rút ra một thông điệp ý nghĩa nhất và lí giải.

**GỢI Ý ĐÁP ÁN**

**Câu 1**. Chỉ ra đặc điểm không gian và thời gian nghệ thuật trong đoạn trích trên.

- Không gian trong đoạn trích: đan xen giữa cõi trần và cõi tiên.

+ Cõi trần: huyện Tiên Du, quê cũ của Phạm Tử Hư.

+ Cõi tiên: vùng núi Phù Lai – động tiên thứ 6 trong 36 động tiên bồng bềnh ngoài biển cả.

- Thời gian: kết hợp thời gian thực và thời gian kì ảo

+ Thời gian thực: năm thứ 5 niên hiệu Diên Ninh, đời ông vua thứ ba triều Lê.

+ Thời gian kì ảo: thời gian ngưng đọng; Từ Thức ở động tiên khoảng một năm nhưng ở cõi trần đã hơn 80 năm.

**Câu 2**. Theo đoạn trích, khi trở lại chốn cũ quê xưa, Từ Thức thấy những cảnh tượng: vật đổi sao dời, thành quách nhân gian, hết thảy đều không như trước nữa, duy có những cảnh núi khe là vẫn không thay đổi sắc biếc màu xanh thủa nọ.

**Câu 3**. Chỉ ra và nêu tác dụng của yếu tố kì ảo trong đoạn trích.

- Yếu tố kì ảo trong đoạn trích:

+ Từ Thức gặp tiên và kết duyên với nàng tiên Giáng Hương trong sự chúc phúc của ququần tiên.

+ Cỗ xe cẩm vân đưa Từ Thức về nhà trong thoáng chốc.

+ Xe mây thoáng chốc đã hóa chim loan mà bay mất.

- Tác dụng của các yếu tố kì ảo:

+ Tạo ra sự sinh động, khiến câu chuyện thêm hấp dẫn, thú vị, tạo hứng thú tăng tính hấp dẫn cho người đọc.

+ Kín đáo bộc lộ thái độ của người viết: Cõi tiên là hình ảnh của thế giới mà con người muốn tìm đến khi chán ngán thế giới thực tại. Nhưng thế giới cũng chỉ là hư vô như giấc mộng chiêm bao.

**Câu 4**. Lí giải sự lựa chọn của Từ Thức ở cuối đoạn trích: *Chàng bèn mặc áo cừu nhẹ, đội nón lá ngắn, vào núi Hoành Sơn, rồi sau không biết đi đâu mất.*

- Lựa chọn của Từ Thức ở cuối đoạn trích: Chọn vào núi, xa rời cuộc sống trần gian.

- Lí giải: Từ Thức trở nên lạc lõng bơ vơ khi chàng không còn thuộc về chốn thần tiên cũng không còn hợp với cõi nhân gian. Chính vì vậy ra đi là cách tốt nhất cho chàng.

**Câu 5**. Rút ra một thông điệp ý nghĩa nhất và lí giải.

\*HS có thể lựa chọn một trong những thông điệp sau:

- Chúng ta là con người trần thế dù có được sống nơi tiên cảnh cũng không thoát được nỗi nhớ quê hương

- Cuộc đời con người chúng ta không tồn tại vĩnh viễn mà chỉ là khoảng thời gian hữu hạn, chúng ta cũng không được hưởng đặc ân vô biên từ tạo hóa.

- Chúng ta không thể tham lam, không thể có tất cả, khi ta không chấp nhận bằng lòng ta sẽ mất hết.

...

\*HS tự lí giải hợp lí thông điệp đã chọn.

**ĐỀ 5**

**Đọc văn bản sau:**

**(Lược một đoạn**: Đào Cảnh Long, hiệu là Vân Hiên cư sĩ, là một học trò nghèo sống vào cuối đời Lê Chiêu Thống, đức độ rộng rãi, tính tình chất phác, trọng danh nghĩa, chuộng khí khái. Năm Bính Thìn, vì nhà thiếu ăn, chàng phải đi dạy học thuê cho một nhà giàu).

Ở chỗ dạy học, anh có nuôi một con chó già, sớm hôm chơi đùa với nó. Anh đi đâu, nó cũng đi theo. Anh ngồi đâu, nó cũng đứng chầu bên cạnh. Anh đặt tên nó là Hàn Lư. Anh thường đùa với nó:

– Mày được ta chăm nuôi, mày có chịu dốc sức liều chết vì ta không? Con vật gật đầu, nghoe nguẩy đuôi như tỏ ý nhận lời.

Mấy tháng sau, anh có việc phải trở về quê hương. Con chó phải ở lại. Nó quanh quẩn ra vào ở cửa phòng học. Ban ngày xua đuổi gà lợn, ban đêm phòng giữ kẻ gian. Nhiều khi bọn trẻ lãng quên, không cho ăn, tiếng sủa của con chó không còn được sang sảng nữa.

Bấy giờ, trong làng có một phú ông họ Trương thấy vậy, thương hại, đem cơm đến cho ăn. Vừa bước vào cửa phòng học, liền bị con chó cắn phải. Ông trách mắng:

– Hàn Lư! Hàn Lư! Vì thương mày đói lâu nay, nên ta đến đưa cơm cho mày ăn. Ta đâu phải là kẻ bất nhân! Mày tuy là giống vật, nhưng cũng biết suy nghĩ chút ít. Sao mày lại lấy oán trả ân?

Ông chưa dứt lời, con vật chồm lên, nhe răng, giơ vuốt, nói bằng tiếng người:

– Ngày chủ tôi đi có căn dặn tôi phải bảo vệ phòng học, trông nom bọn trẻ. Ngăn chặn kẻ ác, cấm đoán kẻ gian là trách nhiệm của tôi. Ông tới đột ngột, lại không có chủ tôi đón tiếp, thì bị cắn một miếng là đúng lẽ thôi! Thế mà còn trách mắng nặng lời gì nữa!

Thấy con chó biết nói tiếng người, lại nói đúng lẽ, phú ông thầm nghĩ trong bụng nó là con vật kì lạ, ý muốn dụ dỗ, bèn nói:

– Ông chủ của mày bản chất là thầy đồ nghèo. Mình hắn chẳng đủ miếng ăn, lấy đâu ra dành cho mày nữa. Bây giờ chi bằng mày bỏ chỗ tối, tới chỗ sáng, bỏ nhà nghèo, tới nhà giàu, tìm nơi no đủ, sung sướng suốt đời, có phải hơn không? Tội gì mà phải chịu khổ mãi?

Con chó nói:

– Ôi! Ông cũng là người, sao nỡ mở miệng buông lời như thế. Kẻ sĩ trung nghĩa, không vì cùng hay thông mà thay đổi ý chí, cho nên đến mùa rét mới biết rõ bách tùng tươi tốt hơn các cây khác, gặp gió mạnh mới hay cây đứng được vững chắc. Giống súc vật tuy khác với loài người, song vẫn có tính trời phú, biết giữ vững khí tiết đối với chủ của mình. Huống hồ ông chủ của tôi lại là một người luôn biết giữ lòng chân chính, sống nghề quang minh, trung để thờ vua, tín để kết bạn, hiếu với cha mẹ, hòa thuận họ hàng, trời sắp giao cho trách nhiệm quan trọng, cho nên bắt phải cùng khổ thiếu thốn, để trau dồi cho được thành công tốt đẹp đó thôi! Ông nói năng lung tung chẳng đúng gì, nên tôi tha thứ cho. Nếu không miệng này sẽ cắn cho một miếng nữa, chẳng ngần ngại gì! Hãy mau mau lui về, chớ để sau phải hối tiếc!

Phú ông nghe xong, sửng sốt ngây dại, hiểu rõ con vật có nghĩa, không thể giành giật được, đành mang cơm ra về.

Vài hôm sau, Đào Cảnh Long trở về, con chó mừng rỡ ra cửa đón tiếp, hình dáng tiều tụy khôn xiết. Nghe xóm giềng kể lại câu chuyện, Đào Cảnh Long cảm động lắm, ngậm ngùi lấy làm lạ mãi. Anh kiểm tra lại phòng sách, thì khóa cửa không di chuyển, giường chiếu còn y nguyên, đều là nhờ con chó hết sức canh giữ.

Ôi! Con chó là loài súc vật, mà còn biết giữ lòng tiết nghĩa thờ chủ. Dù dùng lời đường mật dụ dỗ, cũng không thể lay chuyển lòng dạ sắt đá của nó. Huống gì con người ăn lộc nhà vua, nếu giữ vững đầy đủ cái lòng tiết nghĩa ấy để đền ơn nước, xông ra đánh giặc, giặc nào chẳng tan; cố sức giữ thành, thành nào chẳng vững…

Than ôi! Sao mà lòng người chẳng còn được như xưa, thói đời đổi thay nhiều dạng? Lúc nước nhà yên vui thì bợ đỡ cầu vinh, lúc cuộc đời rối ren thì trở mặt đổi giọng, bán nước kiếm ăn, theo thời cầu lợi, không còn chút liêm sỉ, thật là quá quắt!

Vì vậy, tôi cho rằng ở đời nhiều kẻ không bằng con Hàn Lư đấy! Nhân ghi lại mẩu chuyện để răn bảo người đời.

(Trích **Chuyện con chó có nghĩa của một nhà nghèo**, Phạm Quý Thích, in trong Truyện truyền kì Việt Nam, Vũ Ngọc Khánh – Nguyễn Quang Ân sưu tầm, tuyển chọn, NXB Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội, 2023, tr.320 – 332)

**Thực hiện các yêu cầu sau:**

**Câu** **1.** Xác định ngôi kể của văn bản.

**Câu** **2.** Chỉ ra lời của nhân vật, lời của người kể chuyện trong những câu văn sau:

Anh thường đùa với nó:

– Mày được ta chăm nuôi, mày có chịu dốc sức liều chết vì ta không? Con vật gật đầu, nghoe nguẩy đuôi như tỏ ý nhận lời.

**Câu** **3.** Chỉ ra và phân tích tác dụng của yếu tố kì ảo được sử dụng trong văn bản.

**Câu 4.**Xác định chủ đề của văn bản.

**Câu** **5.** Em rút ra được những bài học gì cho bản thân sau qua văn bản trên?

**GỢI Ý ĐÁP ÁN**

**Câu** **1.** Xác định ngôi kể của văn bản:Ngôi thứ ba.

**Câu** **2.** Chỉ ra lời của nhân vật, lời của người kể chuyện trong những câu văn sau:

Anh thường đùa với nó:

– Mày được ta chăm nuôi, mày có chịu dốc sức liều chết vì ta không? Con vật gật đầu, nghoe nguẩy đuôi như tỏ ý nhận lời.

- Lời của người kể chuyện: Anh thường đùa với nó; Con vật gật đầu, nghoe nguẩy đuôi như tỏ ý nhận lời.

- Lời của nhân vật (Đào Cảnh Long): Mày được ta chăm nuôi, mày có chịu dốc sức liều chết vì ta không?

**Câu** **3.** Chỉ ra và phân tích tác dụng của yếu tố kì ảo được sử dụng trong văn bản.

**- Yếu tố kì ảo trong đoạn trích:** chú chó Hàn Lư biết nói tiếng người.

- Tác dụng của các yếu tố kì ảo:

+ Tạo ra sự sinh động, khiến câu chuyện thêm hấp dẫn, thú vị, tạo hứng thú tăng tính hấp dẫn cho người đọc.

+ Giúp tác giả bộc lộ quan điểm về lòng trung nghĩa.

**Câu 4.**Xác định chủ đề của văn bản.

Mượn câu chuyện về chú chó tình nghĩa với chủ, văn bản thể hiện chủ đề:

- Ca ngợi những con người có tấm lòng trung nghĩa, những người biết giữ lòng trung, sống quanh minh chính đại.

- Đồng thời phê phán những kẻ bất trung bất nghĩa, vì ham vinh hoa phú quý mà

sẵn sàng bán nước cầu vinh, theo thời cầu lợi, không có liêm sỉ.

**Câu** **5.**  Những bài học cho bản thân sau qua văn bản:

- Chúng ta cần giữ vững khí tiết, lòng trung nghĩa trong bất kì hoàn cảnh nào.

- Không được thỏa hiệp với cái xấu, cái ác, đánh mất lòng trung nghĩa vì lợi danh.

- Cần đề phòng những cám dỗ trong cuộc đời.

...

**ĐỀ 6**

**Đọc văn bản sau:**

   Ngô Tử Văn tên là Soạn, người huyện Yên Dũng, đất Lạng Giang. Chàng vốn khảng khái, nóng nảy, thấy sự tà gian thì không thể chịu được, vùng Bắc người ta vẫn khen là một người cương trực. Trong làng trước có một ngôi đền linh ứng lắm. Cuối đời nhà Hồ, quân Ngô sang lấn cướp, vùng ấy thành một nơi chiến trường. Bộ tướng của Mộc Thạnh có viên Bách hộ họ Thôi, tử trận ở gần đền, từ đấy làm yêu làm quái trong dân gian. Tử Văn rất tức giận, một hôm tắm gội sạch sẽ, khấn trời, rồi châm lửa đốt đền. Mọi người đều lắc đầu lè lưỡi, lo sợ thay cho Tử Văn, nhưng chàng vẫn vung tay không cần gì cả.

Đốt đền xong, chàng về nhà, thấy trong mình khó chịu, đầu lảo đảo và bụng run run, rồi nổi lên một cơn sốt nóng sốt rét. Trong khi sốt, chàng thấy một người khôi ngô, cao lớn, đầu đội mũ trụ đi đến, nói năng và quần áo rất giống người phương Bắc, tự xưng là cư sĩ, đến đòi làm trả lại ngôi đền như cũ và nói:

- Nhà ngươi đã theo nghiệp nho, đọc sách vở của thánh hiền, há không biết cái đức của quỷ thần sao, cớ gì lại dám khinh nhờn hủy tượng, đốt đền, khiến cho hương lửa không có chỗ tựa nương, oai linh không có nơi hiển hiện, vậy bảo làm sao bây giờ? Biết điều thì dựng trả ngôi đền như cũ. Nếu không thì, vô cớ hủy đền Lư Sơn, Cố Thiệu sẽ khó lòng tránh khỏi tai vạ.

Tử Văn mặc kệ, vẫn cứ ngồi ngất ngưởng tự nhiên. *Phong đô không xa xôi gì, ta tuy hèn, há lại không đem nổi nhà ngươi đến đấy. Không nghe lời ta thì rồi sẽ biết.*

*Nói rồi phất áo đi.*

*Chiều tối, lại có một ông già, áo vải mũ đen, phong độ nhàn nhã, thủng thỉnh đi vào đến trước thềm, vái chào mà rằng:*

*- Tôi là Thổ công ở đây, nghe thấy việc làm rất thú của nhà thầy, vậy xin đến để tỏ lời mừng.*

*Tử Văn ngạc nhiên nói:*

*- Thế người đội mũ trụ đến đây ban nãy, chẳng phải là Thổ công đấy ư? Sao mà nhiều thần quá vậy?*

*Ông già nói:*

*- Ô, đấy là viên tướng bại trận của Bắc triều, cái hồn bơ vơ ở Nam quốc, tranh chiếm miếu đền của tôi, giả mạo họ tên của tôi, quen dùng chước dối lừa, thích làm trò thảm ngược, Thượng Đế bị nó bưng bít, hạ dân bị nó quấy rầy, phàm những việc hưng yêu tác quái đều tự nó cả, chứ có phải tôi đâu. [...]”.*

*Tử Văn nói:*

*- Việc xảy ra đến như thê, sao ngài không kiện ở Diêm Vương và tâu lên Thượng Đế, lại đi khinh bỏ chức vị, làm một người áo vải nhà quê?*

*Ông già chau mặt nói:*

*- Rễ ác mọc lan, khó lòng lay động. Tôi đã định thưa kiện, nhưng mà có nhiều nỗi ngăn trở: Những đền miếu gần quanh, vì tham của đút, đều bênh vực cho nó cả. Tôi chỉ giữ được một chút lòng thành, nhưng không làm thế nào để thông đạt được lên, cho nên đành tạm ẩn nhẫn mà ngồi xó một nơi.*

(Trích *Chuyện chức phán sự đền Tản Viên*, Nguyễn Dữ, Ngữ văn 10, tập 2, NXB Giáo dục, 2009)

**Thực hiện các yêu cầu sau:**

**Câu 1.** Nhân vật chính trong đoạn trích trên là ai?

**Câu 2.** Nguyên nhân nào khiến Tử Văn châm lửa đốt đền?

**Câu 3.** Hành độngTử Văn đốt đền cho thấy chàng là người có tính cách như thế nào?

**Câu 4.** Theo em, chi tiết **Tử Văn tắm gội sạch sẽ, khấn trời trong đoạn trích** có ý nghĩa như thế nào?

**Câu 5.** Nhân vật chính trong đoạn trích được khắc họa chủ yếu qua phương diện nào?

**Câu 6.** Nhận xét về vai trò của yếu tố kì ảo trong đoạn trích.

**GỢI Ý ĐÁP ÁN**

**Câu 1.** Nhân vật chính trong đoạn trích trên là: Ngô Tử Văn

**Câu 2.** Nguyên nhân khiến Tử Văn châm lửa đốt đền là:

- Vì ngôi đền đó là đền tà, nhũng nhiễu nhân dân.

- Vì ngôi đền ấy trước đây linh ứng, nhưng giờ bị hồn một tên tướng giặc tử trận chiếm giữ.

- Vì Tử Văn không chịu được cảnh tà gian.

**Câu 3.** Hành độngTử Văn đốt đền cho thấy chàng là người có tính cách: Khảng khái, nóng nảy, yêu chính nghĩa.

**Câu 4.** Theo em, chi tiết **Tử Văn tắm gội sạch sẽ, khấn trời trong đoạn trích** có ý nghĩa:

* + - Tử Văn tin vào sự chính trực của mình.
    - Tử Văn muốn trời chứng giám cho hành động chân chính của mình.
    - Hành động của Tử Văn là quang minh chính đại, cẩn trọng.

**Câu 5.** Nhân vật chính trong đoạn trích được khắc họa chủ yếu qua phương diện: Lời nói, hành động.

**Câu 6.** Vai trò của yếu tố kì ảo trong đoạn trích.

\*Yếu tố kì ảo trong đoạn trích: Đan cài giữa thế giới cõi trần và cõi âm với các nhân vật kì ảo và sự việc kì ảo:

+ Hồn ma tướng giặc bại trận tranh cướp ngôi đền của thổ công nước Việt, từ đó làm yêu làm quái trong nhân gian.

+ Hồn ma tướng giặc tìm đến Ngô Tử Văn buông lời đe dọa sau khi bị Tử Văn đốt đền, mất nơi cư trú.

+ Thổ công nước Việt đến gặp Tử Văn để tỏ lời mừng, cung cấp chứng cứ cho Tử Văn.

+ Thế giới cõi âm với thánh thần, ma quỷ cũng vì lợi, ham của đút lót mà bênh vực cái xấu, cái ác.

\* Vai trò của yếu tố kì ảo trong đoạn trích:

- Làm cho truyện trở lên sinh động, hấp dẫn, lôi cuốn người đọc.

- Bộc lộ quan điểm và thái độ của nhà văn Nguyễn Dữ:

+ Phê phán tội ác của kẻ thù xâm lược: tên tướng giặc lúc sống hại dân ta mà lúc chết cũng hại dân ta; từ đó thể hiện tinh thần dân tộc sâu sắc.

+ Phơi bày hiện thực đầy rẫy những bất công ở cõi trần, là hình chiếu những bất công của xã hộ đương thời: bọn tham quan, ô lại đã tiếp tay cho kẻ ác, kẻ xấu để gây nên bao nỗi khổ cho người lương thiện.

**ĐỀ 7**

**Đọc văn bản sau:**

Trong năm Quang Thái đời nhà [*Trần*](https://vi.wikipedia.org/wiki/Tr%E1%BA%A7n), người ở Hóa Châu tên là Từ Thức, vì có phụ ấm được bổ làm tri huyện Tiên Du. Bên cạnh huyện có một tòa chùa danh tiếng, trong chùa trồng một cây mẫu đơn, đến kỳ [*hoa*](https://vi.wikipedia.org/wiki/Hoa_L%C6%B0) nở thì người các nơi đến xem đông rộn rịp, thành một đám hội xem hoa tưng bừng lắm. Tháng Hai năm Bính Tý (niên hiệu Quang Thái thứ chín (1396) đời nhà Trần), người ta thấy có cô con gái, tuổi độ mười sáu, phấn son điểm phớt, nhan sắc xinh đẹp tuyệt vời, đến hội ấy xem hoa. Cô gái vin một cành hoa, không may cành giòn mà gãy khấc, bị người coi hoa bắt giữ lại, ngày đã sắp tối vẫn không ai đến nhận. Từ Thức cũng có mặt ở đám hội, thấy vậy động lòng thương, nhân cởi tấm áo cừu gấm trắng, đưa vào tăng phòng để chuộc lỗi cho người con gái ấy. Mọi người đều khen quan huyện là một người hiền đức.

Song Từ Thức vốn tính hay rượu, thích đàn, ham thơ, mến cảnh, việc sổ sách bỏ ùn cả lại thường bị quan trên quở trách rằng:

      – Thân phụ thầy làm đến đại thần mà thầy không làm nổi một chức tri huyện hay sao!

     Từ than rằng:

      – Ta không thể vì số lương năm đấu gạo đỏ mà buộc mình trong áng lợi danh. Âu là một mái chèo về, nước biếc non xanh vốn chẳng phụ gì ta đâu vậy.

Bèn cởi trả ấn tín, bỏ quan mà về. Vốn yêu cảnh hang động ở huyện Tống Sơn, nhân làm nhà tại đấy để ở. Thường dùng một thằng nhỏ đem một bầu rượu, một cây đàn đi theo, mình thì mang mấy quyển thơ của Đào Uyên Minh, hễ gặp chỗ nào thích ý thì hí hửng ngả rượu ra uống. Phàm những nơi nước tú non kì như núi Chích Trợ, động Lục Vân, sông Lãi, cửa Nga, không đâu không từng có những thơ đề vịnh.

(Trích Chuyện Từ Thức lấy vợ tiên, [*Truyền kì mạn lục*](https://lediem.net/2024/04/13/doc-hieu-chuyen-tu-thuc-lay-vo-tien/), Nguyễn Dữ, NXB Hội Nhà văn, 2018, tr.112-113)

**Thực hiện các yêu cầu sau:**

**Câu 1**. Thể loại của tác phẩm có chứa đoạn trích trên là gì? Vì sao em khẳng định như vậy?

**Câu 2**. Theo đoạn trích, chức quan của nhân vật Từ Thức là gì? Chàng có phải là một vị quan hết lòng vì dân không? Vì sao?

**Câu 3.** Trong đám hội xem hoa tưng bừng, tại sao cô gái bị người coi hoa bắt giữ lại?

**Câu 4**. Theo đoạn trích, nhân vật Từ Thức được giới thiệu là người có tính cách như thế nào?

**Câu 5.** Em có đồng tình với quan điểm, thái độ của Từ Thức khi trả ấn tín từ quan không? Lý giải điều đó bằng quan điểm của mình.

**GỢI Ý TRẢ LỜI c*huyện Từ Thức lấy vợ tiên ; đọc hiểu chuyện Từ Thức lấy***

**Câu 1.**Thể loại của đoạn trích trên là: Truyền kì. HS bám vào đặc trưng của truyện truyền kỳ để lý giải.

**Câu 2.** Chức quan của nhân vật Từ Thức là: Tri huyện. Chàng không phải là một vị quan hết lòng vì dân. Lý do: Từ Thức vốn tính hay rượu, thích đàn, ham thơ, mến cảnh, việc sổ sách bỏ ùn cả lại thường bị quan trên quở trách.:

**Câu 3.** Trong đám hội xem hoa tưng bừng cô gái bị người coi hoa bắt giữ lại vì: Cô gái vin một cành hoa, không may cành giòn mà gãy.

**Câu 4.** Theo đoạn trích, nhân vật Từ Thức được giới thiệu là người có tính cách: Tính hay rượu, thích đàn, ham thơ, mến cảnh.

**Câu 5.** Em có đồng tình với quan điểm, thái độ của Từ Thức khi trả ấn tín từ quan không? Lý giải điều đó bằng quan điểm của mình.

*HS trình bày theo cảm nhận của mình, có thể lựa chọn đồng tình hoặc không đồng tình và lý giải thuyết phục.*

**ĐỀ 8**

**Đọc văn bản sau:**

*Như Từ, Từ khi bỏ nhà đi thấm thoát đã được một năm, ao sen đã đổi thay mầu biếc. Những đêm gió thổi, những sáng sương sa, bóng trăng sáng dòm qua cửa sổ, tiếng thủy triều nghe vẳng đầu giường, đối cảnh chạnh lòng, một mối buồn bâng khuâng, quấy nhiễu khiến không sao ngủ được. Một hôm trông ra bể, thấy một chiếc tàu buôn đi về phương Nam. Từ trỏ bảo Giáng Hương rằng:*

*- Nhà tôi đi về phía kia kìa, song biển cả trời xa, chẳng biết là ở tận đâu.*

*Rồi nhân lúc rỗi, chàng nói với nàng rằng:*

*- Tôi bước khách bơ vơ, lòng quê bịn rịn, lệ hoa thánh thót, lòng cỏ héo hon dám xin thể tình mà cho được tạm về, chẳng hay ý nàng nghĩ thế nào?*

*Giáng Hương bùi ngùi không nỡ dứt. Từ lang nói:*

*- Tôi xin hẹn trong một thời kỳ bao nhiêu lâu, để về cho bạn bè gặp mặt và thu xếp việc nhà cho yên, sẽ lại đến đây để với nàng cùng già ở chốn làng mây bến nước.*

*Giáng Hương khóc mà nói:*

*- Thiếp chẳng dám vì tình phu phụ mà ngăn cản mối lòng quê hương của chàng. Song cõi trần nhỏ hẹp, kiếp trần ngắn ngủi, dù nay chàng về nhưng chỉ e liễu sân hoa vườn, không còn đâu cảnh tượng như ngày trước nữa.*

*Nàng nhân thưa với phu nhân, phu nhân nói:*

*- Không ngờ chàng lại mắc mớ vì mối lòng trần như vậy.*

*Nhân cho một cỗ xe cẩm vân để chàng cưỡi về. Nàng cũng đưa cho chàng một bức thư viết vào lụa mà nói:*

*- Ngày khác trông thấy vật này, xin đừng quên mối tình ngày cũ.*

*Rồi tràn nước mắt mà chia biệt.*

*Chàng đi chỉ thoắt chốc đã về đến nhà, thì thấy vật đổi sao dời, thành quách nhân gian, hết thảy đều không như trước nữa, duy có những cảnh núi khe là vẫn không thay đổi sắc biếc mầu xanh thủa nọ. Bèn đem tên họ mình hỏi thăm những người già cả thì thấy có người nói:*

*- Thuở bé tôi nghe nói ông cụ tam đại nhà tôi cũng cùng tên họ như ông, đi vào núi mất đến nay đã hơn 80 năm, nay đã là năm thứ 5 niên hiệu Diên Ninh là đời ông vua thứ ba của triều Lê rồi.*

*Chàng bấy giờ mới hậm hực bùi ngùi; muốn lại lên xe mây để đi, nhưng xe đã hóa làm một con chim loan mà bay mất. Mở thư ra đọc, thấy có câu: "Kết lứa phượng ở trong mây, duyên xưa đã hết, tìm non tiên ở trên bể dịp khác còn đâu!" mới biết là Giáng Hương đã nói trước với mình những lời ly biệt. Chàng bèn mặc áo cừu nhẹ, đội nón lá ngắn, vào núi Hoành Sơn, rồi sau không biết đi đâu mất.*

(Trích "Từ Thức", "[Truyền kỳ mạn lục](https://topbee.vn/blog/doc-hieu-van-ban-tu-thuc)", bản dịch của Trúc Khê - Ngô Văn Triện. NXB Trẻ & Hội Nghiên cứu giảng dạy văn học TP. HCM, in lại năm 1988)

**Thực hiện các yêu cầu sau:**

**Câu 1: Khi trở lại chốn cũ quê xưa, Từ Thức thấy những gì?**

**Câu 2: Tại sao Từ Thức từ chối cuộc sống chốn tiên bồng?**

**Câu 3: Tạo sao Từ Thức lại mặc áo cừu nhẹ, đội nón lá ngắn, vào núi Hoành Sơn, sau không biết đi đâu mất?**

**Câu 4: Chuyện về Từ Thức cho ta bài học gì?**

*Câu chuyện về chàng Từ Thức đã cho ta thấy được bài học về tình yêu quê hương, đất nước. Cho dù có đi xa tới đâu, có được thưởng thức những của quý, cảnh đẹp ở nhiều nơi khác thì quê hương vẫn sẽ là nơi ấn tượng nhất, nghĩa nhất đối với bản thân mỗi con người.*

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

**Câu 1: Khi trở lại chốn cũ quê xưa, Từ Thức thấy:**

Khi trở lại chốn cũ quê xưa, Từ Thức thấy: vật đổi sao dời, thành quách nhân gian, hết thảy đều không như trước nữa, duy có những cảnh núi khe là vẫn không thay đổi sắc biếc mầu xanh thủa nọ.

**Câu 2: Từ Thức từ chối cuộc sống chốn tiên bồng bởi:**

Vì ông vẫn còn nặng lòng với quê hương, với những người thân yêu ở trần gian.

**Câu 3: Phần cuối truyện, Từ Thức lại mặc áo cừu nhẹ, đội nón lá ngắn, vào núi Hoành Sơn, sau không biết đi đâu mất vì:**

Vì giờ đây những điều quen thuộc với cuộc sống trước đây của chàng đã chẳng còn nữa và vì ông yêu tự do**, yêu quê hương sâu sắc mà không màng đến danh lợi.**

**Câu 5: Chuyện về Từ Thức cho ta bài học:**

*- Hiểu: Quê hương là nơi ta sinh ra, lớn lên, nơi lưu giữ những kỉ niệm đẹp đẽ của tuổi thơ. Quê hương chính là cái nôi nuôi dưỡng tâm hồn ta. Là nơi mà chúng ta tìm về để được che chở khỏi sự xô bồ, ồn ào của xã hội ngoài kia.*

*- Cho dù có đi xa tới đâu, có được thưởng thức những của quý, cảnh đẹp ở nhiều nơi khác thì quê hương vẫn sẽ là nơi ấn tượng nhất, nghĩa nhất đối với bản thân mỗi con người.*

*- Quê hương là một phần không thể thiếu trong tiềm thức của mỗi người.*

*- Phải yêu quý, trân trọng những vẻ đẹp và truyền thống văn hóa của quê hương.*

*….*

**ĐỀ 9**

**Đọc văn bản sau:**

*Từ Đạt ở Khoái Châu, (1) lên làm quan tại thành Đông Quan (2) thuê nhà ở cạnh cầu Đồng Xuân, láng giềng với nhà quan Thiêm thư là Phùng Lập Ngôn. Phùng giầu mà Từ nghèo; Phùng xa hoa mà Từ tiết kiệm; Phùng chuộng dễ dãi mà Từ thì giữ lễ. Lề thói hai nhà đại khái không giống nhau. Song cũng lấy nghĩa mà chơi bỡi đi lại với nhau rất thân, coi nhau như anh em vậy. Phùng có người con trai là Trọng Quỳ, Từ có người con gái là Nhị Khanh, gái sắc trai tài, tuổi cũng suýt soát. Hai người thường gặp nhau trong những bữa tiệc, mến vì tài, yêu vì sắc, cũng có ý muốn kết duyên Châu Trần. (3) Cha mẹ đôi bên cũng vui lòng ưng cho, nhân chọn ngày mối lái, định kỳ cưới hỏi.*

*Nhị Khanh tuy hãy còn nhỏ, nhưng sau khi về nhà họ Phùng, khéo biết cư xử với họ hàng, rất hòa mục và thờ chồng rất cung thuận, người ta đều khen là người nội trợ hiền.Trọng Quỳ lớn lên, dần sinh ra chơi bời lêu lổng; Nhị Khanh thường vẫn phải can ngăn.*

*Chàng tuy không nghe nhưng cũng rất kính trọng. Năm chàng 20 tuổi, nhờ phụ ấm được bổ làm một chức ở phủ Kiến Hưng. Gặp khi vùng Nghệ An có giặc, triều đình xuống chiếu kén một viên quan giỏi bổ vào cai trị. Đình thần ghép Lập Ngôn tính hay nói thẳng, ý muốn làm hại, bèn hùa nhau tiến cử.*

*Khi sắc đi phó nhậm, Phùng Lập Ngôn bảo Nhị Khanh rằng:*

*– Đường sá xa xăm, ta không muốn đem đàn bà con gái đi theo, vậy con nên tạm ở quê nhà. Đợi khi sông bằng nước phẳng, vợ chồng con cái sẽ lại cùng nhau tương kiến.*

*Trọng Quỳ thấy Nhị Khanh không đi, có ý quyến luyến không rứt. Nhị Khanh ngăn bảo rằng:*

*– Nay nghiêm đường vì tính nói thẳng mà bị người ta ghen ghét, không để ở lại nơi khu yếu, bề ngoài vờ tiến cử đến chốn hùng phiên, bên trong thực dồn đuổi vào chỗ tử địa. Chả lẽ đành để cha ba đào muôn dặm, lam chướng nghìn trùng, hiểm nghèo giữa đám kình nghê, cách trở trong vùng lèo mán, sớm hôm săn sóc, không kẻ đỡ thay? Vậy chàng nên chịu khó đi theo. Thiếp dám đâu đem mối khuê tình để lỗi bề hiếu đạo. Mặc dầu cho phấn nhạt hương phai, hồng rơi tía rụng, xin chàng đừng bận lòng đến chốn hương khuê.*

*Sinh không đừng được, mới bày một bữa tiệc từ biệt, rồi cùng Lập Ngôn đem người nhà đi vào phương nam. Không ngờ lòng giời khó hiểu, việc người khôn lường, cha mẹ Nhị Khanh nối nhau tạ thế. Nàng đưa tang về Khoái Châu, chôn cất cúng tế xong rồi, đến cùng ở chung với bà cô Lưu thị.*

**Thực hiện các yêu cầu sau:**

**Câu 1:** Nhân vật chính trong đoạn trích là ai?

**Câu 2:** Đoạn trích sau sử dụng cách dẫn nào? Chỉ rõ dấu hiệu nhận biết.

“Khi sắc đi phó nhậm, Phùng Lập Ngôn bảo Nhị Khanh rằng:

*Đường sá xa xăm, ta không muốn đem đàn bà con gái đi theo, vậy con nên tạm ở quê nhà.* *Đợi khi*

**Câu 3**: Vì sao Nhị Khanh thường can ngăn Trọng Quỳ Khi chàng hay chơi bời lêu lổng?

*Nhị Khanh thường can ngăn Trọng Quỳ khi chàng hay chơi bời lêu lổng vì cô biết rằng nếu Trọng Quỳ tiếp tục theo đuổi cuộc sống vui chơi, lêu lổng thì sẽ gặp khó khăn và nguy hiểm, và cô không*

*muốn chàng phải đối mặt với những khó khăn đó.*

**Câu 4:** Em rút ra bài học gì qua lời khuyên chồng của Nhị Khanh ở cuối đoạn trích?

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

**Câu 1:** Nhân vật chính trong đoạn trích là Nhị Khanh.

**Câu 2:** Đoạn trích sử dụng cách dẫntrực tiếp. Dấu hiệu nhận biết là việc trích dẫn lời nói của

Phùng Lập Ngôn bằng cách sử dụng dấu ngoặc kép và dấu hai chấm.

**Câu 3**: **Vì sao Nhị Khanh thường can ngăn Trọng Quỳ Khi chàng hay chơi bời lêu lổng?**

Nhị Khanh thường can ngăn Trọng Quỳ khi chàng hay chơi bời lêu lổng vì cô biết rằng nếu

Trọng Quỳ tiếp tục theo đuổi cuộc sống vui chơi, lêu lổng thì sẽ gặp khó khăn và nguy hiểm, và cô không muốn chàng phải đối mặt với những khó khăn đó.

**Câu 4:** Bài học gì qua lời khuyên chồng của Nhị Khanh ở cuối đoạn trích:

- Trong gia đình, sự quan tâm của vợ chồng dành cho nhau là vô cùng cần thiết.

- Trong cuộc sống danh dự và hiếu thảo với gia đình là 2 yếu tố để giúp ta đánh giá chuẩn mực về nhân cách ở mỗi người.

…..

**ĐỀ 10**

**Đọc văn bản sau:**

*Ngày xưa, có một người tên là Trương Ba, người còn trẻ tuổi nhưng đánh cờ tướng rất cao. Nước cờ của anh chàng không mấy ai trong thiên hạ địch nổi. Bao nhiêu giải cờ trong những hội hè mùa xuân đều về tay anh. Tiếng đồn vang khắp nước, sang đến tận Trung Quốc. Buổi ấy, ở Trung Quốc có ông Kỵ Như cũng nổi tiếng cao cờ. Khi nghe tiếng Trương Ba, Kỵ Như liền xách khăn gói sang Nam tìm đến tận nhà tỉ thí. Hai người đọ tài nhau mấy ván liền không phân thua được. Nhưng đến ván thứ ba, Trương Ba dồn Kỵ Như vào thế bí. Thấy đối phương vò đầu suy nghĩ, Trương Ba kiêu hãnh bảo:*

*- Nước cờ này dù có Đế Thích xuống đây cũng đừng có hòng gỡ nổi.*

*Bấy giờ Đế Thích là thần cờ đang ngồi trên thiên đình, bỗng nghe câu nói hỗn xược của Trương Ba xúc phạm đến mình, liền cưỡi mây xuống trần định cho y biết tay. Trương Ba và Kỵ Như đang đánh, chợt có một ông cụ già đến ngồi cạnh bàn cờ. Ông cụ thủng thỉnh mách cho Kỵ Như mấy nước. Phút chốc bên Kỵ Như chuyển bại thành thắng. Trương Ba cau có, trong bụng tức giận ông già ở đâu đến làm cho mình lâm vào thế bí. Nhưng nhìn thấy ông cụ râu tóc trắng xoá, mặt mũi không có vẻ là người trần, chàng chợt hiểu, liền sụp xuống lạy mà rằng: “Ngài hẳn là thần Đế Thích đây rồi, tôi người trần mắt thịt không biết, xin thứ lỗi". Đế Thích cười bảo: “Ta nghe nhà ngươi tự phụ là cao cờ nên xuống xem cho biết". Trương Ba liền giữ Đế Thích lại mua rượu, giết gà khoản đãi rất chu tất. Đế Thích tuy mới gặp cũng rất yêu mến Trương Ba. Thấy anh chàng khẩn khoản muốn học nước cờ của mình, Đế Thích bảo: “Ta thấy nhà ngươi có bụng chân thành. Vậy ta cho một nắm hương này, mỗi lần cần đến ta thì thắp lên một cây, ta sẽ xuống”. Nói đoạn, cưỡi mây bay về trời.*

(Nguyễn Đổng Chi, *Hồn Trương Ba, da hàng thịt*)

**Câu 1:** Những yếu tố nào giúp em biết đoạn trên đây được trích từ bản kể truyện truyền kỳ?

**Câu 2:** Để đánh dấu lời của các nhân vật trong truyện, đoạn trích đã dùng hình thức trình bày nào?

**Câu 3:** Ở phần sau của truyện, Đế Thích và Trương Ba sẽ còn gặp nhau. Câu nào trong đoạn trích đã hé lộ điều đó?

**Câu 4:** Phân tích tính chất kì ảo của một nhân vật trong đoạn trích.

**Câu 5:** Nếu phải kể lại đoạn trên bằng lời của một trong các nhân vật đã xuất hiện, em sẽ chọn kể theo lời nhân vật nào? Vì sao?

**Câu 6:** Dựa vào các câu “Buổi ấy, ở Trung Quốc có ông Kỵ Như cũng nổi tiếng cao cờ. Khi nghe tiếng Trương Ba, Kỵ Như liền xách khăn gói sang Nam tìm đến tận nhà tỉ thí”, em hãy đoán nghĩa của từ tỉ thí.

**Câu 7:** Trong câu “Hai người đọ tài nhau mấy ván liên không phân thua được”, em hãy tìm từ khác thay cho từ thua được mà vẫn giữ nguyên nghĩa của câu.

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

**Câu 1:** **Những yếu tố giúp em biết đoạn trên đây được trích từ bản kể truyện truyền kỳ:**

*- Câu mở đầu nói về sự việc xảy ra vào thời quá khứ xa xưa, thời gian không xác định: Ngày xưa...*

*- Nhân vật được giới thiệu ngay ở câu đầu: Ngày xưa, có một người tên là Trương Ba, người còn trẻ tuổi nhưng đánh cờ tướng rất cao.*

*- Sự xuất hiện của những yếu tố có tính chất kì ảo (thần cờ Đế Thích trên thiên đình cưỡi mây xuống trần, Đế Thích cưỡi mây về trời).*

*- Có chi tiết gợi trí tò mò của người đọc, người nghe (lời dặn của Đế Thích khi từ biệt Trương Ba để về thiên đình).*

**Câu 2: Để đánh dấu lời của các nhân vật trong truyện, đoạn trích đã dùng hình thức trình bày:**

*Trong đoạn trích, người viết văn bản đã dùng hai hình thức trình bày để giúp người đọc nhận ra lời nhân vật:*

*- Hình thức thứ nhất: Sau lời dẫn của người kể chuyện, dùng dấu hai chấm, xuống dòng, gạch đầu dòng, ghi lời của nhân vật.*

*- Hình thức thứ hai: Sau lời dẫn của người kể chuyện, dùng dấu hai chấm, mở ngoặc kép, ghi lời của nhân vật.*

**Câu 3:** **Ở phần sau của truyện, Đế Thích và Trương Ba sẽ còn gặp nhau. Câu trong đoạn trích đã hé lộ điều đó là:**

*Để nhận biết khả năng Trương Ba gặp lại Đế Thích ở phần sau của truyện, em cần chú ý chi tiết: Thấy anh chàng khẩn khoản muốn học nước cờ của mình, Đế Thích bảo: “Ta thấy nhờ ngươi có bụng chân thành. Vậy ta cho một nắm hương này, mỗi lần cần đến ta thì tháp lên một cây, ta sẽ xuống". Trong truyện cổ tích, những vật lạ như nắm hương của Đế Thích bao giờ cũng phát huy tác dụng. Và quả đúng như thế. Nếu em đọc hết truyện sẽ biết rằng: Sau này, Trương Ba chết đột ngột, bà vợ dọn dẹp nhà cửa, thấy nắm hương mà Trương Ba đã cất, thắp lên trước bàn thờ của chồng, Đế Thích liền bay từ trời xuống hỏi có chuyện gì.*

**Câu 4: tính chất kì ảo của một nhân vật trong đoạn trích:**

*Trong đoạn trích, tính chất kì ảo được thế hiện ở nhân vật Đế Thích. Đây là nhân vật thần linh (gọi là thần cờ), ngự trên thiên đình, có khả năng nghe được tiếng nói của con người ở hạ giới, có thể cưỡi mây xuống trần, thoắt ẩn thoắt hiện, có loại hương đặc biệt (tặng Trương Ba một nắm, hễ muốn gặp Đế Thích thì thắp lên một cây). Những chi tiết lạ lùng, huyền ảo này hoàn toàn không có thực trong đời sống. Đó là kết quả sự thêu dệt bằng trí tưởng tượng phong phú của dân gian mà thôi.*

**Câu 5: Nếu phải kể lại đoạn trên bằng lời của một trong các nhân vật đã xuất hiện, em sẽ chọn kể theo lời nhân vật:**

*Trong đoạn trích có ba nhân vật: Trương Ba, Kỵ Như và Đế Thích. Trong đó, Kỵ Như và Đế Thích xuất hiện sau, không biết được tường tận về Trương Ba. Do đó, chọn Trương Ba làm nhân vật kế chuyện là phù hợp nhất.*

**Câu 6: Dựa vào các câu “Buổi ấy, ở Trung Quốc có ông Kỵ Như cũng nổi tiếng cao cờ. Khi nghe tiếng Trương Ba, Kỵ Như liền xách khăn gói sang Nam tìm đến tận nhà tỉ thí”, em giải đoán nghĩa của từ tỉ thí như sau:**

*Từ tỉ thí nếu đứng riêng, có thể em chưa hiểu nghĩa của nó. Nhưng dựa vào các câu “Buổi ấy, ở Trung Quốc có ông Kỵ Như cũng nổi tiếng cao cờ. Khi nghe tiếng Trương Ba, Kỵ Như liền xách khăn gói sang Nam tìm đến tận nhà tỉ thí” ta có cơ sở để đoán tỉ thí là đấu với nhau (ở đây là đánh cờ) để phân định người thắng người thua.*

**Câu 7:**

*Trong câu "Hai người đọ tài nhau mấy ván liền không phân thua được”, từ thua được có thể thay bằng thắng bại hoặc hơn thua. Thay từ như thế, nghĩa của câu vẫn không thay đổi.*

**LUYỆN ĐỀ ĐỌC HIỂU VĂN BẢN THƠ SONG THẤT LỤC BÁT**

**CÁC NGỮ LIỆU NGOÀI SGK SỬ DỤNG LÀM ĐỀ LUYỆN ĐỌC HIỂU CHO HS**

***Khóc Dương Khuê* - Nguyễn Khuyến**

“Bác Dương thôi đã thôi rồi,

Nước mây man mác ngậm ngùi lòng ta,

Nhớ từ thuở đăng khoa ngày trước,

Vẫn sớm hôm tôi bác cùng nhau,

Kính yêu từ trước đến sau,

Trong khi gặp gỡ khác đâu duyên trời?

Cũng có lúc chơi nơi dặm khách,

Tiếng suối nghe róc rách lưng đèo,

Có khi tầng gác cheo leo,

Thú vui con hát lựa chiều cầm xoang,

Cũng có lúc rượu ngon cùng nhắp,

Chén quỳnh tương ăm ắp bầu xuân,

Có khi bàn soạn câu văn,

 Biết bao đông bích, điển phần trước sau,

Buổi dương cửu cùng nhau hoạn nạn,

Phận đấu thăng chẳng dám tham trời,

Bác già, tôi cũng già rồi,

Biết thôi, thôi thế thì thôi mới là!

 Muốn đi lại tuổi già thêm nhác,

Trước ba năm gặp bác một lần,

Cầm tay hỏi hết xa gần,

Mừng rằng bác vẫn tinh thần chưa can,

 Kể tuổi tôi còn hơn tuổi bác,

Tôi lại đau trước bác mấy ngày,

Làm sao bác vội về ngay,

Chợt nghe, tôi bỗng chân tay rụng rời,

 Ai chẳng biết chán đời là phải,

Vội vàng sao đã mải lên tiên,

 Rượu ngon không có bạn hiền,

Không mua không phải không tiền không mua,

Câu thơ nghĩ đắn đo không viết,

Viết đưa ai, ai biết mà đưa,

 Giường kia treo những hững hờ,

Đàn kia gẩy cũng ngẩn ngơ tiếng đàn,

Bác chẳng ở dẫu van chẳng ở,

Tôi tuy thương, lấy nhớ làm thương,

Tuổi già hạt lệ như sương,

Hơi đâu ép lấy hai hàng chứa chan."

**\*Chú thích:**

- Nguyễn Khuyến (1835 – 1909) hiệu là Quế Sơn, tên lúc nhỏ là Nguyễn Thắng, sinh tại quê ngoại là xã Hoàng Xá (nay thuộc Yên Trung), huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

- Ông xuất thân trong một gia đình nhà Nho nghèo.

- Năm 1864, ông đỗ đầu trong kỳ thi Hương. Nhưng mấy kì thi sau lại trượt, cho đến năm 1871, ông mới đỗ đầu cả kỳ thi Hội và thi Đình.

- Ông được người đời gọi là Tam Nguyên Yên Đổ (do đỗ đầu cả ba kỳ thi).

- Tuy vậy, ông chỉ làm quan có hơn mười năm, còn lại cuộc đời đều sống thanh bạch bằng nghề dạy học tại quê nhà.

- Nguyễn Khuyến là một người tài năng, có tấm lòng yêu nước thương dân.

- Sáng tác của ông bao gồm cả chữ Hán và chữ Nôm với hơn 800 bài gồm nhiều thể loại: thơ, văn, câu đối nhưng chủ yếu là thơ.

- Thơ ông thường viết về đề tài tình yêu quê hương đất nước, bạn bè, gia đình; phản ánh cuộc sống của những con người thuần hậu, chất phác; châm biếm đả kích bọn thực dân xâm lược…

- Một số tác phẩm tiêu biểu: Quế Sơn thi tập, Yên Đổ thi tập, Bách liêu thi văn tập, Cẩm Ngữ, cùng nhiều bài ca, hát ả đào, văn tế, câu đối truyền miệng…

\* **Nhà thơ Dương Khuê:**

- Dương Khuê (1839 – 1902) người làng Vân Đình, tổng Phương Đình, tỉnh Hà Đông (nay là Ứng Hòa, Hà Nội).

- Ông đỗ tiến sĩ năm 1868, làm quan đến chức Tổng đốc Nam Định, Ninh Bình. Ông là bạn của Nguyễn Khuyến.

\* Văn bản Khóc Dương Khuê:

- Được viết theo thể thơ song thất lục bát

- Ngôn ngữ bình dị

- Sử dụng kết hợp các biện pháp nghệ thuật: nói giảm nói tránh + các câu hỏi tu từ + điệp từ…

- Bố cục gồm 3 phần:

+ Phần 1. Hai câu thơ đầu: Nỗi đau mất bạn của nhà thơ.

+ Phần 2. Tiếp theo đến “Mừng rằng bác hãy tinh thần chưa can”: Hồi tưởng kỉ niệm đẹp đẽ về tình bạn.

+ Phần 3. Còn lại: Nỗi cô đơn của hiện tại.

**ĐỀ ĐỌC HIỂU SỐ 1**

**Đọc bài thơ Khóc Dương Khuê và trả lời câu hỏi**

**Câu 1.** **Nội dung chính của bài thơ là gì?** Nhà thơ nhắc lại những kỉ niệm gì với bạn, theo trình tự nào?

**Trả lời:**

**Nội dung chính của bài thơ Khóc Dương Khuê**nói lên nỗi lòng đau xót khôn nguôi của tác giả trước việc người bạn tri kỉ đã qua đời.

Nhà thơ nhắc lại những kỉ niệm gì với bạn, theo trình tự:

Cách 1

- Nhà thơ nhắc lại những kỉ niệm: từ thuở đăng khoa sớm hôm cạnh nhau, khi chơi nơi dặm khách nghe tiếng suối, khi từng gác cheo leo, nghe con hát cầm xoang, cùng uống rượu, có khi soạn câu văn, cùng nhau chung hoạn nạn…

- Trình tự: hồi tưởng của dòng cảm xúc thời gian.

**Câu 2.** Tình bạn thắm thiết, thủy chung giữa hai người được thể hiện như thế nào?

**Trả lời:**

Bác Dương thôi dã thôi rồi,

Nước mây man mác ngậm ngùi lòng ta.

- Câu thơ đọc lên nghe nhói đau, quặn thắt bởi cái sự không lành kia đến đột ngột quá. Câu lục ngắt nhịp 2/1/3 thể hiện đúng cái trường độ đứt đoạn của những tiếng nấc tắc nghẹn trong nỗi đau đến quá đỗi bất ngờ. Trong khi đó nhịp thơ dàn trải và đều đặn ở câu bát làm nỗi đau lan toả ra khắp không gian, trời đất. Một tượng đài đáng kính, đáng trọng trong lòng nhà thơ vừa mất đi một cách quá bàng hoàng khiến người trong cuộc choáng váng, tiếc nuối mà biết rằng không thể cưỡng lại được.

- Đau gắn với nhớ, càng nhớ càng đau. Hiện tại phũ phàng khơi gợi về những ngày tươi đẹp trong quá khứ đê rồi khi những ki niệm kia vụt tan thì hiện thực lại càng gợi sự đớn đau quặn thắt hơn. Câu thơ lặng lẽ trôi về quá khứ, dựng dậy cả một thời "quá khứ hoàng kim" của tình bạn, với mấy chục năm trời gắn bó:

+ Từ buổi đầu gặp gỡ ("thủa đăng khoa ngày trước") đến tận khi tóc bạc da mồi ("Bác già tôi cũng già rồi");

+ Có lúc thật phong lưu tài tử ("Thú vui con hát lựa chiều cầm xoang") lại có khi chia sẻ cay đắng gian nan ("Buổi dương cửu cùng nhau hoạn nạn"),...

=> Dường như nỗi đau mất bạn như đang muốn tựa vào quá khứ để níu giữ một cái đã vĩnh viễn mất đi. Nguyễn Khuyến không đối diện với quá khứ mà sống cùng nó, sống trong nó. Cái chết không thể chôn vùi được những giá trị tinh thần cao quý. Tình bạn nặng trĩu trong từng câu chữ. Cái tình không chỉ là yêu thương, quý mến,... mà là "kính yêu" - cái tình cúa hai trí thức lớn. Đoạn thơ hồi tướng không ồn ào mà đằm thắm, thiết tha, sâu lắng.

**Câu 3.** Đây là một bài thơ có nghệ thuật tu từ đặc sắc. Hãy phân tích những biện pháp nghệ thuật tu từ thể hiện nỗi trống vắng của nhà thơ khi bạn qua đời.

**Trả lời:**

- Nghệ thuật nói giảm nói tránh “Bác Dương thôi đã thôi rồi”

- Nghệ thuật sử dụng các câu hỏi tu từ trong đoạn cuối bài thơ. Hàng loạt các câu thơ như: Làm sao bác vội về ngay; Vội vàng sao đã mải lên tiên, ... Để rồi lắng đọng trong những câu thơ hụt hẫng, chơi vơi

- Điệp từ không dùng rất hợp hoàn cảnh và đặc sắc. Chỉ một cặp lục bát mà chồng xếp 5 chữ không diễn tả thật đúng cái trống vắng khi mất bạn. Để rồi kết đọng trong tiếng khóc đáng thương của người bạn già tri kỉ. Câu thơ cuối buông nhẹ mà khơi gợi, xót đau, hờn tủi.

Bài thơ rất thành công trong nghệ thuật tu từ, nhất là nghệ thuật sử dụng các câu hỏi tu từ trong đoạn cuối của bài thơ.Ccó thể thấy hàng loạt các câu thơ như: Làm sao bác vội về ngay; Vội vàng sao đã mải lên tiên,... để rồi lắng đọng trong những câu thơ hụt hẫng, chơi vơi:

Rượu ngon không có bạn hiền,

Không mua không phải không tiền không mua.

Hư từ không dùng trong trường hợp này thật hợp và cũng thật sắc. Không mua rượu không phải vì không tiền, mà vì mất bạn. Không có tri kỉ thì độc ẩm chỉ tăng thêm nỗi xót xa. Chữ không tạo thành nghịch lí: Có tiền mà không mua. Chuyện uống rượu đối với nhà thơ đã thành "nghĩa tửu" bởi thế mà nó không chỉ còn là câu chuyện vật chất tầm thường nữa. Chỉ một cặp lục bát mà chồng xếp 5 chữ không diễn tả thật đúng cái trống vắng khủng khiếp khi mất bạn: Câu thơ không viết, câu thơ không biết đưa ai, chiếc giường treo không bạn, tiếng đàn ngơ ngẩn không tri âm. Ý thơ trống vắng, chơi vơi để rồi kết đọng trong tiếng khóc đáng thương của người bạn già tri kỉ:

Tuổi già hạt lệ như sương,

Hơi đâu ép lấy hai hàng chứa chan!

Ngoài những nghệ thuật tu từ đặc sắc trên, bài thơ cũng sử dụng nhiều biện pháp tu từ khác như: nói giảm ("Bác Dương thôi đã thôi rồi"), nhân hóa ("nước mây man mác"), cách nói so sánh ("tuổi già giọt lệ như sương"), sử dụng lối liệt kê (có lúc, có khi, cũng có khi,...) nhằm tái hiện những kỉ niệm về tình bạn thân thiết và tấm lòng của nhà thơ với bạn.

**Câu 4.** Bài thơ “[**Khóc Dương Khuê**](https://bigone.vn/khoc-duong-khue-ang-tho-bat-hu-ve-tinh-ban-tri-ky-hiem-co-kho-tim-a767.html)”, Nguyễn Khuyến đã gửi gắm trọn vẹn thông điệp về một tình bạn cao cả, thủy chung, gắn bó và chân thành, không có sự cách biệt về không gian hay thời gian nào có thể phai nhòa đi tình bạn ấy.

Khoảng cách cộng với vinh hoa quý phú cũng không làm mai một đi tình bạn cao đẹp, tuy nhiên trước ngưỡng cửa của sinh lão bệnh tử, có mấy ai mà tránh được.

**Câu 5.** Bài thơ Khóc Dương Khuê giúp em nhận thức gì về tình bạn, tình người trong cuộc sống?

- Bài thơ giúp em hiểu rằng tình bạn là thứ tình cảm vô cùng thiêng liêng, cao quý trên cuộc đời này. Chính vì vậy, chúng ta cần quý trọng tình bạn chân thành.

- Tình bạn là thứ tình cảm vô cùng đẹp đẽ, đáng trân trọng trong cuộc đời này.

- Giúp em nhận thức được những tình cảm đáng quý, thiết tha sâu nặng giữa những người tri kỷ, đồng thời ca ngợi, trân trọng và giữ gìn tình bạn mà mình đang có.

**ĐỀ ĐỌC HIỂU SỐ 2**

**Đọc đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới**

*Bác Dương thôi đã thôi rồi,*

*Nước mây man mác ngậm ngùi lòng ta.*

*Nhớ từ thuở đăng khoa ngày trước,*

*Vẫn sớm hôm tôi bác cùng nhau;*

*Kính yêu từ trước đến sau,*

*Trong khi gặp gỡ khác đâu duyên trời?*

*Cũng có lúc chơi nơi dặm khách,*

*Tiếng suối nghe róc rách lưng đèo;*

*Có khi từng gác cheo leo,*

*Thú vui con hát lựa chiều cầm xoang.*

*Cũng có lúc rượu ngon cùng nhắp,*

*Chén quỳnh tương ăm ắp bầu xuân.*

*Có khi bàn soạn câu văn,*

*Biết bao đông bích, điển phần trước sau.*

(*Khóc Dương Khuê* - Nguyễn Khuyến)

**Câu 1.** Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong câu thơ: “Bác Dương thôi đã thôi rồi”.

**Câu 2.** Nêu nghĩa của từ “xuân” trong câu thơ: “Chén quỳnh tương ăm ắp bầu xuân”.

**Câu 3**. Đoạn thơ trên cho anh/chị suy nghĩ gì về tình bạn của học sinh thời nay?

**Lời giải**

**Câu 1:** (1 điểm)

      - Biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong câu thơ “Bác Dương thôi đã thôi rồi”: nói giảm (nói tránh).

      - Tác dụng: nhà thơ sợ phải nhắc đến một sự thật đau đớn; thể hiện tình cảm buồn thương, nuối tiếc… trong lòng mình.

**Câu 2:** (1 điểm)

      Nghĩa của từ “xuân” trong câu thơ “Chén quỳnh tương ăm ắp bầu xuân” chỉ chất men say của rượu ngon, đồng thời cũng có nghĩa bóng chỉ sức sống dạt dào, tình cảm thắm thiết của bạn bè…

**Câu 3:** (2 điểm)

      Suy nghĩ về tình bạn của học sinh thời nay.

      - Ở câu này, giám khảo chấm điểm linh hoạt. Chỉ cho điểm tối đa khi học sinh viết thành một đoạn văn hoàn chỉnh; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

      - Học sinh trình bày suy nghĩ của mình với thái độ chân thành, nghiêm túc, có thể theo định hướng sau:

      + Quan niệm về tình bạn, biết phân biệt các biểu hiện tốt và chưa tốt trong tình cảm bạn bè ở tuổi học sinh…

      + Thấy được tầm quan trọng, ý nghĩa của tình bạn…

      + Bản thân phải làm gì để có tình bạn đẹp, có những người bạn tốt …

**ĐỀ ĐỌC HIỂU SỐ 3**

**Đọc đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

## *Bác Dương thôi đã thôi rồi*

*Nước mây man mác ngậm mùi lòng ta*

*Nước từ thuở đằng khoa ngày trước,*

*Vẫn sớm hôm tôi bác cùng nhau.*

(*Khóc Dương Khuê* - Nguyễn Khuyến)

**Câu 1.** Xác định những phương thức biểu đạt đc sử dụng trong đoạn thơ trên?

**Câu 2.** Tìm và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ có trong đoạn thơ?

**Câu 3.** Từ đoạn thơ trên , anh/chị hãy viết đoạn văn ngắn cảm nhận về tình bạn của Nguyễn Khuyến với Dương Khuê.

**Lời giải**

1. Những phương thức biểu đạt được sử dụng là: biểu cảm, tự sự

2. Biện pháp tu từ được sử dụng:

      - Nói giảm nói tránh "thôi đã thôi rồi" -> nhằm làm giảm những đau thương mất mát khi Nguyễn Khuyến khóc người bạn thân của mình.

      - Nhân hóa "nước mây man mác", "nước từ thuở đằng khoa ngày trước" diễn tả sự đau thương nhuốm cả cảnh vật (Bởi "Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu/ Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ") Non nước như cũng ngậm ngùi khóc thương người bạn của Nguyễn Khuyến.

3. Tình bạn giữa Nguyễn Khuyến với Dương Khuê là tình bạn chân thành và sâu sắc. Bởi qua lời thơ ai oán đau thương, chân tình ấy ta thấy được nỗi đau của Nguyễn Khuyến trước sự ra đi của bạn.

**ĐỀ ĐỌC HIỂU SỐ 4**

**Đọc đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới**

*Kể tuổi tôi còn hơn tuổi bác,*

*Tôi lại đau trước bác mấy ngày;*

*Làm sao bác vội về ngay,*

*Chợt nghe, tôi bỗng chân tay rụng rời.*

*Ai chẳng biết chán đời là phải,*

*Sao vội vàng đã mải lên tiên;*

*Rượu ngon không có bạn hiền,*

*Không mua không phải không tiền không mua.*

*Câu thơ nghĩ đắn đo không viết,*

*Viết đưa ai, ai biết mà đưa.*

*Giường kia treo cũng hững hờ,*

*Đàn kia gảy cũng ngẩn ngơ tiếng đàn.*

(*Khóc Dương Khuê* - Nguyễn Khuyến)

**Câu 1:** Tóm tắt nội dung đoạn thơ bằng một câu không quá 20 chữ ( 0.25 điểm)

**Câu 2:** Đoạn thơ trên được viết theo thể thơ gì? Cho biết cách hiệp vần của thể thơ đó ( 0.5 điểm)

**Câu 3:** Chỉ ra và nêu tác dụng của các biện pháp tu từ trong đoạn thơ từ câu 5  đến câu 8 (0.5 điểm)

**Câu 4:**

*Câu thơ nghĩ đắn đo không viết,*

*Viết đưa ai, ai biết mà đưa.*

      Anh/ chị hãy cho biết : tại sao tác giả lại “ đắn đo không viết” ? Hai câu thơ trên cho  thấy mối quan hệ của Nguyễn Khuyến và Dương Khuê như thế nào? ( 0.25 điểm)

**Lời giải**

**Câu 1:** Nỗi đau khôn tả của Nguyễn Khuyến khi mất bạn ( hoặc : nỗi đau rụng rời, hụt hẫng trước sự ra đi vĩnh viễn của bạn)

**Câu 2:**

      - Đoạn thơ trên được viết theo thể thơ song thất lục bát

      - cách hiệp vần của thể thơ song thất lục bát như sau:

      + ở cặp song thất, tiếng cuối của câu 1 vần với tiếng thứ 5 của câu 2;

      + ở cặp lục bát, tiếng cuối câu lục vần với tiếng thứ 6 câu bát;

      + Cặp song thất và cặp lục bát vần với nhau theo cách tiếng cuối của câu thất thứ 2 vần với tiếng cuối câu lục.

**Câu 3:**

      - Các biện pháp tu từ : nói giảm ( lên tiên – chết ); điệp từ ( từ “ không” lặp lại 5 lần )

      - Tác dụng:

      + dùng cụm từ “ lên tiên” để nói về cái chết nhằm xoa dịu nỗi đau;

      + Điệp từ “ không” nhằm nhấn mạnh nỗi đau hụt hẫng trước sự ra đi vĩnh viễn của ban

**Câu 4:** Nguyễn khuyến “ đắn đo không viết” là vì bạn đã mất rồi, còn ai đọc thơ mình nữa mà viết. Hai câu thơ cho thấy giữa Nguyễn Khuyến và Dương Khuê là một tình bạn tri âm tri kỉ.

1. **CHINH PHỤ NGÂM KHÚC – TÁC GIẢ: ĐẶNG TRẦN CÔN**

**DỊCH GIẢ: ĐOÀN THỊ ĐIỂM.**

**1/ Tác giả Đặng Trần Côn và dịch giả Đoàn Thị Điểm**

**a. Đặng Trần Côn**

Đặng Trần Côn là tác giả của Chinh phụ ngâm, kiệt tác văn học viết bằng chữ Hán của Việt Nam.Tiểu sử của Đặng Trần Côn cho đến nay biết được còn rất ít. Kể cả năm sinh năm mất cũng không biết chính xác. Các nhà nghiên cứu ước đoán ông sinh vào khoảng năm 1710 đến 1720, mất khoảng 1745, sống vào thời vua Lê Chúa Trịnh. Đặng Trần Côn quê ở làng Nhân Mục (còn gọi làng Mọc), huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Đông, tức Hà Tây ngày nay. Ông đỗ Hương cống, nhưng thi Hội thì hỏng. Sau đó làm huấn đạo trường phủ, rồi tri huyện Thanh Oai, sau thăng chức Ngự sử đài đại phu. Có một vài giai thoại về Đặng Trần Côn. Tương truyền lúc ấy chúa Trịnh Giang cấm nhân dân Thăng Long ban đêm không được đốt lửa, để đèn sáng, ông phải đào hầm dưới đất, thắp đèn mà học. Khi mới làm thơ, Đặng Trần Côn có đem đến cho bà Đoàn Thị Điểm xem, Đoàn Thị Điểm cười nói: "nên học thêm sẽ làm thơ." Ngoài Chinh phụ ngâm, Đặng Trần Côn có một số bài thơ, bài phú tả cảnh thiên nhiên, nhưng chỉ còn lưu lại một số bài như *Tiêu tương bát cảnh*, ba bài phú *Trương Hàn tư thuần lô*, *Trương Lương bố y*,*Khấu môn thanh*. Khuynh hướng chung của thơ văn ông là đi sâu vào tình cảm, đi sâu vào nỗi lòng trắc ẩn, phức tạp, sâu kín của con người, nhất là đối với người phụ nữ.

**b. Đoàn Thị Điểm**

Nữ sĩ Đoàn Thị Điểm (段氏點) sinh năm 1705 tại làng Giai Phạm, huyện Văn Giang, xứ Kinh Bắc (nay là tỉnh Bắc Ninh) mất năm 1748 tại tỉnh Nghệ An. Bà có tài, có sắc, thông minh từ nhỏ, học vấn uyên bác, viết nhiều tác phẩm bằng chữ Hán và chữ Nôm. Tác phẩm nổi tiếng nhất của bà là bản dịch *Chinh phụ ngâm* (Khúc ngâm của người vợ có chồng đi chiến trận). Khúc ngâm này nguyên tác bằng chữ Hán của nhà thơ Đặng Trần Côn (1715-1750) quán làng Nhâm Mục (làng Mọc) thuộc Kinh thành Thăng Long. Ðoàn Thị Ðiểm hiệu Hồng Hà nữ sĩ, con của Ðoàn Doãn Nghi, em danh sĩ Ðoàn Doãn Luân. Tổ quán vốn ở xã Hiến Phạm, huyện Văn Giang, xứ Kinh Bắc, sau bà và mẹ về ở với anh ở huyện Ðường Hào, tỉnh Hải Dương (nay là Hải Hưng). Năm 16 tuổi, Thượng thư Lê Anh Tuấn muốn xin bà làm con nuôi rồi ngỏ ý muốn tiến bà vào cung chúa Trịnh, nhưng chỉ ở ít lâu bà xin về, cùng với anh cần cù học tập trở nên người sành văn chương. Khi người anh mất, bà đảm nhận gánh nặng gia đình. Bấy giờ bà đã nhiều tuổi mà vẫn chưa lấy chồng. Nhiều người đến hỏi, trong đó có cả những kẻ quyền quý (như công tử làng Hoạch Trạch là Nhữ Ðình Toản; Thượng thư làng Kim Lũ....), bà đều từ chối. Năm 37 tuổi, bà lập gia đình với Tiến sĩ Nguyễn Kiều, người làng Phú Xá, huyện Từ Liêm. Năm 1748, ông được cử làm Tham thị ở Nghệ An. Ngày cùng chồng lên đường đến nhiệm sở mới, bà bệnh nặng rồi mất ở Nghệ an ngày 11/09/1748. Đặng Trần Côn viết Chinh phụ ngâm để ghi nhận một hiện thực lịch sử của đất nước. Trải bao thế kỷ, dân tộc ta phải đương đầu chống giặc ngoại xâm, trai tráng trong nước phải tòng quân giết giặc, những người phụ nữ phải đảm nhiệm công việc gia đình, đồng ruộng. Và kiên trì chờ đợi ngày về của người lính chiến. Tình trạng ấy cũng diễn ra trong đời sống của tác giả và dịch giả là thời Trịnh Nguyễn phân tranh, nạn binh hỏa liên miên không dứt. Dịch *Chinh phụ ngâm* từ thơ chữ Hán sang thơ tiếng Việt, Đoàn Thị Điểm không làm công việc chuyển dịch bình thường. Bà đã tạo nên một công trình văn học dịch có giá trị cao, không những sát với nguyên tác mà có phần còn vượt nguyên tác.

Tâm tư và cảnh ngộ của bà giống hệt tâm tư cảnh ngộ của người vợ trong khúc ngâm. Vì vậy, tuy là dịch thơ mà bà đã "dịch" chính đời mình ra thơ:

"Khách má hồng nhiều nỗi truân chuyên"  
Đời bà vất vả thế. Ba mươi bảy tuổi lấy chồng (ông tiến sĩ Nguyễn Kiều). Lấy chồng được một tháng, chồng đi sứ ba năm. Cảnh tiễn biệt:  
 "Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy  
 Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu  
 Ngàn dâu xanh ngắt một màu  
 Lòng chàng ý thiếp, ai rầu hơn ai?"  
Chồng đi vắng, vợ ở nhà vừa làm nhiệm vụ con trai nuôi mẹ vừa làm nhiệm vụ người cha dạy con:  
"Ngọt bùi thiếp đã hiếu nam  
 Dạy con đèn sách, thiếp làm phụ thân  
 Nay một thân nuôi già dạy trẻ  
 Nỗi quan hoài mang mẻ xiết bao"  
Sau thời gian đi sứ, ông Nguyễn Kiều về. Sum họp chẳng được bao lâu, ông được lệnh vào trị nhậm ở Nghệ An. Bà đi cùng với ông. Mới vào đến Nghệ An, chẳng may bà bị bệnh, mất đột ngột, không thực hiện được câu thơ:  
 *"*Liên ngâm, đối ẩm đòi phen  
 Cùng chàng lại kết mối duyên đến già  
 Cho bõ lúc sầu xa cách nhớ  
 Giữ gìn nhau vui thuở thanh bình"  
Đoàn Thị Điểm cùng với Bà Huyện Thanh Quan và Hồ Xuân Hương là ba nhà thơ nữ kiệt xuất trong văn học Việt Nam xưa, góp phần làm vẻ vang cho văn học Việt Nam nói chung và văn học nữ giới Việt Nam nói riêng. Bản dịch Chinh phụ ngâm của Đoàn Thị Điểm đã phổ biến sâu rộng, được rất nhiều người yêu thích và ngâm nga truyền miệng như văn học dân gian.

**2/ Tác phẩm Chinh phụ ngâm khúc**

*Chinh phụ ngâm* được viết bằng chữ Hán, do tác giả Đặng Trần Côn sáng tác vào khoảng nửa đầu thế kỉ XVIII. Đây là thời kì vô cùng rối ren của xã hội phong kiến. Chiến tranh xảy ra liên miên, hết Lê-Mạc đánh nhau đến Trịnh-Nguyễn phân tranh, đất nước chia làm hai nửa. Ngai vàng của nhà Lê mục ruỗng. Nông dân bất bình nổi dậy khởi nghĩa ở khắp nơi. Nhân dân sống trong cảnh loạn li nồi da nấu thịt, cha mẹ xa con, vợ xa chồng. Văn học thời kì này tập trung phản ánh bản chất tàn bạo, phản động của giai cấp thống trị và nỗi đau khổ của những nạn nhân trong chế độ thối nát ấy. Tác phẩm *Chinh phụ ngâm* của Đặng Trần Côn ra đời đã nhận được sự đồng cảm rộng rãi của tầng lớp Nho sĩ. Nhiều bản dịch xuất hiện, trong đó bản dịch sang chữ Nôm của bà Đoàn Thị Điểm được coi là hoàn hảo hơn cả, thể hiện thành công lẫn trị nội dung và nghệ thuật của nguyên tác.

Nội dung *Chinh phụ ngâm* phản ánh thái độ oán ghét chiến tranh phong kiến phi nghĩa, đặc biệt là đề cao quyền sống cùng khao khát tình yêu và hạnh phúc lứa đôi của con người. Đó là điều ít được nhắc đến trong thơ văn trước đây.

Bằng bút pháp nghệ thuật điêu luyện, tác giả đã diễn tả được những diễn biến phong phú, tinh vi các cung bậc tình cảm của người chinh phụ. Cảnh cũng như tình được miêu tả rất phù hợp với diễn biến của tâm trạng nhân vật.

Thông qua tâm trạng đau buồn của người chinh phụ đang sống trong tình cảnh lẻ loi vì chồng phải tham gia vào những cuộc tranh giành quyền lực của các vua chúa, tác giả đã đề cao hạnh phúc lứa đôi và thể hiện tinh thần phản kháng đối với chiến tranh phi nghĩa. Tác phẩm Chinh phụ ngâm đã toát lên tư tưởng chủ đạo trong văn chương;một thời, đó là tư tưởng đòi quyền sống quyền được hưởng hạnh phúc rất chính đáng của con người.

****

**ÐỀ TÀI VÀ NGUỒN CẢM HỨNG CỦA TÁC GIẢ, DỊCH GIẢ.**

- Ðề tài chiến tranh, chinh phu, chinh phụ là đề tài truyền thống và phổ quát của nhiều nền văn học.

-Tác giả và dịch giả Chinh phụ ngâm có phần đã tìm nguồn thi hứng từ những trang sách cổ. ***Nhưng cái chính là nguồn cảm hứng của cả hai đều bắt nguồn từ hiện thực cuộc sống .***

**THỂ LOẠI, BÚT PHÁP, BỐ CỤC.**

**1.Thể loại:**Tìm hiểu đặc trưng thể loại để xác định phương pháp tiếp cận tác phẩm. Chinh phụ ngâm là tác phẩm trữ tình, tác phẩm chỉ có một nhân vật -người chinh phụ- hình tượng cảm nghĩ. Toàn bộ khúc ngâm chỉ là sự diễn tả tâm trạng của người chinh phụ. Do đó phương pháp tiếp cận tác phẩm là phân tích diễn biến tâm trạng của nhân vật trữ tình. 

**2**. **Bút pháp:** Tác phẩm được viết với bút pháp tượng trưng, ước lệ là chủ yếu. Khi phân tích phải đặc biệt chú ý đặc điểm này.  

**3. Bố cục:**  Nguyên văn bằng chữ Hán gồm 477 câu. Bản dịch do nhà xuất bản Văn Hóa in có 408 câu. Bản in của nhà in Tân Việt có 412 câu. Có thể chia tác phẩm làm ba phần như sau:

       - Phần 1:Bốn câu đầu, phần này có giá trị như phần đặt vấn đề.

* Phần 2: Tiếp đến câu 369 (Mọi bề trung hiếu thiếp xin vẹn tròn) đây là phần chính của khúc ngâm miêu tả tâm trạng của người chinh phụ với nhiều sắc thái khác nhau.

Phần3: Phần kết thúc tác phẩm với ước mơ sum họp trong cảnh thanh bình.

**VỀ NỘI DUNG**

Chinh phụ ngâm là tiếng nói thiết tha với hạnh phúc tình yêu,tiếng nói khao khát hạnh phúc, khao khát hòa bình của dân tộc ta trong một thời đại nhất định. Tiếng nói ấy càng có ý nghĩa hơn bao giờ hết vì nó là tiếng nói của một người phụ nữ- nạn nhân đau khổ nhất của chế độ cũ. Ðương thời tác phẩm đã góp phần vào cuộc đấu tranh cho quyền sống, quyền hưởng hạnh phúc của con người, đấu tranh chống áp bức của giai cấp thống trị.

**VỀ NGHỆ THUẬT**

**-Trong Chinh phụ ngâm nghệ thuật ước lệ được sử dụng một cách phổ biến.**         

- Kết cấu chặt chẽ, miêu tả được sự diễn biến phong phú, tinh vi trong tâm tình chinh phụ theo một trình tự lôgic tâm lí chặt chẽ bảo đảm sự thống nhất. Tác giả đã gắn tâm lí với hoàn cảnh, tôn trọng quy luật tâm lí. Ðau khổ tăng dần, nhận thức về chiến tranh cũng diễn biến. Ðây là kết quả của một quá trình suy ngẫm và thể hiện.

          -Tác giả đã chú ý tả cảnh để tả tình, tình cảnh có khi thống nhất hoặc mâu thuẫn.

          -Tác giả đã sử dụng thủ pháp trùng điệp (láy lại), liên hoàn (nối tiếp), chiếu ứng (so sánh) để tạo ra những đợt sóng cảm xúc.

          -Tác giả đã chú ý khai thác nhiều yếu tố tâm lí như liên tưởng, hồi tưởng, tưởng tượng.

          -Ngôn ngữ điêu luyện: Chinh phụ ngâm có cả một kho từ vựng diễn tả tình cảm u sầu với những sắc thái khác nhau.

          \*Tóm lại tác giả đã miêu tả tâm trạng của chinh phụ khá sâu sắc và tâm trạng ấy phản ánh con người Việt Nam- con người thiết tha với hạnh phúc. Vì thế tác phẩm giúp chúng ta hiểu con người Việt Nam trong hiện tại.

**Bản dịch được coi như là một sáng tác phẩm có giá trị độc lập tương đối với nguyên tác.**

MỘT SỐ ĐỀ ĐỌC HIỂU

ĐỀ SỐ 1

**Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:**

**Buổi tiễn đưa**

**( TRÍCH: *CHINH PHỤ NGÂM KHÚC* – DỊCH GIẢ: ĐOÀN THỊ ĐIỂM )**

*Đường giong ruổi lưng đeo cung tiễn,  
Buổi tiễn đưa lòng bận thê noa.  
Bóng cờ tiếng trống xa xa,  
Sầu lên ngọn ải, oán ra cửa phòng.  
Chàng tuổi trẻ vốn giòng hào kiệt,  
Xếp bút nghiên theo việc đao cung.  
Thành liền mong tiến bệ rồng,  
Thước gươm đã quyết chẳng dung giặc trời.  
Chí làm trai dặm nghìn da ngựa,  
Gieo Thái Sơn nhẹ tựa hồng mao.  
Giã nhà đeo bức chiến bào,  
Thét roi cầu Vị, ào ào gió thu.  
Ngòi đầu cầu nước trong như lọc,  
Đường bên cầu cỏ mọc còn non.  
Đưa chàng lòng dằng dặc buồn,  
Bộ khôn bằng ngựa, thủy khôn bằng thuyền.  
Nước có chảy mà phiền chẳng rửa,  
Cỏ có thơm mà dạ chẳng khuây.  
Nhủ rồi nhủ lại cầm tay,  
Bước đi một bước dây dây lại dừng.*

ĐỀ SỐ 2

**Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:**  
*Một năm một nhạt mùi son phấn,*  
*Trượng phu còn thơ thẩn miền khơi.*  
*Xưa sao hình ảnh chẳng rời?*  
*Giờ sao nỡ để cách vời Sâm, Thương?*   
*Chàng ruổi ngựa, dặm trường mây phủ,*  
*Thiếp dạo hài, lối cũ rêu in.  
Gió Xuân ngày một vắng tin,  
Khá thương lỡ hết mấy phen lương thì.*  
*(Trích Chinh phụ ngâm khúc, Đặng Trần Côn,* *"Chinh phụ ngâm khúc" và hai bản dịch Nôm, NXB Văn học, 2011, tr. 68)*

*Chú thích: \*Sâm, Thương*: Tên hai chòm sao trong Nhị thập bát tú. Chòm Sâm thuộc phương Tây, chòm Thương thuộc phương Đông. Hai chòm này ở vào hai vị trí đối nhau trên vòm trời, thường được nhắc tới trong văn thơ cổ, chỉ sự vĩnh viễn cách xa.

**Trả lời câu hỏi:**  
**Câu 1.** Xác định thể thơ, phong cách ngôn ngữ, phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích.

**Câu 2.** Đoạn thơ trên biểu đạt tâm trạng, cảm xúc của nhân vật nào, trong hoàn cảnh nào?  
**Câu 3.** Nêu tác dụng của hình ảnh biểu tượng trong câu thơ thứ 4.  
**Câu 4.** Nêu hiệu quả của biện pháp nghệ thuật đối trong hai câu thơ sau:  
 *Xưa sao hình ảnh chẳng rời?*  
 *Giờ sao nỡ để cách vời Sâm, Thương?*  
**Câu 5.** Nhận xét về tâm trạng của nhân vật trữ tình trong đoạn trích.  
**Gợi ý đáp án**

**Câu 1.** Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm  
**Câu 2.** Đoạn thơ trên biểu đạt tâm trạng của người chinh phụ, trong hoàn cảnh chờ chồng đi chinh chiến chưa về.  
**Câu 3.** Những hình ảnh biểu tượng: Sao Thương, sao Sâm vừa tạo ấn tượng về sự xa cách vời vợi giữa chinh phu- chinh phụ - sự xa cách trải rộng trong không gian vũ trụ; vừa tạo tính hình tượng và sự hàm súc cho lời thơ.  
**Câu 4.**  
*Xưa sao hình ảnh chẳng rời?*  
*Giờ sao nỡ để cách vời Sâm, Thương?*  
Biện pháp nghệ thuật đối: Xưa - giờ; chẳng rời - cách vời.  
Tác dụng:  
- Nhấn mạnh sự đối lập giữa quá khứ hạnh phúc với hiện tại cô đơn, cách trở; biểu đạt sự cô đơn, nhớ nhung của người chinh phụ; thể hiện niềm đồng cảm của nhà thơ trước tình cảnh cô đơn, khát khao hạnh phúc lứa đôi trọn vẹn của con người; lên tiếng tố cáo chiến tranh phong kiến phi nghĩa.  
- Tạo giọng điệu da diết, khắc khoải cho lời thơ, làm cho lời thơ sinh động hấp dẫn, tăng hiệu quả diễn đạt.  
**Câu 5.**  
- Tâm trạng của chủ thể trữ tình trong đoạn trích: Cô đơn, sầu muộn, nhớ thương chồng, mong ước tái hợp.  
- Trạng thái tâm trạng đó không phải ngày một, ngày hai, mà da diết, triền miên. Tâm trạng ấy xuất phát từ khát khao hạnh phúc lứa đôi mãnh liệt của người chinh phụ. Từ tâm trạng ấy, người đọc còn cảm nhận được tư tưởng nhân đạo của tác phẩm: Tấm lòng đồng cảm của nhà thơ với cảnh ngộ, khát khao của nhân vật.

ĐỀ SỐ 3  
**Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:**  
*Ngòi đầu cầu nước trong như lọc,*  
*Đường bên cầu cỏ mọc còn non.*  
*Đưa chàng lòng dặc dặc buồn,*  
*Bộ khôn bằng ngựa, thủy khôn bằng thuyền.  
Nước có chảy mà phiền chẳng rửa*  
*Cỏ có thơm mà dạ chẳng khuây.*  
*Nhủ rồi tay lại cầm tay,*  
*Bước đi một bước giây giây lại dừng.*

(Trích *Chinh phụ ngâm khúc*, Đặng Trần Côn, Bản dịch: Đoàn Thị Điểm)​  
**Trả lời câu hỏi:  
Câu 1.** Xác định thể thơ, phong cách ngôn ngữ, phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích. **Câu 2.** Xác định nhân vật trữ tình trong đoạn trích. **Câu 3.** Đoạn trích miêu tả sự việc gì?  
**Câu 4.** Chỉ ra những từ ngữ miêu tả thiên nhiên trong đoạn trích, qua đó em cảm nhận được bức tranh thiên nhiên đó như thế nào? **Câu 5.** Chỉ ra những từ ngữ miêu tả tâm trạng của nhân vật trữ tình trong đoạn trích? Theo em, từ "dặc dặc buồn" có giá trị biểu đạt như thế nào?  
**Câu 6.** Chỉ ra và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ sử dụng trong hai câu thơ sau:  
*Ngòi đầu cầu nước trong như lọc,*  
*Đường bên cầu cỏ mọc còn non.*  
**Câu 7.**Anh/Chị hiểu như thế nào về nội dung hai câu thơ sau?  
*Nước có chảy mà phiền chẳng rửa,*  
*Cỏ có thơm mà dạ chẳng khuây.* **Câu 8.** Nhận xét về tâm trạng của nhân vật trữ tình trong đoạn trích.  
**Câu 9.** Nhận xét về giọng điệu của đoạn thơ trên? Theo em, thể thơ có tác dụng như thế nào trong việc biểu đạt giọng điệu của bài thơ?  
**Câu 10.**Miêu tả cảnh chia tay giữa Thúy Kiều và Từ Hải, Nguyễn Du viết: "Thanh gươm yên ngựa lên đường thẳng rong" và "Quyết lời dứt áo ra đi", còn trong đoạn thơ trên, tác giả viết: "Nhủ rồi tay lại cầm tay - Bước đi một bước giây giây lại dừng." Theo anh/chị, điểm khác biệt trong trạng thái cảm xúc của các nhân vật trong hai cảnh chia tay trên là gì? Thử lí giải vì sao lại có sự khác biệt ấy?

**Gợi ý đáp án**  
**Câu 1.**  
Thể thơ: song thất lục bát  
Phong cách ngôn ngữ: nghệ thuật  
Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm  
**Câu 2.** Nhân vật trữ tình trong đoạn trích: Người chinh phụ  
**Câu 3.** Đoạn trích miêu tả cuộc chia tay giữa chinh phu – chinh phụ.  
**Câu 4.** Những từ ngữ miêu tả thiên nhiên trong đoạn trích: nước trong như lọc, cỏ mọc còn non, nước (có) chảy, cỏ (có) thơm. Qua đó, hiện lên bức tranh thiên nhiên đẹp, tươi sáng, đầy sức sống.  
**Câu 5.** Những từ ngữ miêu tả tâm trạng của nhân vật trữ tình trong đoạn trích: buồn, phiền, dạ chẳng khuây.  
Cụm từ "dặc dặc buồn" biểu đạt nỗi buồn dai dẳng, không nguôi, cứ kéo dài, kéo dài mãi...  
**Câu 6.**  
 *Ngòi đầu cầu nước trong như lọc,*  
 *Đường bên cầu cỏ mọc còn non.*  
- Biện pháp tu từ: so sánh  
- Tác dụng:  
+ Tạo ấn tượng về vẻ đẹp của bức tranh thiên nhiên: xanh tươi, đầy sức sống;  
+ Làm cho câu thơ thêm sinh động, hấp dẫn, giàu tính nghệ thuật.  
**Câu 7.**  
 *Nước có chảy mà phiền chẳng rửa,*  
 *Cỏ có thơm mà dạ chẳng khuây.*  
 Hai câu thơ trên có thể hiểu: Trong thời khắc chia ly, mặc dù những cảnh vật thiên nhiên xung quanh tươi đẹp, đầy sức sống nhưng không thể nào xua đi được nỗi phiền muộn trong lòng người.  
=> Tố cáo chiến tranh phong kiến phi nghĩa; thể hiện lòng cảm thông của tác giả.  
**Câu 8.** Nhận xét về tâm trạng của nhân vật trữ tình trong đoạn trích:  
Trong buổi chia tay người chồng đi chinh chiến, trong lòng người chinh phụ ngổn ngang bao trạng thái cảm xúc:  
- Nỗi buồn sầu, phiền muộn vì phải chia xa người chồng đầu gối, tay ấp (*dặc dặc buồn, phiền chẳng rửa, dạ chẳng khuây*)  
- Bịn rịn, lưu luyến không nỡ chia lìa (*Nhủ rồi tay lại cầm tay - Bước đi một bước giây giây lại dừng*)  
**Câu 9.**  
- Nhận xét về giọng điệu của đoạn thơ trên: giọng điệu buồn, da diết.  
- Thể thơ song thất lục bát có âm điệu triền miên là một trong những yếu tố góp phần tạo nên giọng điệu buồn da diết của đoạn thơ nói riêng, bài thơ nói chung.  
**Câu 10.**Miêu tả cảnh chia tay giữa Thúy Kiều và Từ Hải, Nguyễn Du viết: "Thanh gươm yên ngựa lên đường thẳng rong" và "Quyết lời dứt áo ra đi", còn trong đoạn thơ trên, tác giả viết:

"Nhủ rồi tay lại cầm tay - Bước đi một bước giây giây lại dừng."  
Điểm khác biệt trong trạng thái cảm xúc của các nhân vật trong hai cảnh chia tay trên là: cảnh chia tay giữa chinh phu – chinh phụ thì dùng dằng, lưu luyến, buồn sầu, còn cảnh chia tay Thúy Kiều – Từ Hải thì dứt khoát, nhanh chóng, không hề có nỗi buồn sầu ly biệt. Có sự khác biệt đó phải chăng vì:  
- Người chinh phu trong *Chinh phụ ngâm* ra đi không biết ngày nào trở lại, tương lai mịt mờ, nhiều bất trắc. Còn Từ Hải lên đường mang trong mình quyết tâm và sự tự tin chỉ một năm sau sẽ làm nên nghiệp lớn nên tạo cho Kiều cảm giác yên tâm, thanh thản.  
- Ở một phương diện khác, Nguyễn Du xây dựng nhân vật Từ Hải là người anh hùng cái thế, chí lớn ở bốn phương trời, "là con người của trời đất, của bốn phương" nên không thể bịn rịn vì tình cảm "nữ nhi thường tình" được – đó là dụng ý của tác giả.

ĐỀ SỐ 4

**Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:**

*Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy  
Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu  
Ngàn dâu xanh ngắt một màu  
Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai?*  
(Trích *Chinh phụ ngâm* - Bản dịch Đoàn Thị Điểm)

**Câu 1.** Đoạn thơ miêu tả tâm trạng của nhân vật trữ tình sau cảnh chia tay (giữa chinh phu - chinh phụ). Theo em, nhân vật trữ tình trong đoạn thơ là ai?  
**Câu 2.** Chỉ ra và phân tích hiệu quả nghệ thuật của phép điệp, phép đối trong khổ thơ trên.  
**Câu 3.** Đoạn thơ bộc lộ tâm trạng, cảm xúc gì của nhân vật trữ tình?  
**Câu 4.** Theo em, ý nghĩa biểu đạt của màu "xanh ngắt" trong câu thơ *Ngàn dâu xanh ngắt một màu* có giống với màu xanh trong câu thơ sau trích trong Truyện Kiều của Nguyễn Du không: *Cỏ non xanh tận chân trời.*  
**Câu 5.** Theo em, câu "*Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai*" có phải nhằm mục đích để cân đo đong đếm, so sánh giữa hai nỗi sầu của chinh phu và chinh phụ?  
**Câu 6.** Liên hệ với cuộc chia ly giữa Thúy Kiều và Từ Hải, em hãy viết đoạn văn khoảng 150 chữ bình luận về nét tương đồng hoặc khác biệt trong hai cuộc chia tay này.

**Gợi ý đáp án**  
**Câu 1.** Dựa vào cách xưng hô "chàng" (ngôi hai), "thiếp" (ngôi một), ta thấy, nhân vật trữ tình trong đoạn trích trên là người chinh phụ trong buổi tiễn chồng lên đường chinh chiến.  
**Câu 2.** Các phép tu từ trong đoạn thơ trên:  
- Phép điệp: Thấy - thấy; xanh xanh- xanh; ngàn dâu- ngàn đâu.  
- Phép đối: Trông lại / chẳng thấy; chẳng thấy/ thấy; lòng chàng/ ý thiếp.  
Tác dụng:  
- Góp phần miêu tả không gian mênh mông và màu xanh choán ngợp của ngàn dâu.  
- Tạo nên giọng điệu da diết, khắc khoải, góp phần biểu đạt thành công trạng thái dõi theo trong vô vọng, mịt mờ cùng tâm trạng hụt hẫng, tiếc nuối của người chinh phụ.

**Câu 3.** Tâm trạng của người chinh phụ trong cuộc chia tay trên là trạng thái hụt hẫng, tiếc nuối khi dõi theo người chinh phụ đến lúc bóng hình của chồng đã xa khuất, mất hút giữa ngàn dâu xanh ngắt. Còn lại một mình, người chinh phụ lúc này mới thấm thía tận cùng nỗi buồn đau, sầu muộn. Vì từ đây là cảnh li tan không biết khi nào hợp tụ.

**Câu 4.** Tuy cùng là màu xanh của cỏ, của cây, nhưng nếu màu xanh "tận chân trời" trong thơ Nguyễn Du là màu xanh của sức sống mùa xuân trải ra mênh mông, bất tận - thể hiện tâm trạng đắm say, rạo rực của lòng người trong tiết xuân sang thì màu "xanh ngắt" trong câu thơ dịch của Đoàn Thị Điểm lại gợi lên một cách ám ảnh sắc xanh đơn điệu "một màu" - gợi nỗi buồn, sự hụt hẫng bởi ngoài màu xanh ấy không còn hình bóng của người chồng mà chinh phụ đang dõi theo. Lúc trước, mọi ánh nhìn của chinh phụ đều hướng về chồng, chỉ nhìn thấy chồng, bây giờ người chồng đã khuất dạng, chỉ còn thấy màu xanh của ngàn dâu. Màu *"xanh ngắt"* vì thế không phải màu xanh của niềm tin, hi vọng mà dường như là nỗi u sầu của người chinh phụ đọng lại thành khối. Màu xanh dày đặc ấy như quấn lấy, cuốn đi sự khao khát được nhìn thấy nhau của hai người.

**Câu 5.** "*Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai"* là câu hỏi tu từ đầy ý xót xa. Không phải một câu oán trách, không phải một lời hờn giận hay dùng để cân đo đong đếm, so sánh giữa hai nỗi sầu. Câu thơ chỉ làm rõ hơn nữa nỗi sầu của người chinh phụ mà thôi.

**Câu 6.** *Cuộc chia tay giữa chinh phụ- chinh phụ trong đoạn thơ trên và cuộc chia tay giữa Từ Hải - Thúy Kiều trong đoạn trích Chí khí anh hùng đều là những cuộc chia tay chồng- vợ. Tuy nhiên, cảm xúc, suy nghĩ.. của nhân vật trong các cuộc tiễn đưa này không phải đều giống nhau. Nếu trong đoạn thơ của Chinh phụ ngâm, tình cảm lưu luyến, tiếc nuối, buồn sầu của người chinh phụ là cảm xúc chủ đạo bao trùm cảnh ly biệt thì trong đoạn trích Chí khí anh hùng, cảm xúc của Thúy Kiều chỉ được miêu tả thoáng qua, trở thành phông nền để khắc họa chân dung Từ Hải. Không phải Kiều, Từ Hải mới là nhân vật trung tâm của cảnh tiễn đưa. Không buồn thương, sầu não, bịn rịn, cảnh ly biệt giữa Thúy Kiều- Từ Hải mang đậm màu sắc lí tưởng hóa. Hình ảnh người anh hùng Từ Hải với ý chí lớn lao, khát vọng cao cả.. trở thành nhân vật chính của đoạn trích. Ngược lại, người chinh phu trong chinh phụ ngâm - ra đi chiến đấu để bảo vệ ngai vàng cho nhà vua, tương lai mờ mịt.. nên phương diện lí tưởng, hoài bão không được nhắc đến. Trong đoạn trích này, hình ảnh người chinh phu hiện lên khá mờ nhạt, có chút bi thương.*

ĐỀ SỐ 5

**Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:**

*Chàng thì đi cõi xa mưa gió  
Thiếp thì về buồng cũ chiếu chăn  
Đoái trông theo đã cách ngăn  
Tuôn màu mây biếc trải ngàn núi xanh  
Chốn Hàm kinh chàng còn ngoảnh lại  
Bến Tiêu Tương thiếp hãy trông sang  
Khói Tiêu Tương cách Hàm Dương  
Cây Hàm Dương cách Tiêu Tương mấy trùng  
Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy  
Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu  
Ngàn dâu xanh ngắt một màu  
Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai?*  
(*Sau phút chia ly*, Trích Chinh phụ ngâm)

**Câu 1:**Chỉ ra phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản?

**Câu 2:**Trong văn bản, nhân vật trữ tình là ai?

**Câu 3:**Chỉ ra những chi tiết diễn tả hoàn cảnh biệt ly cách trở trong văn bản?

**Câu 4:** Nêu hiệu quả của phép đối được sử dụng trong câu thơ:

*Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy*  
**Câu 5:**Anh/ chị hiểu thế nào về nội dung câu thơ sau: *Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai?*  
**Câu 6:**Nhận xét về tâm trạng của nhân vật trữ tình trong văn bản?

**Gợi ý đáp án:**​ **Câu 1:**Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản: biểu cảm  
**Câu 2:**Trong văn bản, nhân vật trữ tình là: người chinh phụ.  
**Câu 3:**Những chi tiết diễn tả hoàn cảnh biệt ly cách trở:  
*Chàng thì đi cõi xa mưa gió  
Thiếp thì về buồng cũ chiếu chăn.*  
**Câu 4:**Hiệu quả của phép đối:  
- Biện pháp nghệ thuật: phép đối: cùng trông lại >< cùng chẳng thấy;  
- Tác dụng:  
+ Thể hiện sự trông ngóng, sự nhớ thương của người chinh phụ;  
+ Tạo sự sinh động, hấp dẫn, tăng hiệu quả diễn đạt, tạo sự cân đối hài hòa.  
=> Qua đó thể hiện thái độ đồng cảm , xót thương của nhà thơ.  
**Câu 5:**Nội dung của câu thơ: *Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai?*là câu hỏi tu từ nhưng thực chất là lời tự vấn.  
Câu hỏi nêu ra không phải để so sánh chàng sầu hơn hay thiếp sầu hơn mà nó chỉ nhằm khắc họa thêm nỗi sầu, nỗi đau đớn khi phải chia lìa của người chinh phụ.  
=> Bộc lộ niềm xót thương, đồng cảm của tác giả. Đó là biểu hiện của giá trị nhân đạo sâu sắc.  
**Câu 6:** Nhận xét về tâm trạng của nhân vật trữ tình trong văn bản:  
- Tâm trạng cô đơn, sầu muộn, nhớ thương chồng...  
-Khao khát hạnh phúc lứa đôi => bộc lộ niềm thương cảm xót xa, qua đó thấy rõ giá trị hiện thực nhân đạo và nhân văn.

ĐỀ SỐ 6

**Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi**

*Nỗi lòng biết ngỏ cùng ai?  
Thiếp trong cánh cửa chàng ngoài chân mây.  
Trong cửa này đã đành phận thiếp,  
Ngoài mây kia há kiếp chàng vay? [1]  
Những mong cá nước vui vầy,  
Nào ngờ đôi ngả nước mây cách vời.  
Thiếp chẳng tưởng ra người chinh phụ,  
Chàng há từng học lũ vương tôn. [2]  
Cớ sao cách trở nước non,  
Khiến người thôi sớm thôi hôm những sầu?*  
 (Trích *Chinh phụ ngâm* )  
(Chú thích: [1] Vay: Tiếng đệm của câu than thở; [2] Vương tôn: Con nhà giàu, thích đi chơi không đoái hoài đến gia đình)

**Câu 1:** Xác định thể thơ, phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.  
**Câu 2:** Nhân vật trữ tình trong đoạn thơ là ai?  
**Câu 3:** Những từ ngữ nào trong đoạn thơ thể hiện sự cách biệt chinh phu - chinh phụ?  
**Câu 4:** Chỉ ra 02 biện pháp nghệ thuật sử dụng trong hai câu thơ sau và nêu tác dụng:  
*Những mong cá nước vui vầy,  
Nào ngờ đôi ngả nước mây cách vời.*  
**Câu 5:** Nhận xét về cảm xúc của nhân vật trữ tình thể hiện trong đoạn trích.  
**Câu 6:** Theo anh/chị, tư tưởng nhân đạo của đoạn trích thể hiện ở những phương diện nào?

**Gợi ý đáp án**  
**Câu 1:** Thể thơ: Song thất lục bát; Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm.  
**Câu 2:** Nhân vật trữ tình trong đoạn thơ: Người chinh phụ.  
**Câu 3:** Những từ ngữ nào trong đoạn thơ thể hiện sự cách biệt chinh phu - chinh phụ: *Thiếp trong cánh cửa, chàng ngoài chân mây; đôi ngả nước mây cách vời; cách trở nước non..*  
**Câu 4:** 02 biện pháp nghệ thuật sử dụng trong hai câu thơ:  
*Những mong cá nước vui vầy,*  
*Nào ngờ đôi ngả nước mây cách vời.*  
- Phép đối: Những mong >< nào ngờ; vui vầy >< cách vời;  
- Ẩn dụ: *cá nước, nước mây* - chỉ người chinh phu, chinh phụ;  
Tác dụng:  
- Nhấn mạnh tình cảnh chia lìa, xa cách giữa chinh phu, chinh phụ và nỗi khắc khoải chờ mong trong buồn đau cô đơn của người vợ;  
- Tăng nhịp điệu, nhạc điệu, sự sinh động, hấp dẫn cho lời thơ.  
**Câu 5:** Cảm xúc của nhân vật trữ tình thể hiện trong đoạn trích:  
- Nỗi buồn đau, cô đơn, nhớ nhung trong chờ đợi;  
- Than trách số phận nghiệt ngã chia lìa đôi lứa;  
- Ước mong tái hợp vui vầy...  
**Câu 6:** Tư tưởng nhân đạo của đoạn trích thể hiện ở những phương diện:  
- Niềm cảm thông, thương xót của tác giả đối với tình cảnh đáng thương của người chinh phụ khi có chồng đi chinh chiến;  
- Lên tiếng tố cáo chiến tranh phong kiến phi nghĩa đã gây nên cảnh đôi lứa chia lìa, đẩy những người chinh phụ vào tình cảnh buồn đau, cô đơn, ngóng chờ trong vô vọng.  
- Trân trọng khát vọng chính đáng của con người: khát vọng về tình yêu đôi lứa, về hạnh phúc gia đình...

**ĐỀ SỐ 7**

**Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:**

*Sương như búa bổ mòn gốc liễu,  
Tuyết dường cưa xẻ héo cành ngô.  
Giọt sương phủ bụi chim gù,  
Sâu tường kêu vẳng chuông chùa nện khơi.  
  
Vài tiếng dế nguyệt soi trước ốc,  
Một hàng tiêu gió thốc ngoài hiên.  
Lá màn lay ngọn gió xuyên,  
Bóng hoa theo bóng nguyệt lên trước rèm.  
  
Hoa giãi nguyệt nguyệt in một tấm,  
Nguyệt lồng hoa hoa thắm từng bông.  
Nguyệt hoa hoa nguyệt trùng trùng,  
Trước hoa dưới nguyệt trong lòng xiết đau!*  
(Trích *Chinh phụ ngâm* )

**Câu 1:** Xác định thể thơ, phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.  
**Câu 2:** Nhân vật trữ tình trong đoạn thơ là ai?  
**Câu 3:** Chỉ ra những từ ngữ, hình ảnh miêu tả cảnh thiên nhiên trong đoạn trích. Nhận xét về bức tranh thiên nhiên đó.  
**Câu 4:** Xác định 02 biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong các câu thơ sau và nêu tác dụng của chúng:  
*Sương như búa bổ mòn gốc liễu,  
Tuyết dường cưa xẻ héo cành ngô.*  
**Câu 5:** Xác định và phân tích hiệu quả của phép điệp trong những câu sau:  
*Hoa giãi nguyệt nguyệt in một tấm,  
Nguyệt lồng hoa hoa thắm từng bông.  
Nguyệt hoa hoa nguyệt trùng trùng,  
Trước hoa dưới nguyệt trong lòng xiết đau!*  
**Câu 6:** Nhận xét về cảm xúc của nhân vật trữ tình thể hiện trong đoạn trích.  
**Câu 7:** Viết đoạn văn cảm nhận về tâm trạng của người chinh phụ trong bốn câu cuối.  
**Gợi ý đáp án:  
Câu 1:** Thể thơ: Song thất lục bát; Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm.  
**Câu 2:** Nhân vật trữ tình trong đoạn thơ: Người chinh phụ.  
**Câu 3:** Những từ ngữ, hình ảnh miêu tả cảnh thiên nhiên trong đoạn trích: Sương, tuyết, gốc liễu (mòn), cành ngô (héo), nmguyeetj hoa, gió thốc, gió xuyên, bóng hoa, bóng nguyệt, hoa giãi nguyệt, nguyệt lồng hoa, hoa nguyệt trùng trùng..  
Nhận xét: Cảnh thiên nhiên vừa mang nét lạnh lẽo, hoang sơ, cô quạnh, tĩnh mịch (8 câu đầu), vừa quấn quýt, giao hòa (hoa, nguyệt - 4 câu cuối).  
**Câu 4:** 02 biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong các câu thơ:  
*Sương như búa bổ mòn gốc liễu,  
Tuyết dường cưa xẻ héo cành ngô.*  
Là:  
- So sánh: *sương như búa, tuyết dường cưa;*  
- Đối: *Sương như búa >< Tuyết dường cưa; bổ mòn gốc liễu >< xẻ héo cành ngô.*  
Tác dụng: Gợi lên hình ảnh thiên nhiên lạnh lẽo, khắc nghiệt; góp phần biểu đạt nỗi cô đơn, lạnh lẽo trong lòng người chinh phụ;  
Làm cho lời thơ cân xứng, nhịp nhàng; gợi hình, gợi cảm.  
**Câu 5:**  
*Hoa giãi nguyệt nguyệt in một tấm,  
Nguyệt lồng hoa hoa thắm từng bông.  
Nguyệt hoa hoa nguyệt trùng trùng,  
Trước hoa dưới nguyệt trong lòng xiết đau!*  
Phép điệp ngữ: *hoa, nguyệt, lồng*  
Tác dụng: Miêu tả cảnh thiên nhiên với hoa, nguyệt điệp trùng, quấn quýt bên nhau; Nhấn mạnh nỗi cô đơn của người chinh phụ khi nhìn thấy cảnh trùng phùng hoa nguyệt (cảnh quấn quýt, còn người lẻ loi). Làm cho lời thơ sinh động, hấp dẫn, tăng tính nhạc..  
**Câu 6:** Nhận xét về cảm xúc của nhân vật trữ tình thể hiện trong đoạn trích

Nỗi buồn đau, cô đơn, nhớ nhung trong chờ đợi;  
- Chạnh lòng trước sự quấn quýt của cảnh thiên nhiên hoa nguyệt; ước ao sum vầy đôi lứa.  
**Câu 7:**

*Bức tranh thiên nhiên trong bốn câu thơ cuối không hề lạnh lẽo, thê lương sầu thảm (như 8 câu đầu) mà lộng lẫy nguyệt hoa, nồng nàn, rạo rực. Đẹp hơn khi hoa, nguyệt lại giao hòa, quấn quýt bên nhau, trùng trùng lớp lớp chồng lên nhau. Phép điệp ngữ được sử dụng đắc địa càng làm cảnh thiên nhiên thêm nồng nàn, rạo rực. Cảnh ấy đã đánh thức khao khát xuân tình trong lòng người chinh phụ. Nỗi khao khát ái án ấy tuy âm thầm mà mãnh liệt. Nàng vẫn còn trẻ, còn khao khát yêu đương, nên nhìn cảnh nàng không khỏi chạnh lòng. Vậy nên, trước cảnh - khi thì "hoa giãi nguyệt", khi lại "nguyệt lồng hoa", lòng nàng dâng lên biết bao sầu muộn. Sầu muộn bởi cảnh vô tri mà lại có đôi, có cặp, tương giao, bện cài; còn người hữu tình thì lại cô đơn, lẻ loi trong vô vọng. Lòng càng xôn xao rạo rực, khao khát yêu thương, hạnh phúc thì càng đau khổ bởi cảnh ngộ trớ trêu. Thật đáng thương thay. Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình đã đạt đến mức tuyệt diệu cổ điển. Mỗi chữ là một nét vẽ biểu cảm thần tình tạo nên âm điệu thiết tha, quấn quýt, xôn xao.. Có thể nói ngoại cánh thiên nhiên với nguyệt hoa lộng lẫy vừa đánh thức tuổi xuân và tình xuân trong lòng nàng chinh phụ, vừa gợi nỗi đau đớn, xót xa đến nghẹn lòng.*

**MỘT SỐ TÁC PHẨM THƠ HIỆN ĐẠI ĐƯỢC VIẾT THEO THỂ SONG THẤT LỤC BÁT**

### Bài thơ Trăng rơi

**Huỳnh Minh Nhật**

Khung cửa sổ treo mành năm tháng  
Cửa cài then nắng chẳng lối vào  
Đêm đêm mây gió rì rào  
Ánh trăng mệt mỏi rơi ào qua vai

Nhặt mảnh trăng rơi bẻ làm hai  
Treo lên khung cửa thoáng hương nhài  
Thắp lên nỗi nhớ thật dài  
Trách ai đi mãi hương tình nhạt phai

Yêu thương đi đắng cay ở lại  
Đêm đêm mơ ướt cả bờ vai  
Mắt sâu đẫm lệ phôi phai  
Tóc mây bù rối môi càng khô thâm

Hồn trơ trọi tháng ngày suy ngẫm  
Tim héo hon thấm đẫm tình yêu  
[Tình yêu](https://vnask.com/tinh-yeu-chan-chinh-la-gi-7721) trả lại cô liêu  
Bên thềm lá rụng tiêu điều xác xơ

Cô gái ấy nay còn đâu nữa  
Một nửa hồn đã chết tim yêu  
Những đêm gió thoảng dập dìu  
Bóng hình ai đó lại điêu đứng lòng.

### 

### Bài thơ Đôi mắt

**Lưu Trọng Lư**

Có hoa nào qua mùa không héo?  
Có tiếng nào giàu đẹp hơn không?  
Mắt em là một dòng sông  
Thuyền anh bơi lội giữa dòng mắt em.

Đàn “nguyệt dạ” hương đêm bay lạc  
Gì buồn hơn tiếng vạc lưng chừng?  
Phép gì khỏi nhớ đừng trông  
Mắt em bỏ túi, vắng lòng đem soi.

### 

### Bài thơ Thuyền neo bến đậu

**Hoàng Mai**

Em nhớ mãi chiều [thu](https://vnask.com/mua-thu-bat-dau-tu-thang-may-thoi-tiet-mua-thu-the-nao-9647) lá đổ  
Mình bên nhau cạn tỏ nguồn cơn  
Chạnh lòng anh vọng lời thương  
Xa xa vẳng tiếng nghe dường nỉ non

Anh khắc khoải lòng son giữ mãi  
Đời biển dâu xa xót tình đau  
Lời anh nghe thấm từng câu  
Người như ôm cả nỗi sầu thế nhân

Hai ta cứ tần ngần nuối tiếc  
Một đời em tha thiết từng mơ  
Nào ai học được chữ ngờ  
Gối chăn hờ hững sương mờ phủ giăng

Anh chốn ấy! Mộng nay đã hết  
Em ngồi đây lặng chết từng giây  
Một mình trăn trở đêm nay  
Biết ai hiểu thấu đắng cay chuyện lòng

Xuân trở giấc hoa không muốn trổ  
Ngại ngần lo sầu khổ bao mùa  
Thôi đành duyên kiếp đẩy đưa  
Thuyền neo bến hẹn gió mùa lắt lay

Tình chợt đến, chợt đi, ai biết  
Đường vào tim khôn xiết bẽ bàng  
Chòng chành với chiếc đò ngang  
Mai sau biết có vẹn toàn được chăng.

**LUYỆN ĐỀ ĐỌC HIỂU THỂ LOẠI THƠ SONG THẤT LỤC BÁT LỚP 9**

**ĐỀ 1**

**Đọc văn bản sau:**

### Ái quốc

### (Phan Bội Châu)

*Nay ta hát một thiên ái quốc,  
Yêu gì hơn yêu nước nhà ta!  
Trang nghiêm bốn mặt sơn hà,  
Ông cha để lại cho ta lọ vàng.*

*Trải mấy lớp tiền vương dựng mở,  
Bốn ngàn năm giãi gió dầm mưa  
Biết bao công của người xưa,  
Gang sông, tấc núi, dạ dưa, ruột tằm.  
Hào Đại Hải âm thầm trước mặt,*

*Dải Cửu Long quanh quất miền Tây.  
Một tòa san sát xinh thay,  
Bên kia Vân, Quảng, bên này Côn Lôn!  
Vẻ gấm vóc nước non thêm đẹp.  
Rắp những mong cơ nghiệp dài lâu.*

*Giống khôn há phải đàn trâu,  
Giang sơn nỡ để người đâu vẫy vùng!  
Hai mươi triệu dân cùng, của hết,  
Bốn mươi năm nước mất, quyền không.  
Thương ôi! Công nghiệp tổ tông,*

*Nước tanh máu đỏ, non chồng thịt cao!  
Non nước ấy biết bao máu mủ,  
Nỡ nào đem nuôi lũ sài lang?  
Cờ ba sắc xứ Đông Dương,  
Trông càng thêm nhục, nói càng thêm đau!*

*Nhục vì nước, mà đau người trước,  
Nông nỗi này, non nước cũng oan.  
Hồn ơi! Về với giang sơn,  
Muôn người muôn tiếng hát ran câu này:  
“Hợp muôn sức ra tay quang phục,*

*Quyết có phen rửa nhục báo thù…”  
Mấy câu ái quốc reo hò.  
Chữ đồng tâm ấy phải cho một lòng.*

**Trả lời câu hỏi/Thực hiện yêu cầu:**

**Câu 1:** Thể loại của văn bản và những dấu hiệu nhận biết? Việc sử dụng thể thơ này có tác dụng gì?

**Câu 2:** Nhân vật trữ tình trong văn bản là ai?

**Câu 3:** Xác định đề tài và chủ đề của văn bản.

**Câu 4:** Em hiểu tình hình nước ta như thế nào qua những câu thơ sau:

*Giang sơn nỡ để người đâu vẫy vùng!  
Hai mươi triệu dân cùng, của hết,  
Bốn mươi năm nước mất, quyền không.  
Thương ôi! Công nghiệp tổ tông,*

*Nước tanh máu đỏ, non chồng thịt cao!*

Theo em việc sử dụng thán từ *Thương ôi!* trong đoạn thơ trên có tác dụng gì?

**Câu 5.** Văn bản **Ái Quốc** gợi cho em suy nghĩ gì?

- HS tự trả lời theo quan điểm, nhận thức cá nhân.

- Câu trả lời đủ 2 vế chính.

VD: Suy nghĩ như thế nào về đất nước mất chủ quyền; về tình yêu và trách nhiệm đối với Đất nước….

- Lựa chọn câu thơ/Hình ảnh thơ trong đoạn trích để lại ấn tượng đậm nét trong em về điều đó.

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

**Câu 1:**

- Thể loại của văn bản: **Song thất lục bát.**

- Những dấu hiệu nhận biết?

*a. Số tiếng trong mỗi câu thơ*

- Một bài thơ song thất lục bát gồm một hay nhiều khổ thơ; mỗi khổ thơ gồm 4 dòng thơ: Một cặp thất ngôn và một cặp lục bát.

*b. Gieo vần*

*-* Mỗi khổ thơ có một vần trắc và ba vần bằng; câu sáu chỉ có vần chân, ba câu kia vừa có vần chân vừa có vần lưng

*c. Ngắt nhịp*

Các câu 7 có thể ngắt nhịp 3/4 hoặc 3/2/2, hai câu sáu-tám ngắt nhịp theo thể lục.

* **Tác dụng của việc sử dụng thể thơ song thất lục bát:**

Mang đến nhiều cảm xúc tác giả muốn gửi gắm, gieo vần thú vị, mang đến nét tươi mới.

Dùng thể thơ này để thể hiện suy nghĩ sẽ giúp người đọc nhớ lâu hơn.

**Câu 2:** Nhân vật trữ tình trong văn bản là một người dân yêu nước nhưng phải chứng kiến tình cảnh nước mất nhà tan.

**Câu 3:** Đề tài và chủ đề của văn bản: Tình yêu đối với quê hương đất nước và lòng căm thù giặc sâu sắc. Bộc lộ khát vọng đấu tranh giành lại độc lập cho dân tộc.

**Câu 4:** Em hiểu tình hình nước ta qua những câu thơ:

*Giang sơn nỡ để người đâu vẫy vùng!  
Hai mươi triệu dân cùng, của hết,  
Bốn mươi năm nước mất, quyền không.  
Thương ôi! Công nghiệp tổ tông,*

*Nước tanh máu đỏ, non chồng thịt cao!*

**- Một đất nước bị mất chủ quyền, bị bóc lột, đàn áp.**

- Việc sử dụng thán từ *Thương ôi!* trong đoạn thơ trên có tác dụng bộc lộ nỗi đau mất nước.

**Câu 5.**

- HS tự trả lời theo quan điểm, nhận thức cá nhân.

- Câu trả lời đủ 2 vế chính.

VD: *Suy nghĩ như thế nào về đất nước mất chủ quyền.*

- Lựa chọn câu thơ/Hình ảnh thơ trong đoạn trích để lại ấn tượng đậm nét trong em về điều đó.

**ĐỀ 2**

**Đọc văn bản sau:**

**Chiêu hồn nước**

Trông cố-quốc lòng đau khôn xiết  
Sáu mươi năm Nam-Việt lầm than!  
Thương thay nước mất nhà tan,  
Dưới sông máu chảy trên ngàn xương phơi.  
Thân nô-lệ làm tôi tớ Pháp,  
Biết bao giờ cho thoát cơ-hàn.  
Than ôi! Nam-Việt giang-san,  
Người nhiều đất rộng kho tàng sạch không!  
Dân lao khổ rét hôm đói tối:  
Thuế nặng nề lại giới quan tham.  
Cường-quyền theo thói giã-man,  
Bạc vàng vơ vét mình làm chúng xơi.

Đồng-bào hỡi liệu thời đứng dậy.  
Tuốt gươm ra đòi lấy san-hà,  
Chém giết giặc dựng cơ-đồ  
Tự cường, tự trị phỏng nhờ cậy ai.  
Thương quý nhau một mai sung sướng  
Quyết một lòng thờ phụng quốc-gia,  
Nước non vẫn nước non nhà

Giang-san Hồng-Lạc vẫn là giang-san,  
Kẻ bất nghĩa buôn dân bán nước,  
Người chí cao vẫn ước phục thù.

**(Phạm Tất Đắc)**

(Đăng trong báo Việt-Hồn ở Hải-ngoại gửi về.)

**Trả lời câu hỏi/Thực hiện yêu cầu:**

**Câu 1.** Thể loại của văn bản?

**Câu 2.** Xác định bố cục, nội dung của từng đoạn trong văn bản.

**Câu 3. Đoạn trích sau** đã tái hiện ảnh ngộ nào của đất nước?

*Trông cố-quốc lòng đau khôn xiết  
Sáu mươi năm Nam-Việt lầm than!  
Thương thay nước mất nhà tan,  
Dưới sông máu chảy trên ngàn xương phơi.  
Thân nô-lệ làm tôi tớ Pháp,  
Biết bao giờ cho thoát cơ-hàn.  
Than ôi! Nam-Việt giang-san,  
Người nhiều đất rộng kho tàng sạch không!  
Dân lao khổ rét hôm đói tối:  
Thuế nặng nề lại giới quan tham.  
Cường-quyền theo thói giã-man,  
Bạc vàng vơ vét mình làm chúng xơi.*

**Câu 4.** Đoạn thơ:

*Đồng-bào hỡi liệu thời đứng dậy.  
Tuốt gươm ra đòi lấy san-hà,  
Chém giết giặc dựng cơ-đồ  
Tự cường, tự trị phỏng nhờ cậy ai.*

có vai trò như thế nào đối với văn bản?

**Câu 5.** Đoạn trích **Chiêu hồn nước** gợi cho em suy nghĩ gì? Câu thơ/Hình ảnh nào trong đoạn trích để lại ấn tượng đâm nét trong em về điều đó?

**ĐỀ 3**

**Đọc văn bản sau:**

**NỖI ĐAU THƯỞ TRƯỚC**

**(Trích Ba mươi năm đời ta có Đảng – Tố Hữu)**

Thuở nô lệ, thân ta nước mất  
Cảnh cơ hàn, trời đất tối tăm  
Một đời đau suốt trăm năm  
Chim treo trên lửa, cá nằm dưới dao!  
Giặc cướp hết, non cao biển rộng  
Cướp cả tên nòi giống tổ tiên  
Lưỡi gươm cắt đất ngăn miền  
Non sông một khúc ruột liền chia ba  
Lũ bán nước lột da dân nước  
Tan mồ cha cũng rước voi giày  
Máu đà nhúng đỏ bàn tay  
Biết chi đau đớn cỏ cây đồng bào!  
  
Ôi nhớ những năm nào thuở trước  
Xóm làng ta xơ xác héo hon  
Nửa đêm thuế thúc trống dồn  
Sân đình máu chảy, đường thôn lính đầy.  
Cha trốn ra Hòn Gay cuốc mỏ  
Anh chạy vào Đất Đỏ làm phu  
Bán thân đổi mấy đồng xu  
Thịt xương vùi gốc cao su mấy tầng!  
Con đói lả ôm lưng mẹ khóc  
Mẹ đợ con đấu thóc cầm hơi  
Kiếp người cơm vãi cơm rơi  
Biết đâu nẻo đất phương trời mà đi!  
  
          \*  
….

Chín năm kháng chiến thánh thần  
Gậy tầm vông đánh tan quân bạo tàn!  
Một dân tộc hai bàn tay trắng  
Đồng tâm là chiến thắng thành công  
Dân ta gan dạ anh hùng:  
Trẻ làm đuốc sống, già xông lửa đồn  
Chân toạc máu, chân dồn đuổi giặc  
Tay chém thù, tay sắc như gươm!  
Củ khoai, củ sắn thay cơm  
Khoai bùi trong dạ, sắn thơm trong lòng  
Hớp ngụm nước suối trong đỡ khát  
Trông trời cao mà mát tâm can

\* **Chú thích:**

- Tố Hữu, tên thật là Nguyễn Kim Thành ( (1920 - 2002) quê gốc ở làng Phủ Lại thuộc xã Quảng Thọ, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, là một nhà thơ tiểu biển thơ Cách mạng Việt Nam, đồng thời ông còn là một chính một khách, một cán bộ Cách mạng lão thành.

**\* Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:**

**Câu 1.** Xác định thể thơ và nhân vật trữ tình của văn bản **Nỗi đau thuở trước**.

**Câu 2.** Xác định bố cục, nội dung của từng đoạn trong văn bản **Nỗi đau thuở trước.**

**Câu 3. Nỗi đau thuở trước** đã tái hiện ảnh ngộ nào của đất nước?

Hãy phân tích một số biện pháp nghệ thuật tiêu biểu làm rõ cảnh ngộ đó.

**Câu 4.** Đoạn thơ cuối có vai trò như thế nào đối với văn bản? Từ đó nhận xét mạch – cảm xúc, chủ để, bức thông điệp của văn bản **Nỗi đau thuở trước**.

**Câu 5.** Đoạn trích **Nỗi đau thuở trước** gơi cho em suy nghĩ gì? Câu thơ/Hình ảnh nào trong đoạn trích để lại ấn tượng đâm nét trong em về điều đó?

**HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI**

**Câu 1.** Xác định thể thơ và nhân vật trữ tình của văn bản **Nỗi đau thuở trước**.

- Thể thơ: song thất lục bát.

- Nhân vật trữ tình: người con yêu nước.

**Câu 2.** Xác định bố cục, nội dung của từng đoạn trong văn bản **Nỗi đau thuở trước.**

- Bố cục: 3 đoạn - Nội dung cụ thể:

+ Đoạn 1: Nỗi đau của đất nước có giặc ngoại xâm.

+ Đoạn 2: Nỗi khổ nhục của người dân mất nước.

+ Đoạn 3: Kháng chiến thành công.

**Câu 3.** Nỗi đau thuở trước đã tái hiện ảnh ngộ nào của đất nước? Hãy phân tích một số biện pháp nghệ thuật tiêu biểu làm rõ cảnh ngộ đó.

**- Một đất nước không có chủ quyền.**

*Chim treo trên lửa, cá nằm dưới dao!/Giặc cướp hết, non cao biển rộng*

*Cướp cả tên nòi giống tổ tiên/Lưỡi gươm cắt đất ngăn miền*

*Non sông một khúc ruột liền chia ba*

-> Nghệ thuật tiểu đối, ẩn dụ (Chim treo trên lửa, cá nằm dưới dao!)

Vần ( dao – cao; tiên – miền); điệp từ (cướp)

-> Cách ghép nối hai phần song thất và lục bát trong thơ tạo ra sự uyên chuyển, diễn đạt ý nghĩa chân thực, sinh động thảm cảnh đất nước nô lệ mạng sống người dân luôn bị đe dọa, đất nước bị chia cắt, giống nòi suy yếu, tên tuổi đất nước không còn.

- Một dân tộc phải sống kiếp nô lệ lầm than:

*Con đói lả ôm lưng mẹ khóc/Mẹ đợ con đấu thóc cầm hơi.*

*Kiếp người cơm vãi cơm rơi/Biết đâu nẻo đất phương trời mà đi!*

-> Hình ảnh thơ tả thực, giàu sức gợi (con đói lả ôm lưng mẹ, đầu thóc cầm hoa dòng thơ giàu ý nghĩa khái quát (Kiếp người cơm vài cơm rơi); câu cảm Biết đâu...

-> Diễn tả cuộc sống cơ cực, nỗi đau xót tột cùng của nhân vật trữ tình khi phải chứng kiến cuộc sống lầm than, tăm tối của người dân nước mình.

**Câu 4.** Đoạn thơ cuối có vai trò như thế nào đối với văn bản? Từ đó nhận xét mạch – cảm xúc, chủ để, bức thông điệp của văn bản **Nỗi đau thuở trước.**

- Đoạn cuối thể hiện rõ mạch cảm xúc của văn bản: nỗi căm giận quân xuân đớn xót thương cho cảnh đất nước lầm than là động lực là sức mạnh để làm nên cuộc kháng chiến ( gậy tầm vông đánh tan quân bạo tàn!) để có được ngày tươi sáng (Trông trời cao mà mát tâm can)

Mạch cảm xúc của văn bản: đi từ căm giận, đau xót (âm hưởng thơ trầm lăng) đến niềm vui của ngày kháng chiến thành công (âm hưởng thơ tươi sáng, sảng khoái).

- Chủ đề của văn bản: Qua việc tái hiện cảnh mất nước lầm than, tác giả thể hiện tình yêu nước sâu sắc, niềm tự hào về dân tộc anh dũng, quật cường.

- Bức thông điệp:

+ Đất nước bị xâm lăng, nô lệ, dân chúng phải sống cảnh lầm than. + Con người, đất nước bị nô lệ hãy đứng lên tự cứu mình, giải phóng đất nước.

**Câu 5.** Đoạn trích **Nỗi đau thuở trước** gợi cho em suy nghĩ gì?

- HS tự trả lời theo quan điểm, nhận thức cá nhân.

- Câu trả lời đủ 2 vế chính.

VD: Suy nghĩ như thế nào về đất nước mất chủ quyền.

- Lựa chọn câu thơ/Hình ảnh thơ trong đoạn trích để lại ấn tượng đậm nét trong em về điều đó.

**ĐỀ 4**

**Đọc văn bản sau:**

**Hai Chữ Nước Nhà**

Tác giả: Trần Tuấn Khải

Chốn Ải Bắc mây sầu ảm đạm

Cõi trời Nam gió thảm đìu hiu

Bốn bề hổ thét chim kêu

Đoái nom phong cảnh như khêu bất bình

Hạt máu nóng thấm quanh hồn nước

Chút thân tàn lần bước dặm khơi

Trông con tầm tã châu rơi

Con ơi con nhớ lấy lời cha khuyên:

Giống Hồng Lạc hoàng thiên đã định

Mấy ngàn năm suy thịnh đổi thay

Trời Nam riêng một cõi này

Anh hùng, hiệp nữ xưa nay kém gì!

Than vận nước gặp khi biến đổi

Ðể quân Minh thừa hội xâm lăng

Bốn phương khói lửa bừng bừng

Xiết bao thảm hoạ xương rừng máu sông!

Nơi đô thị thành tung quách vỡ

Chốn dân gian bỏ vợ lìa con

Làm cho xiêu tán hao mòn

Lạ gì khác giống dễ còn thương đâu!

Thảm vong quốc kể sao cho xiết

Trông cơ đồ nhường xé tâm can

Ngậm ngùi khóc đất giời than

Thương tâm nòi giống lầm than nỗi này!

Khói Nùng lĩnh như xây khối uất

Sóng Long giang nhường vật cơn sầu

Con ơi! càng nói càng đau…

Lấy ai tế độ đàn sau đó mà?

Cha xót phận tuổi già sức yếu

Lỡ sa cơ đành chịu bó tay

Thân lươn bao quản vũng lầy

Giang sơn gánh vác sau này cậy con

Con nên nhớ tổ tông khi trước

Đã từng phen vì nước gian lao

Bắc Nam bờ cõi phân mao

Ngọn cờ độc lập máu đào còn dây

Kìa Trưng nữ ra tay buồm lái

Phận liễu bồ xoay với cuồng phong

Giết giặc nước, trả thù chồng

Nghìn thu tiếng nữ anh hùng còn ghi

Kìa Hưng Đạo gặp khi quốc biến

Vì giống nòi quyết chiến bao phen

Sông Bạch Đằng phá quân Nguyên

Gươm reo chính khí nước rền dư uy

Coi lịch sử gươm kia còn tỏ

Mở dư đồ đất nọ chưa tan

Giang san này vẫn giang san

Mà nay sẻ nghé tan đàn vì ai?

Con nay cũng một người trong nước

Phải nhắc câu Gia, Quốc đôi đường

Làm trai hồ thỉ bốn phương

Sao cho khỏi thẹn với gương Lạc Hồng

Thời thế có anh hùng là thế

Chữ vinh hoa xá kể làm chi!

Mấy trang hào kiệt xưa kia

Hy sinh thân thế cũng vì nước non

Con đương độ đầu xanh tuổi trẻ

Bước cạnh tranh há dễ nhường ai?

Phải nên thương lấy giống nòi

Đừng tham phú quý mà nguôi tấc lòng

Kiếp luồn cúi, đỉnh chung cũng nhục;

Thân tự do chiên chúc mà vinh

Con ơi nhớ đức sinh thành

Sao cho khỏi để ô danh với đời

Chớ lần lữa theo loài nô lệ

Bán tổ tiên kiếm kế sinh nhai

Đem thân đầy đọa tôi đòi

Nhục nhằn bêu riếu muôn đời hay chi?

Sống như thế, sống đê, sống mạt

Sống làm chi thêm chật non sông!

Thà rằng chết quách cho xong

Cái thân cẩu trệ ai mong có mình!

Huống con cũng học hành khôn biết

Làm giống người phải xét nông sâu

Tuồng chi gục mặt cúi đầu

Cam tâm làm kiếp ngựa trâu cho đành!

Nỗi tâm sự đinh ninh dường ấy

Cha khuyên con có bấy nhiêu lời

Con ơi! con phải là người

Thì con theo lấy những lời cha khuyên

Cha nay đã muôn nghìn bi thảm

Nói bao nhiêu tâm khảm càng đau!

Chân mây mặt cỏ rầu rầu

Càng trông cố quốc mạch sầu càng thương!

Lời cha dặn khắc xương để dạ

Mấy gian lao con chớ sai nguyền

Tuốt gươm thề với vương thiên

Phải đem tâm huyết mà đền cao sâu

Gan tráng sĩ vững sau như trước

Chí nam nhi lấy nước làm nhà

Tấm thân xẻ với san hà

Tượng đồng bia đá hoạ là cam công

Nữa mai mốt giết xong thù nghịch

Mũi long tuyền lau sạch màu tanh

Làm cho đất rộng trời kinh

Bấy giờ quốc hiển gia vinh có ngày!

Nghĩa vụ đó con hay chăng tá?

Tính toán sao vẹn cả đôi đường

Cha dù đất lạ gửi xương

Trông về cố quốc khỏi thương hồn già.

**Trả lời câu hỏi/Thực hiện yêu cầu:**

Câu 1: Thể loại của văn bản và những dấu hiệu nhận biết?

Câu 2: Xác định 2 yếu tố trong thi luật của thơ song thất lục bát được thể hiện trong đoạn trích?

Câu 3:Nhân vật trữ tình trong văn bản là ai? Họ đang ở trong hoàn cảnh nào?

Câu 4: Khổ đầu của bài thơ gợi tả cảnh tượng gì?

Câu 5: Tình cảnh đất nước và nỗi lòng của người cha được gợi tả như thế nào?

Câu 6: Người cha đã khuyên con điều gì?

Câu 7: Xác định chủ đề, cảm hứng, bức thông điệp của văn bản. và cho biết thông điệp đó đã tác động tới cảm xúc, nhận thức của em như thế nào?

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

**Câu 2:** Xác định 2 yếu tố trong thi luật của thơ song thất lục bát được thể hiện trong đoạn trích:

Đa số các khổ thơ trong đoạn trích đều thể hiện 2 đặc điểm sau:

- Mỗi khổ thơ gồm 2 câu thất (7 chữ) và một cặp lục bát (6, 8 chữ)

- Hiệp vẫn ở mỗi cặp: cặp song thất có vần trắc, cặp lục bát có vân bằng; giữa hai cặp có vần liền.

**Câu 3:**Nhân vật trữ tình trong văn bản là: người con và cha.

Họ đang ở trong hoàn cảnh: phải chia ly, người con ở lại còn cha phải đi theo chủ lưu vong ở nước ngoài không có ngày về.

**Câu 4:** Khổ đầu của bài thơ gợi tả cảnh tượng gì?

*Chốn Ải Bắc mây sâu ảm đạm*

*Cõi trời Nam gió thảm đìu hiu*

*Bốn bé hồ thét chim kêu*

*Đoái nom phong cảnh như khêu bất bình*

- Gợi ra cảnh tượng, không gian đất nước u ám, buồn thảm với sắc màu xám xịt và âm thanh ghê rợn -> Hiện thực tăm tối, bất an.

- Vẫn của khổ thơ: Hiệp vẫn ở mỗi cặp: cặp song thất có vẫn trắc, cặp lục bát có vần bằng (đạm - thảm; kêu - khêu).

**Câu 5:** Tình cảnh đất nước và nỗi lòng của người cha được gợi tả:

+ Tình cảnh đất nước: có giặc ngoại xâm.

+ Nơi đô thị thành tung quách vỡ

*Chốn dân gian bỏ vợ lìa con*

*Bốn phương khói lửa bừng bừng*

*Xiết bao thảm hoa xương rừng máu sông!*

-> Tác giả sử dụng một số từ ngữ thành tung quách vỡ, bỏ vợ lìa con gợi tả cảnh tượng cụ thể của đất nước có giặc ngoại xâm.

Cách cấu trúc từ ngữ *thành tung quách vỡ* và hiệp vần trắc (*vỡ - vợ*) ở 2 câu thất nhấn mạnh, gây ám ảnh về sự tàn phá của chiến tranh, nỗi lầm than của người dân mất nước: bao quanh thành quách từ ngàn đời bị phá hủy, con người bơ vơ, lưu lạc, gia đình vợ con sống trong cảnh ly tán, khắp đất nước chìm trong khói lửa và niềm căm uất.

- Nỗi lòng của người cha: người yêu nước, căm thù giặc.

*+ Hạt máu nóng thấm quanh hồn nước*

*Chút thân tàn lần bước dăm khơi*

*+ Thảm vong quốc kể sao cho xiết*

*Trông cơ đồ nhường xé tâm can*

*Ngậm ngùi khóc đất giời than*

*Thương tâm nòi giống lắm than nỗi này!*

*+ Khói Nùng lĩnh như xây khối uất*

*Sóng Long giang nhường vật cơn sầ*

*Con ơi! càng nói càng đau...*

*Lấy ai tế độ đàn sau đó mà?*

-> Nghệ thuật ẩn du Hat máu nóng thấm quanh hồn nước; so sánh nhường xé tâm can diễn tả nỗi lòng của con người yêu nước, đang đau đớn tột cùng và đang bất lực khi nhìn cảnh đất nước bị tàn phá bởi quân xâm lược.

-> Dùng hàng loạt từ ngữ diễn tả cảm xúc, tâm trạng (ngậm ngùi, khối uất; vật cơn sâu, cho xiết, xé) và nghê thuật nhân hóa (khóc đất giời than), so sánh (Khoi Nung lĩnh như xây khối uất/Sóng Long giang nhường vật cơn sâu) diễn tả các trạng thái của tâm hồn không chỉ đau đớn đến vật vã mà còn uất hận bởi chưa thể giết giặc cứu nước.

**Câu 6:** Người cha đã khuyên con

- Khuyên con nhớ lời.

+ Đất nước ta nòi giống Lạc Hồng thời nào cũng có anh hùng, hiệp nữ.

+ Đất nước qua nhiều đổi thay suy thịnh nhưng vẫn giữa được đất nước (Trời Nam riêng một cõi này).

+ Đất nước hiện tại đang bị xâm lăng/mất nước đau đớn vô cùng. Nỗi đau mắt nước không kể xiết.

+ Người cha yêu nước, lo lắng cho vận mệnh đất nước (Con ơi! càng nói càng đau.... Lấy ai tế độ đàn sau đó mà?).

-> Tác giả sử dụng yếu tố của truyền thuyết, lịch sử, câu cảm, câu hỏi tu từ vừa để khích lệ lòng yêu nước, truyền thống anh hùng, vừa để người con thấu cảnh đất nước lầm than mà nuôi ý chí cứu nước.

**Câu 7:** Xác định chủ đề, cảm hứng, bức thông điệp của văn bản:

- Chủ đề: diễn tả nỗi đau mất nước, căm thù giặc để ngợi ca lòng yêu nước.

- Cảm hứng: thương cảm, căm thù.

- Bức thông điệp: Đất nước có giặc ngoại xâm, dân chúng lầm than sống trong ly tán; Căm thù quân cướp nước; Nuôi ý chí cứu nước.

- Tác động tới cảm xúc, nhận thức của em: HS tự làm (bám sát nội dung văn bản và câu trả lời phù hợp với văn hóa, truyền thống yêu nước của dân tộc ).

**ĐỀ 5**

**Đọc văn bản:**

**Bài thơ Đêm Khuya Tự Tình Với Sông Hương**

*Kính tặng cụ Phan Sào Nam*

Bây giờ chỉ có đôi ta  
Bao nhiêu tâm sự Hằng Nga biết rồi  
Thuở nước non đến hồi non nước  
Sông Hương đành xuôi ngược đông tây  
Soi lòng chỉ có đám mây  
Đám mây phú quý những ngày lao đao  
Sao mặt sông xanh xao ra dáng  
Sao tình sông lai láng khôn ngăn?  
Vì ai lắm nỗi chứa chan  
Hay còn đợi khách quá giang một lần  
Này thử hỏi, thuyền nan thả lá  
Thuyền ai đây nấn ná bấy lâu?  
Mặc ai khanh tướng công hầu  
Không thèm chung đỉnh, lưng bầu gió trăng  
Sao trời đất đãi đằng ra thế?  
Sao mưa nguồn chớp bể luôn đêm?  
Trong thành yến ấm vui thêm  
Tiếng ca lanh lảnh lọt rèm rèm thưa  
Sông Hương hỡi, xuân vừa tơ liễu  
Cả trăm hoa hàm tiếu nhởn nhơ  
Vì đâu nước chảy lững lờ  
Hay cho thế sự cuộc cờ chiêm bao  
Ghét xa mã nao nao uốn khúc  
Giận thời gian những lứa xuân xanh  
Nhà ai khiêu vũ năm canh  
Hơi men sực nức dưới thành đô xưa  
Sao tức tối trôi bừa đi mãi  
Chẳng buồn nghe cô lái thở than  
“Thuyền em đậu bến Hương Giang  
Chờ người quân tử lỡ làng tình duyên”  
Thuyền lặng lẽ nằm yên với bóng  
Nước sống xuôi dợn sóng bến thuyền  
Trong thành ngủ chết con đen  
Khoá xuân bỏ lỏng đến then chẳng gài  
Hãy trông thử đền đài dinh thự  
Dấu xưa, xưa tình tứ làm sao  
Ô hay! Sóng chảy dạt dào  
Chiếc thuyền vô định tạc vào bến mê  
Sao trai gái đi về trong mộng  
Mà sông Hương chẳng động niềm riêng  
Trong thành để lạnh hương nguyền

**( Hàn Mặc Tử)**

**Trả lời câu hỏi/Thực hiện yêu cầu:**

Câu 1: Thể loại của văn bản và những dấu hiệu nhận biết?

Câu 2: Xác định 2 yếu tố trong thi luật của thơ song thất lục bát được thể hiện trong đoạn trích?

Câu 3:Nhân vật trữ tình trong văn bản là ai?

…………………